PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Thông tư số 38/2013/TT-BTNMT ngày 30 tháng 10 năm 2013 ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Lạng Sơn

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH LẠNG SƠN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2013/TT-BTNMT ngày 30 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

(Tiếp theo Công báo số 809 + 810)

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Ao Kham	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 29' 58"	106° 25' 13"					F-48-69-B-b
làng Ao Mảng	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 29' 50"	106° 25' 44"					F-48-69-B-b
thôn Bắc Lệ	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 30' 41"	106° 25' 50"					F-48-57-D-d
đèo Bắn Bia	SV	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 31' 11"	106° 26' 00"					F-48-57-D-d
làng Cầu	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 29' 48"	106° 25' 24"					F-48-69-B-b
làng Cầu Con	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 30' 10"	106° 25' 07"					F-48-57-D-d
thôn Cây Sấu	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 29' 15"	106° 26' 23"					F-48-69-B-b
thôn Đồng Cẩy	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 28' 58"	106° 24' 52"					F-48-69-B-b
làng Giầu Sang	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 30' 34"	106° 24' 41"					F-48-57-D-d
làng Gốc Có	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 30' 43"	106° 25' 47"					F-48-57-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Gốc Gạo	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 30' 32"	106° 25' 30"					F-48-57-D-d
suối Khuôn Nghè	TV	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng			21° 29' 06"	106° 27' 04"	21° 27' 05"	107° 26' 53"	F-48-69-B-b
thôn Làng Cống	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 29' 51"	106° 25' 53"					F-48-69-B-b
thôn Làng Ngôn	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 29' 14"	106° 24' 37"					F-48-69-B-b
làng Lào Cai	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 28' 33"	106° 24' 54"					F-48-69-B-b
thôn Tân Phú	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 28' 57"	106° 26' 28"					F-48-69-B-b
suối Vị	TV	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng			21° 26' 40"	106° 24' 50"	21° 28' 26"	106° 24' 27"	F-48-69-B-b
thôn Vườn Chè	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 29' 55"	106° 24' 47"					F-48-69-B-b
thôn Bàng	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 33' 55"	106° 13' 33"					F-48-57-C-d
thôn Điền Dưới	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 32' 30"	106° 12' 58"					F-48-57-C-d
thôn Điền Giữa	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 32' 33"	106° 12' 39"					F-48-57-C-d
thôn Điền Trên	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 32' 25"	106° 12' 08"					F-48-57-C-d
suối Giao Thủy	TV	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng			21° 32' 07"	106° 11' 44"	21° 32' 46"	106° 12' 20"	F-48-57-C-d
thôn Lay 1	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 42"	106° 13' 07"					F-48-57-C-d
thôn Lay 2	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 49"	106° 13' 41"					F-48-57-C-d
núi Một	SV	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 47"	106° 13' 57"					F-48-57-C-d
thôn Na Đàn	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 33' 19"	106° 12' 57"					F-48-57-C-d
thôn Niêng	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 32' 46"	106° 14' 00"					F-48-57-C-d
xóm Quýt	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 18"	106° 13' 09"					F-48-57-C-d
xóm Xa Khao	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 33' 30"	106° 13' 30"					F-48-57-C-d
suối Cái	TV	xã Thiện Kỵ	H. Hữu Lũng			21° 33' 54"	106° 10' 22"	21° 34' 31"	106° 11' 21"	F-48-57-C-d
làng Chung Tiến	DC	xã Thiện Kỵ	H. Hữu Lũng	21° 34' 11"	106° 11' 15"					F-48-57-C-d
hồ Đắp Đề	TV	xã Thiện Kỵ	H. Hữu Lũng	21° 34' 49"	106° 11' 06"					F-48-57-C-d
làng Đèo Cáo	DC	xã Thiện Kỵ	H. Hữu Lũng	21° 33' 10"	106° 10' 50"					F-48-57-C-d
suối Đục	TV	xã Thiện Kỵ	H. Hữu Lũng			21° 34' 49"	106° 11' 41"	21° 34' 37"	106° 12' 35"	F-48-57-C-d
làng Gốc Tấm	DC	xã Thiện Kỵ	H. Hữu Lũng	21° 34' 56"	106° 11' 56"					F-48-57-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Lân	DC	xã Thiện Kỵ	H. Hữu Lũng	21° 33' 39"	106° 11' 09"					F-48-57-C-d
thôn Làng Trang	DC	xã Thiện Kỵ	H. Hữu Lũng	21° 34' 27"	106° 11' 03"					F-48-57-C-d
đèo Ông Đống	SV	xã Thiện Kỵ	H. Hữu Lũng	21° 34' 11"	106° 10' 01"					F-48-57-C-d
thôn Quyết Thắng	DC	xã Thiện Kỵ	H. Hữu Lũng	21° 34' 54"	106° 11' 42"					F-48-57-C-d
thôn Quyết Tiến	DC	xã Thiện Kỵ	H. Hữu Lũng	21° 35' 16"	106° 12' 04"					F-48-57-C-d
đập Sấp	KX	xã Thiện Kỵ	H. Hữu Lũng	21° 34' 53"	106° 11' 06"					F-48-57-C-d
thôn Cảo	DC	xã Vân Nham	H. Hữu Lũng	21° 31' 17"	106° 13' 34"					F-48-57-C-d
suối Đập	TV	xã Vân Nham	H. Hữu Lũng			21° 31' 35"	106° 14' 30"	21° 30' 58"	106° 14' 37"	F-48-57-C-d
thôn Hét	DC	xã Vân Nham	H. Hữu Lũng	21° 32' 14"	106° 14' 40"					F-48-57-C-d
núi Làng Hét	SV	xã Vân Nham	H. Hữu Lũng	21° 33' 04"	106° 14' 33"					F-48-57-C-d
suối Mỏ Đinh	TV	xã Vân Nham	H. Hữu Lũng			21° 32' 06"	106° 14' 01"	21° 32' 18"	106° 14' 25"	F-48-57-C-d
thôn Phổng	DC	xã Vân Nham	H. Hữu Lũng	21° 31' 52"	106° 14' 09"					F-48-57-C-d
thôn Thuyền	DC	xã Vân Nham	H. Hữu Lũng	21° 32' 39"	106° 14' 34"					F-48-57-C-d
núi Châu Bẫu	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 37' 48"	106° 14' 13"					F-48-57-C-b
núi Con Cá	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 21"	106° 14' 24"					F-48-57-C-d
núi Đĩa Suối	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 40"	106° 13' 42"					F-48-57-C-d
thôn Đồng Bưa	DC	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 49"	106° 16' 04"					F-48-57-D-c
thôn Đồng Bụt	DC	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 13"	106° 15' 52"					F-48-57-D-c
thôn Đồng Xa	DC	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 41"	106° 14' 41"					F-48-57-C-d
núi Hang Trái	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 39' 16"	106° 15' 30"					F-48-57-D-a
thôn Hồng Gạo	DC	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 37' 13"	106° 14' 44"					F-48-57-C-d
thôn La 1	DC	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 38' 29"	106° 15' 09"					F-48-57-D-a
đèo Lân Dỏ	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 39' 17"	106° 16' 27"					F-48-57-D-a
núi Lân Dù	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 40' 00"	106° 15' 48"					F-48-57-D-a
núi Lân Kiềng	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 40' 25"	106° 15' 27"					F-48-57-D-a
đèo Lân Nứa	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 35' 54"	106° 15' 48"					F-48-57-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Lân Rì	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 39' 07"	106° 17' 28"					F-48-57-D-a
đèo Lân Vẹ	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 39' 59"	106° 16' 55"					F-48-57-D-a
núi Lân Vẹ	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 39' 52"	106° 16' 54"					F-48-57-D-a
thôn Làng Trang	DC	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 50"	106° 14' 17"					F-48-57-C-d
đèo Máng Lợn	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 39' 06"	106° 16' 06"					F-48-57-D-a
núi Mỏ Cồm	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 39' 50"	106° 17' 30"					F-48-57-D-a
làng Nỉ	DC	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 48"	106° 15' 13"					F-48-57-D-c
thôn Quý Xã	DC	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 37' 41"	106° 15' 38"					F-48-57-D-a
đèo Thạp	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 03"	106° 15' 09"					F-48-57-D-c
thôn Bãi Danh	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 24"	106° 24' 34"					F-48-57-D-d
đèo Cả	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 55"	106° 25' 50"					F-48-57-D-d
núi Cắng	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 31"	106° 25' 15"					F-48-57-D-d
thôn Chục Bây	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 31"	106° 23' 57"					F-48-57-D-d
núi Chũng Nẩu	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 37' 15"	106° 23' 49"					F-48-57-D-d
núi Cửa Ngòa	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 13"	106° 25' 02"					F-48-57-D-d
đèo Đăng	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 33' 59"	106° 25' 57"					F-48-57-D-d
thôn Đằng	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 41"	106° 23' 16"					F-48-57-D-d
núi Đìa Nhẫn	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 56"	106° 24' 22"					F-48-57-D-d
núi Đỏ	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 36' 18"	106° 22' 55"					F-48-57-D-d
núi Đồng Hút	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 38"	106° 26' 01"					F-48-57-D-d
núi Đồng Quyền	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 17"	106° 23' 48"					F-48-57-D-d
núi Gò Ngượm	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 36' 03"	106° 25' 47"					F-48-57-D-d
thôn Hạ	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 13"	106° 23' 12"					F-48-57-D-d
núi Hang Cửi	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 36' 02"	106° 22' 55"					F-48-57-D-d
núi Hang Đá Mài	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 24"	106° 25' 23"					F-48-57-D-d
núi Hang Hổng	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 14"	106° 24' 09"					F-48-57-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lân Nóng	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 37' 37"	106° 25' 38"					F-48-57-D-b
xóm Lân Rì	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 05"	106° 26' 21"					F-48-57-D-d
thôn Lân Thuổng	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 52"	106° 25' 39"					F-48-57-D-d
núi Lân Ván	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 33"	106° 26' 17"					F-48-57-D-d
núi Làng	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 36' 01"	106° 23' 55"					F-48-57-D-d
thôn Loi	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 49"	106° 25' 21"					F-48-57-D-d
đèo Loi	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 36' 43"	106° 26' 10"					F-48-57-D-d
núi Lược	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 43"	106° 23' 12"					F-48-57-D-d
núi Lũy	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 21"	106° 23' 36"					F-48-57-D-d
núi Mỏ	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 44"	106° 25' 46"					F-48-57-D-d
núi Mỏ Kẹt	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 51"	106° 24' 47"					F-48-57-D-d
núi Mỏ Phúc	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 47"	106° 22' 33"					F-48-57-D-d
núi Một	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 57"	106° 26' 18"					F-48-57-D-d
núi Nả	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 14"	106° 24' 24"					F-48-57-D-d
núi Nhà Mạt	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 55"	106° 24' 00"					F-48-57-D-d
núi Nhà Tanh	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 36' 36"	106° 23' 40"					F-48-57-D-d
núi Nong Đớ	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 53"	106° 22' 42"					F-48-57-D-d
thôn Nong Thâm	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 36"	106° 22' 18"					F-48-57-D-d
núi Ót Cà	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 47"	106° 25' 44"					F-48-57-D-d
núi Phượng Hoàng	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 36' 16"	106° 23' 42"					F-48-57-D-d
núi Rừng Ma	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 57"	106° 25' 18"					F-48-57-D-d
núi Thác Trại	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 52"	106° 24' 35"					F-48-57-D-d
núi Thông	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 47"	106° 24' 13"					F-48-57-D-d
núi Tràm Sỏi	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 56"	106° 24' 16"					F-48-57-D-d
xóm Trong	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 25"	106° 25' 41"					F-48-57-D-d
núi Trục Bây	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 14"	106° 23' 46"					F-48-57-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Vọng	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 26"	106° 24' 18"					F-48-57-D-d
núi Vực Mìn	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 29"	106° 24' 54"					F-48-57-D-d
làng Ao Cả	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 47"	106° 23' 01"					F-48-57-D-b
núi Ao Dầm	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 53"	106° 23' 35"					F-48-57-D-b
đèo Bụt	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 38' 20"	106° 21' 16"					F-48-57-D-a
núi Cây Găng	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 13"	106° 22' 59"					F-48-57-D-d
làng Cây Khế	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 36' 27"	106° 20' 51"					F-48-57-D-c
núi Cây Lầu	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 42"	106° 22' 37"					F-48-57-D-b
thôn Chùa	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 12"	106° 20' 24"					F-48-57-D-c
thôn Chùa Coong	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 36"	106° 21' 43"					F-48-57-D-a
làng Cóc Trong	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 38' 38"	106° 24' 08"					F-48-57-D-b
thôn Diễn	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 32"	106° 21' 01"					F-48-57-D-a
núi Đàn Bò	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 22"	106° 22' 43"					F-48-57-D-b
thôn Đồng Áng	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 06"	106° 22' 06"					F-48-57-D-c
núi Đồng Là Mật	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 36' 07"	106° 18' 52"					F-48-57-D-c
thôn Gạo Ngoài	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng							
thôn Gạo Trong	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng							
làng Giàng	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 44"	106° 21' 54"					F-48-57-D-a
thôn Gò Mãm	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 22"	106° 21' 27"					F-48-57-D-c
núi Hang Đao	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 37"	106° 23' 25"					F-48-57-D-b
núi Lân Ba Mìn	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 38' 33"	106° 21' 25"					F-48-57-D-a
núi Lân Đù	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 38' 39"	106° 20' 44"					F-48-57-D-a
núi Lân Lày	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 39' 04"	106° 22' 13"					F-48-57-D-a
núi Lân Luông	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 23"	106° 19' 26"					F-48-57-D-c
núi Lân Mạ	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 38' 26"	106° 20' 57"					F-48-57-D-a
núi Lân Mỏ Mạ	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 36' 43"	106° 21' 16"					F-48-57-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đèo Lân Nghè	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 39' 35"	106° 22' 08"					F-48-57-D-a
núi Lân Nọc	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 48"	106° 21' 43"					F-48-57-D-c
núi Mỏ Mạ	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 36' 16"	106° 21' 28"					F-48-57-D-c
đèo Trá	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 39' 39"	106° 21' 45"					F-48-57-D-a
núi Ao Khanh	SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 30"	106° 20' 27"					F-48-57-D-c
thôn Ao Sen	DC	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 58"	106° 21' 34"					F-48-57-D-c
núi Ao Sen	SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 53"	106° 21' 46"					F-48-57-D-c
núi Bà Ký	SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 35' 08"	106° 21' 40"					F-48-57-D-c
núi Bà Thịnh	SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 58"	106° 20' 47"					F-48-57-D-c
làng Cây Hồng	DC	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 46"	106° 20' 50"					F-48-57-D-c
thôn Cây Hồng - Mỏ Tối	DC	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 50"	106° 20' 13"					F-48-57-D-c
thôn Chục Quan	DC	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 35' 36"	106° 21' 58"					F-48-57-D-c
núi Đất Sét	SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 52"	106° 19' 44"					F-48-57-D-c
núi Đề	SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 19"	106° 19' 58"					F-48-57-D-c
núi Đồng Mát	SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 35' 24"	106° 18' 34"					F-48-57-D-c
làng Đông Yên	DC	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 44"	106° 21' 30"					F-48-57-D-c
làng Gốc Sau	DC	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 35"	106° 22' 00"					F-48-57-D-c
núi Hàm Rồng	SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 25"	106° 21' 03"					F-48-57-D-c
núi Hang Hùm	SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 40"	106° 21' 52"					F-48-57-D-c
thôn Lầm Hạ	DC	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 42"	106° 21' 07"					F-48-57-D-c
thôn Lầm Thượng	DC	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 59"	106° 21' 14"					F-48-57-D-c
núi Lâm Trâm	SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 30"	106° 19' 37"					F-48-57-D-c
núi Lân Mỏ Tối	SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 35' 06"	106° 19' 59"					F-48-57-D-c
núi Một	SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 22"	106° 22' 14"					F-48-57-D-c
núi Năm Ngọn	SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 41"	106° 20' 26"					F-48-57-D-c
núi Trà Diêm	SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 33"	106° 21' 17"					F-48-57-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Tục Tăng	SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 33' 46"	106° 20' 56"					F-48-57-D-c
đường tỉnh 236	KX	TT. Lộc Bình	H. Lộc Bình			21° 45' 44"	106° 55' 42"	21° 45' 36"	106° 55' 16"	F-48-58-B+46-D
quốc lộ 4B	KX	TT. Lộc Bình	H. Lộc Bình			21° 46' 16"	106° 54' 23"	21° 44' 59"	106° 55' 44"	F-48-58-B+46-D
thôn Bản Kho	DC	TT. Lộc Bình	H. Lộc Bình	21° 45' 12"	106° 55' 29"					F-48-58-B+46-D
thôn Chộc Vằng	DC	TT. Lộc Bình	H. Lộc Bình	21° 44' 42"	106° 55' 42"					F-48-58-D-b
thôn Phiêng Quăn	DC	TT. Lộc Bình	H. Lộc Bình	21° 46' 11"	106° 54' 33"					F-48-58-B+46-D
thôn Pò Mục	DC	TT. Lộc Bình	H. Lộc Bình	21° 46' 49"	106° 55' 05"					F-48-58-B+46-D
khu 4	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 47"	106° 58' 16"					F-48-58-D-b
khu 5	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 38"	106° 58' 04"					F-48-58-D-b
khu 6	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 19"	106° 58' 11"					F-48-58-D-b
khu 7	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 34"	106° 58' 21"					F-48-58-D-b
khu 9	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 14"	106° 58' 25"					F-48-58-D-b
quốc lộ 4B	KX	TT. Na Dương	H. Lộc Bình							
bản Nà Cáy	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 19"	106° 58' 08"					F-48-58-D-b
hồ Nà Cáy	TV	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 40' 59"	106° 57' 54"					F-48-58-D-b
bản Nà Đươi	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 48"	106° 58' 46"					F-48-58-D-b
mỏ than Na Dương	KX	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 42' 13"	106° 58' 06"					F-48-58-D-b
thôn Nà Phải	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 16"	106° 57' 06"					F-48-58-D-b
bản Nà Sản	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 40' 46"	106° 58' 36"					F-48-58-D-b
núi Nà Sản	SV	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 40' 48"	106° 58' 15"					F-48-58-D-b
bản Nà Tặp	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 23"	106° 57' 20"					F-48-58-D-b
suối Pác Hán	TV	TT. Na Dương	H. Lộc Bình			21° 40' 38"	106° 59' 21"	21° 40' 41"	106° 58' 41"	F-48-58-D-b
khuổi Phục	TV	TT. Na Dương	H. Lộc Bình			21° 42' 11"	106° 58' 15"	21° 42' 34"	106° 57' 11"	F-48-58-D-b
thôn Sơn Hà	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 57"	106° 57' 01"					F-48-58-D-b
làng Ao Lai	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 30' 41"	106° 53' 08"					F-48-58-D-d
thôn Co Hồng	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 32' 24"	106° 56' 06"					F-48-58-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Cốc Ngòa	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 30' 59"	106° 54' 12"					F-48-58-D-d
suối Cốc Sâu	TV	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình			21° 36' 07"	106° 57' 12"	21° 36' 02"	106° 57' 45"	F-48-58-D-b
thôn Đông Lọi	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 32' 10"	106° 57' 23"					F-48-58-D-d
núi Đông Mùn	SV	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 32' 59"	106° 58' 29"					F-48-58-D-d
thôn Đông Sung	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 31' 59"	106° 53' 22"					F-48-58-D-d
thôn Khau Kheo	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 35' 52"	106° 55' 58"					F-48-58-D-d
làng Khuổi Cháu	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 31' 01"	106° 52' 21"					F-48-58-D-c
thôn Khuổi Danh	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 34' 03"	106° 54' 49"					F-48-58-D-d
thôn Khuổi Han	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 31' 29"	106° 57' 53"					F-48-58-D-d
thôn Khuổi Lợi	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 32' 02"	106° 55' 03"					F-48-58-D-d
thôn Khuổi Pu	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 32' 15"	106° 52' 42"					F-48-58-D-d
làng Khuổi Sỏm	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 34' 37"	106° 55' 43"					F-48-58-D-d
thôn Khuổi Thướn	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 33' 16"	106° 55' 45"					F-48-58-D-d
suối Nà Cà	TV	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình			21° 34' 04"	106° 56' 42"	21° 34' 21"	106° 56' 55"	F-48-58-D-d
làng Nà Chục	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 34' 59"	106° 53' 06"					F-48-58-D-d
thôn Phạ Thác	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 34' 51"	106° 57' 19"					F-48-58-D-d
làng Phay Phài	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 34' 21"	106° 53' 08"					F-48-58-D-d
thôn Pia Lài	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 32' 19"	106° 58' 38"					F-48-58-D-d
thôn Quang Khao	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 34' 58"	106° 53' 49"					F-48-58-D-d
làng Soong Tài	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 32' 50"	106° 52' 48"					F-48-58-D-d
suối Soong Tài	TV	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình			21° 32' 33"	106° 52' 54"	21° 32' 22"	106° 53' 25"	F-48-58-D-d
làng Suối Vịt	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 32' 24"	106° 53' 20"					F-48-58-D-d
núi Tạ Chủi Hủi	SV	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 33' 09"	106° 53' 26"					F-48-58-D-d
làng Thau Long	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 35' 07"	106° 55' 08"					F-48-58-D-d
khuổi Thướn	TV	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình			21° 32' 24"	106° 56' 18"	21° 32' 36"	106° 55' 59"	F-48-58-D-d
làng Vàng Li	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 35' 34"	106° 57' 45"					F-48-58-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh 237A	KX	xã Bằng Khánh	H. Lộc Bình			21° 50' 04"	106° 53' 38"	21° 48' 24"	106° 51' 60"	F-48-58-B+46-D
núi Hua Lê	SV	xã Bằng Khánh	H. Lộc Bình	21° 49' 29"	106° 54' 06"					F-48-58-B+46-D
bản Kéo Mật	DC	xã Bằng Khánh	H. Lộc Bình	21° 48' 14"	106° 52' 28"					F-48-58-B+46-D
thôn Khòn Khoang	DC	xã Bằng Khánh	H. Lộc Bình	21° 48' 03"	106° 51' 31"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Ngần	DC	xã Bằng Khánh	H. Lộc Bình	21° 48' 29"	106° 51' 60"					F-48-58-B+46-D
thôn Pò Pục	DC	xã Bằng Khánh	H. Lộc Bình	21° 47' 52"	106° 51' 29"					F-48-58-B+46-D
khuổi Tẳng	TV	xã Bằng Khánh	H. Lộc Bình			21° 49' 07"	106° 53' 32"	21° 48' 10"	106° 51' 31"	F-48-58-B+46-D
đường tỉnh 237C	KX	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình			21° 46' 31"	106° 53' 08"	21° 47' 08"	106° 54' 03"	F-48-58-B+46-D
suối Cầu 20	TV	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình			21° 48' 02"	106° 55' 18"	21° 46' 13"	106° 54' 03"	F-48-58-B+46-D
bản Háng Cáu	DC	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình	21° 46' 50"	106° 54' 33"					F-48-58-B+46-D
núi Hu Sla	SV	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình	21° 47' 28"	106° 55' 14"					F-48-58-B+46-D
bản Khòn Miện	DC	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình	21° 46' 28"	106° 54' 22"					F-48-58-B+46-D
bản Khòn Quắc	DC	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình	21° 47' 29"	106° 54' 18"					F-48-58-B+46-D
suối Khòn Thống	TV	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình			21° 46' 48"	106° 55' 17"	21° 46' 03"	106° 54' 36"	F-48-58-B+46-D
bản Khôn Van	DC	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình	21° 48' 02"	106° 55' 18"					F-48-58-B+46-D
sông Kỳ Cùng	TV	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình			21° 46' 31"	106° 53' 08"	21° 46' 09"	106° 54' 12"	F-48-58-B+46-D
bản Lăng Xè	DC	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình	21° 46' 50"	106° 53' 57"					F-48-58-B+46-D
thôn Phiêng Quăn	DC	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình	21° 46' 26"	106° 53' 42"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Mần	DC	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình	21° 47' 24"	106° 53' 57"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Vèn	DC	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình	21° 47' 13"	106° 54' 16"					F-48-58-B+46-D
quốc lộ 4B	KX	xã Đông Quan	H. Lộc Bình			21° 43' 20"	106° 56' 56"	21° 42' 26"	106° 57' 08"	F-48-58-D-d
thôn Bản Nùng	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 40' 42"	106° 54' 32"					F-48-58-D-b
thôn Bản Pịt	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 42' 09"	106° 55' 25"					F-48-58-D-b
bản Chặng Cành	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 39' 29"	106° 56' 12"					F-48-58-D-b
bản Cốc Pục	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 37' 23"	106° 56' 15"					F-48-58-D-d
bản Cốc Sâu	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 35' 47"	106° 57' 04"					F-48-58-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Hua Cầu	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 40' 54"	106° 55' 58"					F-48-58-D-b
núi Keo Hách	SV	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 36' 07"	106° 56' 42"					F-48-58-D-d
suối Khau Phầy	TV	xã Đông Quan	H. Lộc Bình			21° 41' 50"	106° 52' 54"	21° 41' 31"	106° 55' 21"	F-48-58-D-b
bản Khoang Mò	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 19"	106° 55' 30"					F-48-58-D-b
bản Khòn Cát	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 37' 41"	106° 57' 34"					F-48-58-D-b
thôn Khòn Phạc	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 40' 19"	106° 55' 57"					F-48-58-D-b
làng Khuổi Luổng	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 41' 08"	106° 55' 41"					F-48-58-D-b
bản Nà Khoang	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 43' 14"	106° 57' 05"					F-48-58-D-b
bản Nà Lâu	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 37' 54"	106° 57' 13"					F-48-58-D-b
suối Nà Lâu	TV	xã Đông Quan	H. Lộc Bình			2° 13' 79"	106° 57' 36"	21° 37' 49"	106° 56' 33"	F-48-58-D-b
thôn Nà Miền	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 42' 46"	106° 57' 13"					F-48-58-D-b
bản Nà Sài	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 17"	106° 55' 54"					F-48-58-D-b
thôn Nà Toản	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 39' 50"	106° 55' 45"					F-48-58-D-b
thôn Phá Lạn	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 39' 38"	106° 55' 25"					F-48-58-D-b
thôn Phiêng Ét	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 41' 12"	106° 55' 06"					F-48-58-D-b
bản San	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 40' 43"	106° 55' 33"					F-48-58-D-b
thôn Soong Sài	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 49"	106° 56' 14"					F-48-58-D-b
suối Tà San	TV	xã Đông Quan	H. Lộc Bình			21° 42' 46"	106° 55' 38"	21° 37' 49"	106° 56' 33"	F-48-58-D-b
thôn Thồng Mày	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 42' 20"	106° 55' 28"					F-48-58-D-b
thôn Thồng Niểng	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 40' 27"	106° 55' 32"					F-48-58-D-b
bản Chuải	DC	xã Hiệp Hạ	H. Lộc Bình	21° 42' 48"	106° 50' 04"					F-48-58-D-a
bản Đoóc	DC	xã Hiệp Hạ	H. Lộc Bình	21° 44' 07"	106° 49' 46"					F-48-58-D-a
bản Hả	DC	xã Hiệp Hạ	H. Lộc Bình	21° 42' 46"	106° 48' 39"					F-48-58-D-a
suối Nà Hán	TV	xã Hiệp Hạ	H. Lộc Bình			21° 43' 00"	106° 48' 42"	21° 43' 52"	106° 50' 26"	F-48-58-D-a
thôn Nà Kẹt	DC	xã Hiệp Hạ	H. Lộc Bình	21° 42' 35"	106° 50' 01"					F-48-58-D-a
thôn Nà Lái	DC	xã Hiệp Hạ	H. Lộc Bình	21° 43' 42"	106° 50' 26"					F-48-58-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Nà Nong	TV	xã Hiệp Hạ	H. Lộc Bình			21° 42' 15"	106° 50' 14"	21° 42' 38"	106° 50' 01"	F-48-58-D-a
thôn Tằm Pục	DC	xã Hiệp Hạ	H. Lộc Bình	21° 44' 03"	106° 50' 28"					F-48-58-D-a
bản Hoi	DC	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 44' 58"	106° 56' 46"					F-48-58-D-b
bản Khiếng	DC	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 46' 57"	106° 57' 33"					F-48-58-B+46-D
bản Khòn Thống	DC	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 46' 50"	106° 56' 52"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Lẹp	DC	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 46' 12"	106° 57' 01"					F-48-58-B+46-D
bản Pắc Khiếng	DC	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 45' 19"	106° 57' 03"					F-48-58-B+46-D
bản Phiêng Phấy	DC	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 47' 02"	106° 57' 26"					F-48-58-B+46-D
núi Pò Pôi	SV	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 45' 56"	106° 56' 08"					F-48-58-B+46-D
bản Quang	DC	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 46' 46"	106° 55' 50"					F-48-58-B+46-D
bản Ry	DC	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 46' 34"	106° 56' 35"					F-48-58-B+46-D
bản Tằm Lốc	DC	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 45' 42"	106° 56' 40"					F-48-58-B+46-D
khau Thuổn	SV	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 46' 12"	106° 57' 30"					F-48-58-B+46-D
thôn Suối Lông	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 37' 26"	106° 47' 21"					F-48-58-D-c
núi Ba Voi	SV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 34' 18"	106° 47' 23"					F-48-58-D-c
suối Cặm	TV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình			21° 34' 26"	106° 49' 39"	21° 33' 48"	106° 49' 36"	F-48-58-D-c
bản Co Lái	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 53"	106° 50' 41"					F-48-58-D-a
bản Đông Khuyên	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 38' 46"	106° 46' 37"					F-48-58-D-a
bản Đông Mồ	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 38' 54"	106° 49' 23"					F-48-58-D-a
bản Hin Ón	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 29"	106° 48' 03"					F-48-58-D-a
suối Hin Ón	TV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình			21° 38' 42"	106° 46' 56"	21° 38' 36"	106° 48' 48"	F-48-58-D-a
bản Khau Trang	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 38' 56"	106° 47' 47"					F-48-58-D-a
bản Khuổi Đí	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 33"	106° 45' 30"					F-48-58-D-a
khau Lài	SV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 37' 57"	106° 47' 26"					F-48-58-D-a
suối Lông	TV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình			21° 37' 30"	106° 48' 40"	21° 38' 05"	106° 49' 43"	F-48-58-D-a
khau Ma	SV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 43"	106° 46' 01"					F-48-58-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Mí	TV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình			21° 37' 30"	106° 47' 42"	21° 38' 02"	106° 48' 08"	F-48-58-D-a
bản Mò Nằn	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 38' 25"	106° 48' 03"					F-48-58-D-a
bản Nà Áng	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 37' 18"	106° 48' 22"					F-48-58-D-c
bản Nà Cà	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 38' 41"	106° 49' 42"					F-48-58-D-a
bản Nà Chán	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 38' 42"	106° 47' 02"					F-48-58-D-a
bản Nà Kháo	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 38' 33"	106° 46' 23"					F-48-58-D-a
bản Nà Khứp	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 37' 59"	106° 49' 04"					F-48-58-D-a
bản Nà Lèo	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 30"	106° 47' 56"					F-48-58-D-a
bản Nà Mứ	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 24"	106° 49' 29"					F-48-58-D-a
bản Nà Tấng	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 40' 51"	106° 48' 44"					F-48-58-D-a
bản Nà Thàn	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 29"	106° 47' 16"					F-48-58-D-a
bản Nà Xá	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 03"	106° 46' 48"					F-48-58-D-a
suối Ngà	TV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình			21° 34' 18"	106° 47' 51"	21° 34' 00"	106° 48' 06"	F-48-58-D-c
bản Pác Cáp	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 13"	106° 47' 41"					F-48-58-D-a
bản Pác Lông	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 37' 27"	106° 48' 43"					F-48-58-D-c
thôn Phai Bây	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 38' 46"	106° 46' 29"					F-48-58-D-a
bản Phai Ma	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 36' 51"	106° 48' 09"					F-48-58-D-c
bản Pò Mò	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 45"	106° 47' 31"					F-48-58-D-a
bản Suối Gióa	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 27"	106° 50' 40"					F-48-58-D-a
bản Suối Ma	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 04"	106° 45' 58"					F-48-58-D-a
bản Suối Mèng	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 41' 08"	106° 46' 14"					F-48-58-D-a
thôn Suối Mí	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 37' 36"	106° 47' 55"					F-48-58-D-a
bản Thằm Dày	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 40' 25"	106° 46' 28"					F-48-58-D-a
khuổi Thồng	TV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình			21° 38' 48"	106° 49' 22"	21° 38' 05"	106° 49' 43"	F-48-58-D-a
khau Trang	SV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 37' 19"	106° 47' 53"					F-48-58-D-c
suối Vằm	TV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình			21° 40' 54"	106° 46' 28"	21° 41' 20"	106° 46' 03"	F-48-58-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Vằng Phàu	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 28"	106° 48' 26"					F-48-58-D-a
sông Bản Thín	TV	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình			21° 45' 18"	107° 01' 54"	21° 45' 02"	107° 00' 01"	F-48-59-A
bản Cảng	DC	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 44' 56"	106° 59' 17"					F-48-58-D-b
bản Chu	DC	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 44' 55"	106° 59' 51"					F-48-58-D-b
núi Đông SLiêng	SV	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 45' 05"	107° 02' 12"					F-48-59-A
núi Khau Láng	SV	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 43' 59"	107° 02' 01"					F-48-59-C
núi Khau Phòng	SV	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 43' 42"	107° 02' 41"					F-48-59-C
thôn Khòn Mỏ	DC	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 44' 07"	106° 59' 11"					F-48-58-D-b
bản Khòn Mu	DC	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 45' 21"	107° 00' 08"					F-48-59-A
sông Kỳ Cùng	TV	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình			21° 45' 01"	106° 59' 32"	21° 44' 40"	107° 00' 00"	F-48-58-D-b
núi Mào Nho	SV	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 43' 14"	107° 02' 31"					F-48-59-C
bản Nặm Lè	DC	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 44' 55"	107° 01' 12"					F-48-59-C
núi Ngùm Slưa	SV	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 45' 47"	107° 00' 20"					F-48-59-A
bản Pắc Pé	DC	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 46' 29"	107° 00' 12"					F-48-59-A
bản Pò Loỏng	DC	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 44' 30"	107° 01' 17"					F-48-59-C
bản Pò Ngòa	DC	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 43' 37"	107° 02' 34"					F-48-59-C
núi Pò Tùm	SV	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 45' 22"	107° 01' 31"					F-48-59-A
bản Tằm Chả	DC	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 45' 13"	107° 00' 41"					F-48-59-A
quốc lộ 4B	KX	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình			21° 38' 54"	106° 59' 59"	21° 40' 40"	106° 58' 42"	F-48-58-D-b
hồ Bản Chành	TV	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 39' 42"	106° 56' 35"					F-48-58-D-b
bản Chành	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 40' 19"	106° 56' 39"					F-48-58-D-b
khau Chay	SV	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	22° 29' 43"	107° 01' 38"					F-48-59-C-c
bản Cổng Tăng	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 35' 48"	107° 00' 20"					F-48-59-C-c
thôn Cụng Khoai	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 38' 56"	106° 57' 25"					F-48-58-D-b
thôn Già Nàng	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 39' 57"	106° 57' 59"					F-48-58-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Kéo Cọ	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 39' 08"	106° 59' 54"					F-48-58-D-b
thôn Kéo Pài	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 39' 14"	106° 59' 38"					F-48-58-D-b
cầu Kéo Pài	KX	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 39' 10"	106° 59' 38"					F-48-58-D-b
suối Khau Khảo	TV	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình			21° 35' 03"	106° 59' 09"	21° 36' 32"	106° 58' 24"	F-48-58-D-d
bản Khau Mốc	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 38' 49"	106° 59' 00"					F-48-58-D-b
bản Khuổi Thó	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 39' 51"	106° 59' 02"					F-48-58-D-b
thôn Khuổi Tà	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 34' 19"	106° 57' 44"					F-48-58-D-d
cầu Khuổi Thó	KX	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 39' 45"	106° 59' 00"					F-48-58-D-b
bản Mạy Cuông	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 34' 30"	106° 58' 58"					F-48-58-D-d
suối Mậy Cuông	TV	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình			21° 32' 60"	106° 59' 00"	21° 34' 57"	106° 58' 34"	F-48-58-D-d
bản Mạy Phấy	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 33' 17"	106° 58' 12"					F-48-58-D-d
làng Mương	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 35' 39"	106° 58' 31"					F-48-58-D-d
bản Nà Bó	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 37' 57"	106° 58' 38"					F-48-58-D-b
núi Nà Chai	SV	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 40' 03"	106° 59' 42"					F-48-58-D-b
thôn Nà Mu	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 35' 50"	106° 59' 48"					F-48-58-D-d
bản Nà Nhe	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	22° 28' 59"	107° 00' 51"					F-48-59-C-c
bản Nà Nình	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 36' 32"	106° 58' 24"					F-48-58-D-d
thôn Nà Phi	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 40' 19"	106° 57' 11"					F-48-58-D-b
bản Nà Pú	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 39' 56"	106° 57' 02"					F-48-58-D-b
bản Nà Tà	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 36' 58"	106° 58' 39"					F-48-58-D-d
thôn Nà U	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 40' 13"	106° 58' 55"					F-48-58-D-b
bản Nà Xỏm	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 33' 17"	106° 59' 18"					F-48-58-D-d
bản Phai Pùng	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 38' 27"	106° 59' 00"					F-48-58-D-b
bản Phai Vài	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 38' 01"	106° 58' 53"					F-48-58-D-b
khuổi Tà	TV	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình			21° 34' 23"	106° 57' 28"	21° 35' 11"	106° 58' 08"	F-48-58-D-d
suối Tà Làng	TV	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình			21° 36' 24"	106° 59' 34"	21° 36' 41"	106° 59' 04"	F-48-58-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Tấu Ké	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 37' 23"	106° 59' 56"					F-48-58-D-d
núi Vài Hai	SV	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 40' 30"	106° 57' 34"					F-48-58-D-b
bản Xong Hồ	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 39' 23"	106° 56' 33"					F-48-58-D-b
bản Gia	DC	xã Lục Thôn	H. Lộc Bình	21° 45' 22"	106° 55' 03"					F-48-58-B+46-D
bản Khuổi Thút	DC	xã Lục Thôn	H. Lộc Bình	21° 45' 23"	106° 53' 02"					F-48-58-B+46-D
suối Lùng	TV	xã Lục Thôn	H. Lộc Bình			21° 44' 23"	106° 53' 55"	21° 45' 00"	106° 54' 15"	F-48-58-D-b
bản Pò Lèn	DC	xã Lục Thôn	H. Lộc Bình	21° 45' 42"	106° 54' 33"					F-48-58-B+46-D
bản Thét	DC	xã Lục Thôn	H. Lộc Bình	21° 44' 53"	106° 55' 24"					F-48-58-D-b
khuổi Thút	TV	xã Lục Thôn	H. Lộc Bình			21° 45' 16"	106° 53' 12"	21° 46' 05"	106° 53' 20"	F-48-58-B+46-D
suối Bản Khoai	TV	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình			21° 49' 08"	106° 58' 39"	21° 48' 08"	106° 58' 47"	F-48-58-B+46-D
núi Kéo Quảng	SV	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình	21° 50' 48"	106° 55' 46"					F-48-58-B+46-D
bản Khuổi Tẳng	DC	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình	21° 50' 26"	106° 53' 53"					F-48-58-B+46-D
suối Lặp Pịa	TV	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình			21° 49' 46"	106° 58' 17"	21° 49' 08"	106° 58' 39"	F-48-58-B+46-D
khuổi Lầy	TV	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình			21° 50' 19"	106° 52' 41"	21° 49' 31"	106° 52' 21"	F-48-58-B+46-D
suối Long Đầu	TV	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình			21° 49' 22"	106° 59' 38"	21° 48' 35"	106° 59' 27"	F-48-58-B+46-D
khu du lịch Mẫu Sơn	KX	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình	21° 50' 49"	106° 54' 12"					F-48-58-B+46-D
núi Phya Mè	SV	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình	21° 50' 30"	106° 58' 42"					F-48-58-B+46-D
núi Pò Kim Ngân	SV	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình	21° 49' 28"	107° 00' 32"					F-48-59-A
khuổi Tẳng	TV	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình			21° 50' 16"	106° 54' 25"	21° 49' 57"	106° 53' 45"	F-48-58-B+46-D
bản Thâm Seo	DC	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình	21° 47' 56"	106° 55' 28"					F-48-58-B+46-D
núi Yên Mạ	SV	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình	21° 50' 23"	106° 53' 25"					F-48-58-B+46-D
thôn Bó Tảng	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 42' 50"	106° 47' 42"					F-48-58-D-a
thôn Cốc Lại	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 42' 05"	106° 47' 36"					F-48-58-D-a
núi Khau Phầy	SV	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 40' 50"	106° 52' 00"					F-48-58-D-a
thôn Khau Vài	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 41' 13"	106° 50' 08"					F-48-58-D-a
bản Khuôn Săm	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 42' 26"	106° 50' 51"					F-48-58-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Khuôn Săm	TV	xã Minh Phát	H. Lộc Bình			21° 42' 25"	106° 50' 47"	21° 42' 54"	106° 50' 51"	F-48-58-D-a
thôn Nà Đắng	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 42' 30"	106° 48' 17"					F-48-58-D-a
thôn Nà Hao	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 40' 18"	106° 51' 18"					F-48-58-D-a
thôn Nà Nong	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 41' 36"	106° 50' 26"					F-48-58-D-a
suối Nà Nong	TV	xã Minh Phát	H. Lộc Bình			21° 41' 17"	106° 50' 11"	21° 41' 40"	106° 50' 23"	F-48-58-D-a
bản Nà Tàng (Lùng Thàng)	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 41' 03"	106° 51' 10"					F-48-58-D-a
thôn Nà Thì	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 42' 01"	106° 49' 32"					F-48-58-D-a
suối Nà Thì	TV	xã Minh Phát	H. Lộc Bình			21° 41' 17"	106° 49' 09"	21° 42' 08"	106° 49' 44"	F-48-58-D-a
thôn Tắc Uẩn	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 41' 59"	106° 51' 10"					F-48-58-D-a
núi Chạ Tràm	SV	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 40' 54"	106° 52' 50"					F-48-58-D-b
thôn Cốc Sâu	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 45"	106° 51' 40"					F-48-58-D-a
núi Cốc Sâu	SV	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 45"	106° 51' 19"					F-48-58-D-a
suối Khau Đày	TV	xã Nam Quan	H. Lộc Bình			21° 40' 26"	106° 52' 52"	21° 40' 21"	106° 53' 05"	F-48-58-D-b
núi Khau Giàng	SV	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 35' 47"	106° 52' 47"					F-48-58-D-d
núi Khau Tòa	SV	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 38"	106° 50' 44"					F-48-58-D-a
bản Khỉ Cáy	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 39' 26"	106° 52' 55"					F-48-58-D-b
thôn Khòn Mùn	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 37' 48"	106° 53' 20"					F-48-58-D-b
bản Khuổi Mản	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 39' 40"	106° 52' 21"					F-48-58-D-a
bản Kim Cang	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 39' 09"	106° 52' 20"					F-48-58-D-a
bản Mạy Danh	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 36' 21"	106° 54' 55"					F-48-58-D-d
thôn Nà Bân	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 00"	106° 53' 37"					F-48-58-D-b
thôn Nà Bẻ	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 35' 38"	106° 53' 11"					F-48-58-D-d
bản Nà Inh	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 37' 17"	106° 52' 48"					F-48-58-D-d
bản Nà Lỏng	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 37' 37"	106° 52' 35"					F-48-58-D-b
thôn Nà Pá	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 39' 53"	106° 54' 33"					F-48-58-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Phiêng	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 36' 14"	106° 54' 53"					F-48-58-D-d
thôn Nà Sả	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 39' 10"	106° 55' 00"					F-48-58-D-b
bản Nà Sả	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 35' 40"	106° 54' 26"					F-48-58-D-d
bản Nà Tàn	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 35' 21"	106° 53' 13"					F-48-58-D-d
thôn Nà Thay	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 07"	106° 54' 05"					F-48-58-D-b
thôn Nà To	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 36' 16"	106° 53' 43"					F-48-58-D-d
thôn Nà Tủng	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 07"	106° 53' 32"					F-48-58-D-b
thôn Pác Cáp	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 36' 22"	106° 54' 38"					F-48-58-D-d
bản Pác Vái	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 39' 33"	106° 54' 13"					F-48-58-D-b
suối Phác Cáp	TV	xã Nam Quan	H. Lộc Bình			21° 36' 07"	106° 53' 26"	21° 36' 15"	106° 55' 00"	F-48-58-D-d
bản Phai Diều	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 49"	106° 54' 28"					F-48-58-D-b
thôn Phai Mạt	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 17"	106° 52' 53"					F-48-58-D-b
suối Phai Mạt	TV	xã Nam Quan	H. Lộc Bình			21° 38' 30"	106° 51' 58"	21° 38' 24"	106° 52' 27"	F-48-58-D-a
suối Song Luồng	TV	xã Nam Quan	H. Lộc Bình			21° 35' 07"	106° 55' 57"	21° 35' 20"	106° 56' 22"	F-48-58-D-d
bản Suối Lạn	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 22"	106° 51' 07"					F-48-58-D-a
suối Thông Lốc	TV	xã Nam Quan	H. Lộc Bình			21° 39' 39"	106° 54' 01"	21° 39' 08"	106° 53' 56"	F-48-58-D-b
bản Tó	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 30"	106° 53' 41"					F-48-58-D-b
bản Vằng Lưởng	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 36' 55"	106° 55' 51"					F-48-58-D-d
thôn Nà Chí	DC	xã Như Khuê	H. Lộc Bình	21° 45' 29"	106° 51' 43"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Vàng	DC	xã Như Khuê	H. Lộc Bình	21° 45' 59"	106° 52' 08"					F-48-58-B+46-D
núi Nộc Chắp	SV	xã Như Khuê	H. Lộc Bình	21° 46' 02"	106° 52' 58"					F-48-58-B+46-D
thôn Phiêng Vệ	DC	xã Như Khuê	H. Lộc Bình	21° 46' 11"	106° 52' 15"					F-48-58-B+46-D
bản Tằm Cát	DC	xã Như Khuê	H. Lộc Bình	21° 46' 26"	106° 52' 57"					F-48-58-B+46-D
bản Tằm Khuổi	DC	xã Như Khuê	H. Lộc Bình	21° 45' 59"	106° 52' 24"					F-48-58-B+46-D
suối Tằm Khuổi	TV	xã Như Khuê	H. Lộc Bình			21° 45' 12"	106° 51' 48"	21° 46' 35"	106° 52' 28"	F-48-58-B+46-D
thôn Nà Mò	DC	xã Nhượng Bạn	H. Lộc Bình	21° 43' 46"	106° 53' 17"					F-48-58-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Pán	DC	xã Nhượng Bạn	H. Lộc Bình	21° 44' 04"	106° 51' 56"					F-48-58-D-a
thôn Pò Mạ	DC	xã Nhượng Bạn	H. Lộc Bình	21° 42' 32"	106° 51' 41"					F-48-58-D-a
bản Roọc	DC	xã Nhượng Bạn	H. Lộc Bình	21° 42' 44"	106° 51' 47"					F-48-58-D-a
khuổi Thuốt	TV	xã Nhượng Bạn	H. Lộc Bình			21° 43' 56"	106° 53' 17"	21° 44' 27"	106° 53' 26"	F-48-58-D-b
thôn Chộc Pháo	DC	xã Quan Bản	H. Lộc Bình	21° 42' 58"	106° 55' 26"					F-48-58-D-b
khuổi Cút	TV	xã Quan Bản	H. Lộc Bình			21° 43' 17"	106° 57' 03"	21° 44' 04"	106° 56' 42"	F-48-58-D-b
thôn Khau Phầy	DC	xã Quan Bản	H. Lộc Bình	21° 42' 49"	106° 52' 42"					F-48-58-D-b
thôn Khòn Mò	DC	xã Quan Bản	H. Lộc Bình	21° 44' 20"	106° 56' 29"					F-48-58-D-b
thôn Lùng Va	DC	xã Quan Bản	H. Lộc Bình	21° 43' 37"	106° 55' 41"					F-48-58-D-b
thôn Nà Ái	DC	xã Quan Bản	H. Lộc Bình	21° 43' 09"	106° 55' 38"					F-48-58-D-b
thôn Nà Pè	DC	xã Quan Bản	H. Lộc Bình	21° 43' 08"	106° 53' 42"					F-48-58-D-b
suối Nà Pè	TV	xã Quan Bản	H. Lộc Bình			21° 43' 17"	106° 54' 15"	21° 43' 06"	106° 55' 28"	F-48-58-D-b
bản Pò Nghiều	DC	xã Quan Bản	H. Lộc Bình	21° 42' 51"	106° 55' 53"					F-48-58-D-b
suối Tà San	TV	xã Quan Bản	H. Lộc Bình			21° 37' 49"	106° 56' 33"	21° 44' 21"	106° 55' 28"	F-48-58-D-b
thôn Tồng Mìn	DC	xã Quan Bản	H. Lộc Bình	21° 43' 50"	106° 55' 11"					F-48-58-D-b
khu 1	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 41' 53"	106° 59' 21"					F-48-58-D-b
suối Bản Choong	TV	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình			21° 39' 54"	107° 00' 54"	21° 41' 21"	107° 00' 01"	F-48-59-C
bản Co Cai	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 52"	107° 01' 24"					F-48-59-C
suối Co Cai	TV	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình			21° 42' 52"	107° 02' 27"	21° 42' 48"	107° 01' 12"	F-48-59-C
bản Co Ói	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 41' 53"	107° 02' 33"					F-48-59-C
bản Còn Lau	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 40' 30"	107° 02' 44"					F-48-59-C
núi Ha Tạp	SV	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 39' 48"	107° 00' 21"					F-48-59-C
núi Kéo Phén	SV	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 41' 12"	107° 03' 14"					F-48-59-C
núi Khau Ca	SV	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 58"	107° 02' 56"					F-48-59-C
bản Khòn Cháo	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 40"	107° 00' 04"					F-48-59-C
thôn Khòn Cháo	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 59"	106° 59' 40"					F-48-58-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khòn Quanh	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 51"	106° 59' 18"					F-48-58-D-b
thôn Khòn Xè	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 13"	106° 59' 23"					F-48-58-D-b
suối Khòn Xè	TV	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình			21° 42' 17"	106° 59' 13"	21° 42' 17"	106° 58' 26"	F-48-58-D-b
bản Màng	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 40' 46"	107° 01' 03"					F-48-59-C
núi Nà Bon	SV	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 38' 38"	107° 01' 21"					F-48-59-C
bản Nà Chao	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 43' 11"	107° 00' 15"					F-48-59-C
bản Nà Dỉn	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 38' 31"	107° 00' 53"					F-48-59-C
mỏ than Na Dương	KX	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 07"	106° 58' 44"					F-48-58-D-b
bản Nà Khoang	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 38' 53"	107° 01' 33"					F-48-59-C
bản Nà Làng	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 38' 19"	107° 01' 45"					F-48-59-C
suối Nà Làng	TV	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình			21° 37' 50"	107° 02' 16"	21° 38' 50"	107° 01' 40"	F-48-59-C
núi Na Liền	SV	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 40' 49"	107° 03' 19"					F-48-59-C
bản Nà Mò	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 41' 52"	107° 02' 08"					F-48-59-C
suối Nà Mò	TV	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình			21° 40' 37"	107° 01' 44"	21° 41' 58"	107° 01' 59"	F-48-59-C
núi Nà Ngần	SV	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 38' 15"	107° 02' 12"					F-48-59-C
suối Nà Phầy	TV	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình			21° 38' 50"	107° 01' 40"	21° 39' 53"	107° 00' 28"	F-48-59-C
bản Nà Thâm	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 41' 41"	107° 01' 14"					F-48-59-C
bản Nà Tìu	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 38' 18"	107° 02' 30"					F-48-59-C
núi Pàn Phi	SV	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 39' 01"	107° 02' 30"					F-48-59-C
bản Pò Nhàng	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 40' 46"	107° 02' 55"					F-48-59-C
suối Pò Nhàng	TV	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình			21° 40' 44"	107° 02' 54"	21° 41' 30"	107° 01' 59"	F-48-59-C
thôn Pò Sáy	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 37"	106° 58' 59"					F-48-58-D-b
hồ Tà Keo	TV	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 26"	106° 59' 48"					F-48-59-C
bản Tà Lạn	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 39' 41"	107° 02' 50"					F-48-59-C
thôn Tổng Danh	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 54"	106° 58' 58"					F-48-58-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Bản Chắt	TV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình			21° 43' 04"	107° 09' 44"	21° 44' 13"	107° 09' 10"	F-48-59-C
suối Bản Lòng	TV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình			21° 44' 31"	107° 08' 28"	21° 45' 07"	107° 07' 59"	F-48-59-A
khau Chu	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 12"	107° 06' 08"					F-48-59-C
bản Co Lượt	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 44' 24"	107° 06' 47"					F-48-59-C
bản Còn Cảm	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 32"	107° 07' 33"					F-48-59-C
bản Còn Chào	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 33"	107° 07' 16"					F-48-59-C
bản Còn Chè	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 42' 55"	107° 08' 55"					F-48-59-C
bản Còn Cuồng	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 32"	107° 06' 43"					F-48-59-C
bản Còn Tồng	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 23"	107° 07' 46"					F-48-59-C
núi Hua Trạng	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 46' 52"	107° 06' 54"					F-48-59-A
núi Kéo Lạnh	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 44' 32"	107° 06' 54"					F-48-59-C
bản Lòng	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 44' 11"	107° 09' 15"					F-48-59-C
khau Luông	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 49"	107° 10' 22"					F-48-59-C
bản Nà Căng	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 46' 28"	107° 06' 46"					F-48-59-A
sông Nà Căng	TV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình			21° 45' 01"	107° 08' 02"	21° 45' 25"	107° 07' 22"	F-48-59-A
suối Nà Khoang	TV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình			21° 45' 14"	107° 09' 32"	21° 45' 22"	107° 07' 33"	F-48-59-A
thôn Nà Ỏ	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 49"	107° 06' 12"					F-48-59-C
suối Pắc Cát	TV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình			21° 42' 42"	107° 09' 00"	21° 44' 13"	107° 06' 18"	F-48-59-C
núi Phát Khâu	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 42' 18"	107° 08' 04"					F-48-59-C
bản Pò Bó	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 51"	107° 09' 25"					F-48-59-C
núi Pò Đông Luông	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 44' 38"	107° 10' 50"					F-48-59-C
núi Pò Khuổi	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 42' 14"	107° 07' 31"					F-48-59-C
thôn Pò Nâm	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 53"	107° 06' 50"					F-48-59-C
khau Quyêng	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 13"	107° 09' 05"					F-48-59-C
khau Sia	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 23"	107° 09' 56"					F-48-59-C
suối Tà Lòng	TV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình			21° 44' 31"	107° 08' 28"	21° 44' 20"	107° 09' 45"	F-48-59-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Tích Sơn	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 45' 09"	107° 09' 18"					F-48-59-A
bản Bó Luồng	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 44' 34"	107° 04' 53"					F-48-59-C
bản Căm Dài	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 43' 41"	107° 04' 07"					F-48-59-C
suối Cầu Tâm	TV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình			21° 44' 49"	107° 05' 21"	21° 44' 30"	107° 02' 54"	F-48-59-C
bản Hu	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 41' 43"	107° 04' 34"					F-48-59-C
núi Hua Trạng	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 45' 20"	107° 03' 52"					F-48-59-A
khau Kẻ	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 45' 53"	106° 07' 40"					F-48-59-A
suối Khảo Chuông	TV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình			21° 44' 13"	107° 06' 18"	21° 44' 49"	107° 05' 21"	F-48-59-C
bản Khuổi Lỷ	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 44' 41"	107° 03' 31"					F-48-59-C
suối Khuổi Mười	TV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình			21° 41' 02"	107° 03' 54"	21° 41' 42"	107° 04' 40"	F-48-59-C
suối Khuổi Phặc	TV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình			21° 42' 51"	107° 05' 15"	21° 42' 32"	107° 04' 39"	F-48-59-C
sông Kỳ Cùng	TV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình			21° 40' 37"	107° 05' 55"	21° 43' 25"	107° 03' 05"	F-48-59-C
núi Mò Slanh	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 43' 25"	107° 05' 19"					F-48-59-C
khau Mý	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 45' 21"	107° 04' 58"					F-48-59-A
núi Nà Dày	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 42' 19"	107° 03' 15"					F-48-59-C
bản Nà Dừa	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 44' 42"	107° 04' 13"					F-48-59-C
thôn Nà Lầu	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 44' 31"	107° 05' 50"					F-48-59-C
núi Nà SLiểm	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 42' 02"	107° 03' 43"					F-48-59-C
đèo Ông Đống	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 34' 11"	106° 10' 01"					F-48-57-C-d
bản Po Bàu	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 44' 43"	107° 05' 24"					F-48-59-C
bản Pò Chong	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 41' 28"	107° 05' 14"					F-48-59-C
núi Pò Co Lầu	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 44' 17"	107° 05' 46"					F-48-59-C
núi Pò Ka Lại	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 41' 39"	107° 06' 40"					F-48-59-C
bản Quyêng	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 42' 37"	107° 04' 35"					F-48-59-C
núi Sinh Mình	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 41' 14"	107° 04' 10"					F-48-59-C
núi SLùng SLắc	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 42' 53"	107° 05' 52"					F-48-59-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Tằm Hán	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 43' 14"	107° 04' 29"					F-48-59-C
bản Tầm Pất	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 43' 15"	107° 03' 44"					F-48-59-C
núi Tẩn Lùng	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 41' 34"	107° 06' 05"					F-48-59-C
đường tỉnh 237B	KX	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình			21° 45' 49"	106° 59' 33"	21° 45' 51"	106° 57' 39"	F-48-58-B+46-D
quốc lộ 4B	KX	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình			21° 44' 03"	106° 56' 21"	21° 44' 47"	106° 55' 54"	F-48-58-D-b
bản Cạo	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 44' 30"	106° 55' 45"					F-48-58-D-b
khuổi Khoai	TV	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình			21° 46' 32"	106° 59' 04"	21° 45' 30"	106° 58' 57"	F-48-58-B+46-D
bản Khòn Mới	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 45' 40"	106° 59' 15"					F-48-58-B+46-D
bản Khòn Trang	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 45' 20"	106° 57' 38"					F-48-58-B+46-D
sông Kỳ Cùng	TV	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình			21° 45' 41"	106° 57' 32"	21° 44' 52"	106° 59' 22"	F-48-58-B+46-D
bản Mới A	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 44' 02"	106° 58' 55"					F-48-58-D-b
bản Nà Già	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 43' 30"	107° 00' 27"					F-48-59-C-c
bản Phai Sen	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 45' 05"	106° 57' 50"					F-48-58-B,46-D
hồ Phai Sen	TV	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 44' 53"	106° 57' 53"					F-48-58-D-b
thôn Pò Coóc	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 44' 40"	106° 56' 39"					F-48-58-D-b
bản Pò Khưa	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 45' 47"	106° 58' 38"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Mới	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 45' 30"	106° 57' 39"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Ngòa	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 46' 08"	106° 58' 45"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Qua	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 45' 39"	106° 58' 18"					F-48-58-B+46-D
bản Poọng Cáu	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 45' 19"	106° 58' 58"					F-48-58-B+46-D
bản Quấn	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 45' 06"	106° 58' 42"					F-48-58-B+46-D
bản Quyến	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 45' 11"	106° 58' 48"					F-48-58-B+46-D
thôn Rinh Chùa	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 44' 58"	106° 58' 15"					F-48-58-D-b
bản Sì Nghiều	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 45' 35"	106° 58' 32"					F-48-58-B+46-D
bản Tấu	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 44' 35"	106° 57' 16"					F-48-58-D-b
bản Thồng Mạ	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 43' 56"	107° 00' 29"					F-48-59-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh 237B	KX	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình			21° 46' 34"	107° 05' 11"	21° 47' 16"	107° 02' 58"	F-48-59-A
sông Bản Thín	TV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình			21° 45' 35"	107° 07' 23"	21° 45' 18"	107° 01' 53"	F-48-59-A
bản Còn Nưa	DC	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 45' 42"	107° 06' 52"					F-48-59-A
bản Giếng	DC	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 47' 17"	107° 02' 29"					F-48-59-A
khau Hai	SV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 46' 32"	107° 04' 20"					F-48-59-A
suối Him Lặp	TV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình			21° 46' 03"	107° 02' 15"	21° 45' 57"	107° 03' 22"	F-48-59-A
núi Hin Cải	SV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 47' 30"	107° 06' 12"					F-48-59-A
bản Kha Lài	DC	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 47' 00"	107° 02' 54"					F-48-59-A
suối Khuổi Lệ	TV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình			21° 45' 25"	107° 06' 53"	21° 45' 35"	107° 07' 23"	F-48-59-A
khau Liềng	SV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 45' 11"	107° 07' 23"					F-48-59-A
bản Luồng	DC	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 45' 56"	107° 01' 37"					F-48-59-A
suối Nà SLiếc	TV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình			21° 47' 26"	107° 02' 57"	21° 47' 18"	107° 04' 25"	F-48-59-A
bản Na Vả	DC	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 46' 31"	107° 01' 26"					F-48-59-A
bản Nà Van	DC	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 47' 16"	107° 03' 03"					F-48-59-A
suối Nà Xá	TV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình			21° 46' 56"	107° 02' 47"	21° 47' 00"	107° 04' 15"	F-48-59-A
núi Pa Đí	SV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 48' 03"	107° 04' 33"					F-48-59-A
bản Phải	DC	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 46' 39"	107° 05' 17"					F-48-59-A
suối Phai Lạn	TV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình			21° 46' 55"	107° 01' 34"	21° 46' 02"	107° 00' 57"	F-48-59-A
bản Phiêng Pục	DC	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 46' 37"	107° 05' 31"					F-48-59-A
núi Pò Phiêng Háng	SV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 48' 12"	107° 04' 16"					F-48-59-A
bản Roọc	DC	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 45' 49"	107° 06' 33"					F-48-59-A
khau Tán	SV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 45' 51"	107° 03' 46"					F-48-59-A
khuổi Tàn	TV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình			21° 47' 17"	107° 02' 07"	21° 46' 48"	107° 01' 21"	F-48-59-A
bản Thín	DC	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 48' 07"	107° 03' 29"					F-48-59-A
khau Chân	SV	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 45' 54"	106° 49' 54"					F-48-58-B+46-D
khau Chôm	SV	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 47' 37"	106° 50' 13"					F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Còn Cáu	DC	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 46' 46"	106° 50' 28"					F-48-58-B+46-D
thôn Còn Chả	DC	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 47' 28"	106° 50' 58"					F-48-58-B+46-D
suối Đông Phấy	TV	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình			21° 45' 45"	106° 51' 04"	21° 47' 10"	106° 50' 47"	F-48-58-B+46-D
thôn Khau Mu	DC	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 45' 44"	106° 50' 13"					F-48-58-B+46-D
khau Lỏi	SV	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 46' 14"	106° 51' 42"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Đông	DC	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 47' 24"	106° 50' 02"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Pàm	DC	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 47' 24"	106° 51' 47"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Rạo	DC	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 46' 22"	106° 50' 25"					F-48-58-B+46-D
thôn Ôn Cựu	DC	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 47' 10"	106° 50' 58"					F-48-58-B+46-D
núi Pá Danh	SV	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 46' 31"	106° 51' 41"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Lót	DC	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 45' 38"	106° 50' 44"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Phát	DC	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 45' 27"	106° 50' 09"					F-48-58-B+46-D
bản Sâm Lẹo	DC	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 45' 51"	106° 50' 34"					F-48-58-B+46-D
thôn Thăm Quang	DC	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 47' 03"	106° 52' 09"					F-48-58-B+46-D
khau Thin	SV	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 46' 48"	106° 51' 44"					F-48-58-B+46-D
khau Vàng	SV	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 45' 47"	106° 51' 16"					F-48-58-B+46-D
thôn Bản Lạu	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 36' 56"	106° 52' 17"					F-48-58-D-c
thôn Bản Pét	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 33' 53"	106° 51' 47"					F-48-58-D-c
thôn Bản Rìa	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 34' 16"	106° 51' 09"					F-48-58-D-c
thôn Cốc Nhạn	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 34' 41"	106° 51' 50"					F-48-58-D-c
bản Đèo Ải	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 33' 53"	106° 50' 55"					F-48-58-D-c
thôn Hang Ủ	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 36' 21"	106° 52' 03"					F-48-58-D-c
thôn Khuổi Lùng	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 34' 58"	106° 52' 03"					F-48-58-D-c
bản Khuổi Thuồng	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 36' 31"	106° 50' 14"					F-48-58-D-c
suối Mành	TV	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình			21° 32' 51"	106° 51' 23"	21° 32' 27"	106° 51' 01"	F-48-58-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Nà Mèng	TV	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình			21° 32' 25"	106° 51' 25"	21° 32' 27"	106° 51' 01"	F-48-58-D-c
bản Nà Năng	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 34' 29"	106° 51' 36"					F-48-58-D-c
thôn Pắc Đông	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 35' 42"	106° 52' 08"					F-48-58-D-c
thôn Pắc Sàn	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 35' 39"	106° 51' 34"					F-48-58-D-c
bản Pò Chùa	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 34' 22"	106° 51' 22"					F-48-58-D-c
thôn Pò Đồn	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 34' 06"	106° 51' 12"					F-48-58-D-c
bản Pò Peo	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 33' 24"	106° 51' 46"					F-48-58-D-c
thôn Suối Mành	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 32' 56"	106° 51' 20"					F-48-58-D-c
thôn Thài Nhi	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 35' 12"	106° 51' 29"					F-48-58-D-c
sông Thài Nhì	TV	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình			21° 35' 42"	106° 51' 23"	21° 33' 40"	106° 50' 11"	F-48-58-D-c
khuổi Thuồng	TV	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình			21° 37' 29"	106° 50' 05"	21° 35' 42"	106° 51' 23"	F-48-58-D-c
thôn Kéo Hin	DC	xã Xuân Lễ	H. Lộc Bình	21° 48' 47"	106° 51' 34"					F-48-58-B+46-D
bản Lầy	DC	xã Xuân Lễ	H. Lộc Bình	21° 48' 43"	106° 51' 04"					F-48-58-B+46-D
khuổi Lầy	TV	xã Xuân Lễ	H. Lộc Bình			21° 49' 31"	106° 52' 21"	21° 48' 41"	106° 51' 14"	F-48-58-B+46-D
khuổi Nọi	TV	xã Xuân Lễ	H. Lộc Bình			21° 49' 59"	106° 51' 52"	21° 48' 41"	106° 51' 14"	F-48-58-B+46-D
thôn Phiêng Phúc	DC	xã Xuân Lễ	H. Lộc Bình	21° 47' 59"	106° 50' 44"					F-48-58-B+46-D
quốc lộ 4B	KX	xã Xuân Mãn	H. Lộc Bình			21° 48' 00"	106° 52' 38"	21° 47' 17"	106° 53' 43"	F-48-58-B+46-D
thôn Bản Mặn	DC	xã Xuân Mãn	H. Lộc Bình	21° 47' 41"	106° 53' 30"					F-48-58-B+46-D
bản Hang Vài	DC	xã Xuân Mãn	H. Lộc Bình	21° 47' 54"	106° 52' 43"					F-48-58-B+46-D
suối Lằng Ca	TV	xã Xuân Mãn	H. Lộc Bình			21° 49' 11"	106° 54' 18"	21° 47' 55"	106° 53' 38"	F-48-58-B+46-D
khuổi Mặn	TV	xã Xuân Mãn	H. Lộc Bình			21° 48' 44"	106° 53' 37"	21° 47' 34"	106° 53' 19"	F-48-58-B+46-D
bản Nà Chỉa	DC	xã Xuân Mãn	H. Lộc Bình	21° 47' 07"	106° 53' 24"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Hai	DC	xã Xuân Mãn	H. Lộc Bình	21° 47' 49"	106° 53' 24"					F-48-58-B+46-D
thôn Pò Là	DC	xã Xuân Mãn	H. Lộc Bình	21° 47' 18"	106° 53' 27"					F-48-58-B+46-D
khuổi Shi	TV	xã Xuân Mãn	H. Lộc Bình			21° 49' 19"	106° 54' 47"	21° 47' 55"	106° 53' 38"	F-48-58-B+46-D
bản Bẻ	DC	xã Xuân Tình	H. Lộc Bình	21° 44' 41"	106° 50' 20"					F-48-58-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Bó Tảng	DC	xã Xuân Tình	H. Lộc Bình	21° 44' 52"	106° 50' 39"					F-48-58-D-a
thôn Coóc Bẻ	DC	xã Xuân Tình	H. Lộc Bình	21° 44' 26"	106° 50' 59"					F-48-58-D-a
thôn Kéo Thiềng	DC	xã Xuân Tình	H. Lộc Bình	21° 44' 42"	106° 51' 24"					F-48-58-D-a
thôn Khòn Nà	DC	xã Xuân Tình	H. Lộc Bình	21° 44' 44"	106° 51' 04"					F-48-58-D-a
khau Kính	SV	xã Xuân Tình	H. Lộc Bình	21° 45' 12"	106° 50' 00"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Mạ	DC	xã Xuân Tình	H. Lộc Bình	21° 45' 05"	106° 51' 13"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Tằm	DC	xã Xuân Tình	H. Lộc Bình	21° 45' 25"	106° 50' 36"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Tu	DC	xã Xuân Tình	H. Lộc Bình	21° 44' 41"	106° 50' 49"					F-48-58-D-a
suối Vằng Pục	TV	xã Xuân Tình	H. Lộc Bình			21° 44' 11"	106° 50' 41"	21° 44' 40"	106° 51' 25"	F-48-58-D-a
đường tỉnh 236	KX	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình			21° 47' 49"	106° 59' 59"	21° 47' 11"	106° 58' 19"	F-48-58-B+46-D
khau Chân	SV	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 48' 53"	107° 01' 34"					F-48-59-A
bản Chi Ma	DC	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 48' 55"	107° 01' 15"					F-48-59-A
cửa khẩu Chi Ma	KX	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 49' 04"	107° 01' 50"					F-48-59-A
bản Cốc Nhạn	DC	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 48' 39"	107° 00' 59"					F-48-59-A
bản Khoai	DC	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 47' 18"	106° 58' 37"					F-48-58-B+46-D
bản Long Đầu	DC	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 49' 22"	106° 59' 47"					F-48-58-B+46-D
suối Long Đầu	TV	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình			21° 48' 35"	106° 59' 31"	21° 47' 34"	106° 59' 59"	F-48-59-A
thôn Nà Phát	DC	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 48' 15"	107° 02' 10"					F-48-59-A
thôn Nà Tàu	DC	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 46' 59"	106° 59' 10"					F-48-58-B+46-D
đập Nà Tàu	TV	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 46' 56"	106° 59' 13"					F-48-58-B+46-D
bản Pác Mạ	DC	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 46' 58"	107° 00' 39"					F-48-59-A
suối Pắc Và	TV	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình			21° 49' 37"	107° 00' 58"	21° 47' 57"	107° 02' 19"	F-48-59-A
suối Pắn Pé	TV	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình			21° 46' 46"	107° 00' 25"	21° 46' 31"	107° 00' 09"	F-48-59-A
suối Phai Lạn	TV	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình			21° 47' 57"	107° 00' 41"	21° 46' 37"	107° 00' 42"	F-48-59-A
núi Pò Co Giẳn	SV	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 48' 42"	107° 01' 42"					F-48-59-A
núi Pò Tằm	SV	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 48' 27"	107° 01' 25"					F-48-59-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Pò Vỉn Và	SV	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 48' 48"	107° 02' 30"					F-48-59-A
khu 1	DC	TT. Thất Khê	H. Tràng Định	22° 15' 28"	106° 28' 08"					F-48-45-B
khu 2	DC	TT. Thất Khê	H. Tràng Định	22° 15' 22"	106° 28' 25"					F-48-45-B
khu 3	DC	TT. Thất Khê	H. Tràng Định	22° 15' 22"	106° 28' 13"					F-48-45-B
khu 4	DC	TT. Thất Khê	H. Tràng Định	22° 15' 10"	106° 28' 27"					F-48-45-B
khu 5	DC	TT. Thất Khê	H. Tràng Định	22° 15' 38"	106° 27' 52"					F-48-45-B
khuổi Âu	TV	xã Bắc Ái	H. Tràng Định			22° 14' 34"	106° 20' 31"	22° 15' 02"	106° 19' 06"	F-48-45-D-a
thôn Cốc Sầy	DC	xã Bắc Ái	H. Tràng Định	22° 12' 25"	106° 24' 52"					F-48-45-D
thôn Khau Luông	DC	xã Bắc Ái	H. Tràng Định	22° 14' 17"	106° 20' 22"					F-48-45-D-a
thôn Khuổi Âu	DC	xã Bắc Ái	H. Tràng Định	22° 14' 41"	106° 19' 37"					F-48-45-D-a
bản Khuổi Tó	DC	xã Bắc Ái	H. Tràng Định	22° 10' 34"	106° 25' 21"					F-48-45-D
thôn Khuổi Vai	DC	xã Bắc Ái	H. Tràng Định	22° 12' 03"	106° 25' 08"					F-48-45-D
núi Lục Cuốc	SV	xã Bắc Ái	H. Tràng Định	22° 11' 13"	106° 24' 50"					F-48-45-D
khau Mốc	SV	xã Bắc Ái	H. Tràng Định	22° 12' 05"	106° 25' 51"					F-48-45-D
núi Pò Đoỏng	SV	xã Bắc Ái	H. Tràng Định	22° 15' 09"	106° 18' 51"					F-48-45-B-c
bản Cắm Tiên	DC	xã Cao Minh	H. Tràng Định	22° 23' 01"	106° 12' 32"					F-48-45-A-b
bản Chòm Tang	DC	xã Cao Minh	H. Tràng Định	22° 24' 12"	106° 11' 47"					F-48-45-A-b
suối Chòm Tang	TV	xã Cao Minh	H. Tràng Định			22° 23' 56"	106° 11' 30"	22° 23' 13"	106° 12' 55"	F-48-45-A-b
thôn Kéo Danh	DC	xã Cao Minh	H. Tràng Định	22° 23' 14"	106° 12' 54"					F-48-45-A-b
bản Khuổi Già	DC	xã Cao Minh	H. Tràng Định	22° 21' 57"	106° 14' 30"					F-48-45-A-d
bản Khuổi Hẻo	DC	xã Cao Minh	H. Tràng Định	22° 21' 09"	106° 13' 46"					F-48-45-A-d
bản Khuổi Lài	DC	xã Cao Minh	H. Tràng Định	22° 20' 56"	106° 15' 38"					F-48-45-B-c
bản Khuổi Lếch	DC	xã Cao Minh	H. Tràng Định	22° 22' 55"	106° 11' 56"					F-48-45-A-b
thôn Khuổi Nặp	DC	xã Cao Minh	H. Tràng Định	22° 20' 45"	106° 14' 30"					F-48-45-A-d
bản Khuổi Pục	DC	xã Cao Minh	H. Tràng Định	22° 21' 36"	106° 13' 22"					F-48-45-A-d
thôn Khuổi Tó	DC	xã Cao Minh	H. Tràng Định	22° 22' 41"	106° 13' 45"					F-48-45-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khuổi Vai	DC	xã Cao Minh	H. Tràng Định	22° 20' 07"	106° 15' 41"					F-48-45-B-c
khuổi Lài	TV	xã Cao Minh	H. Tràng Định			22° 20' 53"	106° 15' 39"	22° 20' 20"	106° 16' 25"	F-48-45-B-c
khuổi Làm	TV	xã Cao Minh	H. Tràng Định			22° 21' 05"	106° 13' 37"	22° 20' 24"	106° 14' 48"	F-48-45-A-d
khuổi Lếch	TV	xã Cao Minh	H. Tràng Định			22° 23' 23"	106° 11' 13"	22° 23' 13"	106° 12' 55"	F-48-45-A-b
bản Pắc Mòn	DC	xã Cao Minh	H. Tràng Định	22° 20' 20"	106° 16' 03"					F-48-45-B-c
khau Pò Chỉnh	SV	xã Cao Minh	H. Tràng Định	22° 20' 27"	106° 15' 16"					F-48-45-B-c
khau Pú	SV	xã Cao Minh	H. Tràng Định	22° 21' 04"	106° 13' 43"					F-48-45-A-d
khuổi Pục	TV	xã Cao Minh	H. Tràng Định			22° 21' 47"	106° 13' 17"	22° 22' 40"	106° 13' 53"	F-48-45-A-d
thôn Vàng Can	DC	xã Cao Minh	H. Tràng Định	22° 20' 53"	106° 16' 22"					F-48-45-B-c
khuổi Ai	TV	xã Chi Lăng	H. Tràng Định			22° 18' 43"	106° 23' 16"	22° 18' 38"	106° 25' 06"	F-48-45-B
quốc lộ 4A	KX	xã Chi Lăng	H. Tràng Định			22° 18' 16"	106° 27' 28"	22° 15' 43"	106° 27' 52"	F-48-45-B
sông Bắc Khê	TV	xã Chi Lăng	H. Tràng Định			22° 16' 59"	106° 25' 33"	22° 15' 36"	106° 27' 49"	F-48-45-B
thôn Bản Mậy	DC	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 17' 21"	106° 26' 07"					F-48-45-B
cầu Bông Lau	KX	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 17' 35"	106° 27' 29"					F-48-45-B
bản Chang	DC	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 16' 20"	106° 27' 53"					F-48-45-B
suối Chị	TV	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 17' 29"	106° 27' 15"					F-48-45-B
thôn Cốc Cưởm	DC	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 15' 45"	106° 27' 59"					F-48-45-B
pò Dầu Khì	SV	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 15' 53"	106° 26' 25"					F-48-45-B
thôn Đâu Linh	DC	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 16' 17"	106° 27' 35"					F-48-45-B
thôn Đoỏng Khọt	DC	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 16' 25"	106° 28' 14"					F-48-45-B
thôn Đoỏng Lìu	DC	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 16' 26"	106° 26' 45"					F-48-45-B
núi Đuốc Tát	SV	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 16' 15"	106° 26' 29"					F-48-45-B
thôn Hang Đông	DC	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 15' 54"	106° 27' 49"					F-48-45-B
thôn Kéo Quang	DC	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 16' 58"	106° 27' 37"					F-48-45-B
núi Khuổi Bao	SV	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 17' 53"	106° 24' 03"					F-48-45-B
đập Khuổi Hin	KX	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 17' 24"	106° 27' 17"					F-48-45-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đập Khuổi Nghìn	KX	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 16' 40"	106° 28' 03"					F-48-45-B
núi Lủng Nào	SV	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 17' 56"	106° 27' 33"					F-48-45-B
khau Luông	SV	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 16' 33"	106° 25' 42"					F-48-45-B
thôn Nà Cáy	DC	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 16' 09"	106° 27' 56"					F-48-45-B
thôn Nà Chát	DC	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 17' 07"	106° 26' 01"					F-48-45-B
thôn Nà Khưa	DC	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 16' 47"	106° 26' 33"					F-48-45-B
thôn Nà Pàng	DC	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 18' 15"	106° 25' 20"					F-48-45-B
thôn Nà Puộc	DC	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 16' 06"	106° 27' 31"					F-48-45-B
khuổi Ngân	TV	xã Chi Lăng	H. Tràng Định			22° 16' 20"	106° 28' 24"	22° 16' 07"	106° 28' 03"	F-48-45-B
khuổi Nghìn	TV	xã Chi Lăng	H. Tràng Định			22° 17' 42"	106° 27' 59"	22° 16' 14"	106° 27' 46"	F-48-45-B
khuổi Ỏ	TV	xã Chi Lăng	H. Tràng Định			22° 18' 36"	106° 26' 16"	22° 16' 47"	106° 26' 40"	F-48-45-B
suối Pác Cáp	TV	xã Chi Lăng	H. Tràng Định			22° 15' 40"	106° 27' 59"	22° 16' 07"	106° 28' 03"	F-48-45-B
bản Tạm	DC	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 17' 03"	106° 26' 38"					F-48-45-B
sông Thà Cạo	TV	xã Chi Lăng	H. Tràng Định			22° 18' 38"	106° 25' 06"	22° 17' 08"	106° 26' 07"	F-48-45-B
thôn Xe Lán	DC	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 16' 27"	106° 27' 37"					F-48-45-B
quốc lộ 4A	KX	xã Chí Minh	H. Tràng Định			22° 21' 43"	106° 26' 22"	22° 20' 21"	106° 26' 59"	F-48-45-B
khuổi Bó	TV	xã Chí Minh	H. Tràng Định			22° 21' 49"	106° 24' 33"	22° 21' 17"	106° 23' 39"	F-48-45-B
khau Bốc	SV	xã Chí Minh	H. Tràng Định	22° 18' 32"	106° 27' 19"					F-48-45-B
đèo Bông Lau	SV	xã Chí Minh	H. Tràng Định	22° 20' 29"	106° 26' 56"					F-48-45-B
bản Ca	DC	xã Chí Minh	H. Tràng Định	22° 21' 51"	106° 23' 06"					F-48-45-B
bản Chang	DC	xã Chí Minh	H. Tràng Định	22° 20' 04"	106° 23' 17"					F-48-45-B
thôn Cốc Toòng	DC	xã Chí Minh	H. Tràng Định	22° 20' 35"	106° 25' 09"					F-48-45-B
khuổi Dạ	TV	xã Chí Minh	H. Tràng Định			22° 19' 36"	106° 23' 41"	22° 19' 55"	106° 24' 37"	F-48-45-B
khuổi Đăng	TV	xã Chí Minh	H. Tràng Định			22° 20' 03"	106° 22' 09"	22° 21' 05"	106° 23' 46"	F-48-45-B
núi Đông Slầm	SV	xã Chí Minh	H. Tràng Định	22° 21' 11"	106° 21' 57"					F-48-45-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Già Ngàn	DC	xã Chí Minh	H. Tràng Định	22° 19' 36"	106° 26' 05"					F-48-45-B
khau Khuổi Ai	SV	xã Chí Minh	H. Tràng Định	22° 18' 54"	106° 23' 04"					F-48-45-B
thôn Khuổi Dạ	DC	xã Chí Minh	H. Tràng Định	22° 19' 33"	106° 22' 52"					F-48-45-B
thôn Khuổi Đăng	DC	xã Chí Minh	H. Tràng Định	22° 20' 47"	106° 23' 52"					F-48-45-B
thôn Khuổi Khuông	DC	xã Chí Minh	H. Tràng Định	22° 20' 53"	106° 21' 58"					F-48-45-B-c
thôn Khuổi Nà	DC	xã Chí Minh	H. Tràng Định	22° 19' 12"	106° 26' 31"					F-48-45-B
bản Khuổi Phạ	DC	xã Chí Minh	H. Tràng Định	22° 19' 41"	106° 23' 19"					F-48-45-B
khuổi Khuông	TV	xã Chí Minh	H. Tràng Định			22° 20' 58"	106° 21' 54"	22° 21' 20"	106° 23' 32"	F-48-45-B
thôn Lùng Phầy	DC	xã Chí Minh	H. Tràng Định	22° 21' 20"	106° 26' 14"					F-48-45-B
khuổi Moòng	TV	xã Chí Minh	H. Tràng Định			22° 20' 45"	106° 22' 22"	22° 21' 15"	106° 23' 34"	F-48-45-B
bản Nà Cạo	DC	xã Chí Minh	H. Tràng Định	22° 21' 19"	106° 23' 13"					F-48-45-B
thôn Nà Quân	DC	xã Chí Minh	H. Tràng Định	22° 20' 56"	106° 23' 53"					F-48-45-B
thôn Pác Bó	DC	xã Chí Minh	H. Tràng Định	22° 21' 54"	106° 24' 30"					F-48-45-B
khuổi Phường	TV	xã Chí Minh	H. Tràng Định			22° 19' 10"	106° 23' 39"	22° 19' 21"	106° 24' 53"	F-48-45-B
khau Piao	SV	xã Chí Minh	H. Tràng Định	22° 20' 22"	106° 26' 43"					F-48-45-B
suối Thà Cạo	TV	xã Chí Minh	H. Tràng Định			22° 21' 56"	106° 23' 01"	22° 18' 40"	106° 25' 06"	F-48-45-B
thôn Thà Lừa	DC	xã Chí Minh	H. Tràng Định	22° 19' 55"	106° 24' 36"					F-48-45-B
khuổi Túng	TV	xã Chí Minh	H. Tràng Định			22° 19' 50"	106° 22' 28"	22° 20' 47"	106° 24' 01"	F-48-45-B
suối Năm Ăn	TV	xã Đại Đồng	H. Tràng Định			22° 16' 41"	106° 31' 52"	22° 14' 39"	106° 28' 54"	F-48-45-B
đường tỉnh 228A	KX	xã Đại Đồng	H. Tràng Định			22° 16' 39"	106° 31' 54"	22° 15' 17"	106° 28' 39"	F-48-46-A
đường tỉnh 4A	KX	xã Đại Đồng	H. Tràng Định			22° 15' 18"	106° 28' 36"	22° 14' 14"	106° 30' 02"	F-48-45-D
thôn Cắp Kẻ	DC	xã Đại Đồng	H. Tràng Định	22° 14' 49"	106° 28' 41"					F-48-45-D
suối Cốc Phát	TV	xã Đại Đồng	H. Tràng Định			22° 17' 13"	106° 29' 41"	22° 14' 52"	106° 28' 37"	F-48-45-B
thôn Hang Mạ	DC	xã Đại Đồng	H. Tràng Định	22° 16' 00"	106° 28' 41"					F-48-45-B
thôn Khắc Đeng	DC	xã Đại Đồng	H. Tràng Định	22° 14' 37"	106° 29' 29"					F-48-45-D
thôn Khau Ngù	DC	xã Đại Đồng	H. Tràng Định	22° 17' 05"	106° 28' 42"					F-48-45-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khòn Cà	DC	xã Đại Đồng	H. Tràng Định	22° 14' 16"	106° 29' 19"					F-48-45-D
bản Khuổi Mu	DC	xã Đại Đồng	H. Tràng Định	22° 16' 14"	106° 31' 03"					F-48-46-A
bản Mạ	DC	xã Đại Đồng	H. Tràng Định	22° 14' 27"	106° 29' 40"					F-48-45-D
khau Mi	SV	xã Đại Đồng	H. Tràng Định	22° 16' 21"	106° 31' 54"					F-48-46-A
bản Mới	DC	xã Đại Đồng	H. Tràng Định	22° 16' 20"	106° 28' 31"					F-48-45-B
thôn Nà Cạn	DC	xã Đại Đồng	H. Tràng Định	22° 15' 31"	106° 28' 34"					F-48-45-B
thôn Nà Khuất	DC	xã Đại Đồng	H. Tràng Định	22° 15' 44"	106° 29' 16"					F-48-45-B
thôn Nà Nghiều	DC	xã Đại Đồng	H. Tràng Định	22° 15' 43"	106° 28' 10"					F-48-45-B
thôn Nà Phái	DC	xã Đại Đồng	H. Tràng Định	22° 15' 02"	106° 29' 10"					F-48-45-B
bản Nà Phiêng	DC	xã Đại Đồng	H. Tràng Định	22° 16' 27"	106° 31' 05"					F-48-46-A
thôn Nà Phục	DC	xã Đại Đồng	H. Tràng Định	22° 15' 16"	106° 29' 23"					F-48-45-B
thôn Nà Trại	DC	xã Đại Đồng	H. Tràng Định	22° 15' 18"	106° 28' 51"					F-48-45-B
thôn Nà Vài	DC	xã Đại Đồng	H. Tràng Định	22° 15' 51"	106° 28' 55"					F-48-45-B
khuổi Nặm	TV	xã Đại Đồng	H. Tràng Định			22° 16' 19"	106° 30' 02"	22° 15' 30"	106° 30' 00"	F-48-46-A
đập Nặm Quằng	KX	xã Đại Đồng	H. Tràng Định	22° 15' 58"	106° 29' 37"					F-48-45-B
bản Pác Cam	DC	xã Đại Đồng	H. Tràng Định	22° 16' 30"	106° 31' 38"					F-48-46-A
suối Pác Chác	TV	xã Đại Đồng	H. Tràng Định			22° 15' 30"	106° 28' 08"	22° 15' 38"	106° 27' 59"	F-48-45-B
bản Phiêng Luông	DC	xã Đại Đồng	H. Tràng Định	22° 15' 14"	106° 30' 12"					F-48-46-A
thôn Pò Bó	DC	xã Đại Đồng	H. Tràng Định	22° 14' 45"	106° 29' 40"					F-48-45-D
thôn Bản Bau	DC	xã Đào Viên	H. Tràng Định	22° 12' 53"	106° 40' 04"					F-48-46-C
thôn Bản Chang	DC	xã Đào Viên	H. Tràng Định	22° 14' 55"	106° 37' 39"					F-48-46-C
thôn Bản Chè	DC	xã Đào Viên	H. Tràng Định	22° 14' 47"	106° 37' 56"					F-48-46-C
thôn Bản Deng	DC	xã Đào Viên	H. Tràng Định	22° 13' 46"	106° 36' 58"					F-48-46-C
thôn Bản Kéo	DC	xã Đào Viên	H. Tràng Định	22° 15' 09"	106° 39' 18"					F-48-46-A
thôn Bản Pheng	DC	xã Đào Viên	H. Tràng Định	22° 13' 34"	106° 36' 42"					F-48-46-C
thôn Bản Pùng	DC	xã Đào Viên	H. Tràng Định	22° 15' 38"	106° 39' 43"					F-48-46-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Bản Pùng	TV	xã Đào Viên	H. Tràng Định			22° 14' 50"	106° 38' 22"	22° 16' 08"	106° 40' 15"	F-48-46-A
thôn Bản Tao	DC	xã Đào Viên	H. Tràng Định	22° 12' 39"	106° 38' 47"					F-48-46-C
thôn Cảo Vài	DC	xã Đào Viên	H. Tràng Định	22° 14' 12"	106° 41' 11"					F-48-46-C
bản Co Ca	DC	xã Đào Viên	H. Tràng Định	22° 10' 39"	106° 38' 23"					F-48-46-C
thôn Coỏng Luông	DC	xã Đào Viên	H. Tràng Định	22° 11' 31"	106° 38' 18"					F-48-46-C
núi Kéo Chả	SV	xã Đào Viên	H. Tràng Định	22° 13' 48"	106° 40' 59"					F-48-46-C
thôn Khuổi Cọ	DC	xã Đào Viên	H. Tràng Định	22° 11' 50"	106° 38' 03"					F-48-46-C
suối Khuổi Cọ	TV	xã Đào Viên	H. Tràng Định			22° 12' 12"	106° 38' 12"	22° 11' 35"	106° 38' 28"	F-48-46-C
sông Kỳ Cùng	TV	xã Đào Viên	H. Tràng Định			22° 11' 06"	106° 38' 04"	22° 13' 15"	106° 42' 01"	F-48-46-C
khuổi Lạn	TV	xã Đào Viên	H. Tràng Định			22° 14' 04"	106° 41' 37"	22° 13' 04"	106° 41' 40"	F-48-46-C
bản Nà Coóc	DC	xã Đào Viên	H. Tràng Định	22° 12' 08"	106° 40' 07"					F-48-46-C
thôn Nà Khoang	DC	xã Đào Viên	H. Tràng Định	22° 16' 31"	106° 41' 07"					F-48-46-A
thôn Nà Nằm	DC	xã Đào Viên	H. Tràng Định	22° 11' 41"	106° 39' 19"					F-48-46-C
thôn Nà Ỏi	DC	xã Đào Viên	H. Tràng Định	22° 13' 08"	106° 40' 39"					F-48-46-C
thôn Pác Lạn	DC	xã Đào Viên	H. Tràng Định	22° 12' 44"	106° 41' 41"					F-48-46-C
thôn Phiêng Piào	DC	xã Đào Viên	H. Tràng Định	22° 13' 15"	106° 37' 18"					F-48-46-C
thôn Phiêng Slỉnh	DC	xã Đào Viên	H. Tràng Định	22° 15' 06"	106° 38' 52"					F-48-46-A
suối Slam Ngàm	TV	xã Đào Viên	H. Tràng Định			22° 14' 47"	106° 40' 09"	22° 12' 24"	106° 40' 09"	F-48-46-C
khau Cà	SV	xã Đề Thám	H. Tràng Định	22° 11' 43"	106° 26' 48"					F-48-45-D
bản Cáu	DC	xã Đề Thám	H. Tràng Định	22° 14' 25"	106° 27' 41"					F-48-45-D
thôn Cốc Lùng	DC	xã Đề Thám	H. Tràng Định	22° 10' 23"	106° 27' 33"					F-48-45-D
thôn Cốc Tảo	DC	xã Đề Thám	H. Tràng Định	22° 15' 30"	106° 27' 21"					F-48-45-B
núi Đông Mù	SV	xã Đề Thám	H. Tràng Định	22° 12' 50"	106° 25' 48"					F-48-45-D
thôn Đoỏng Nà	DC	xã Đề Thám	H. Tràng Định	22° 15' 22"	106° 27' 35"					F-48-45-B
núi Hin Tẳng	SV	xã Đề Thám	H. Tràng Định	22° 11' 59"	106° 27' 53"					F-48-45-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Kéo Lày	DC	xã Đề Thám	H. Tràng Định	22° 14' 56"	106° 28' 09"					F-48-45-D
thôn Khau Cà	DC	xã Đề Thám	H. Tràng Định	22° 11' 55"	106° 26' 12"					F-48-45-D
suối Khau Cà	TV	xã Đề Thám	H. Tràng Định			22° 12' 18"	106° 25' 50"	22° 11' 20"	106° 27' 01"	F-48-45-D
thôn Lính Đeng	DC	xã Đề Thám	H. Tràng Định	22° 15' 28"	106° 27' 56"					F-48-45-D
thôn Lùng Khẩu	DC	xã Đề Thám	H. Tràng Định	22° 14' 13"	106° 25' 44"					F-48-45-D
thôn Nà Ao 1	DC	xã Đề Thám	H. Tràng Định							F-48-45-B
thôn Nà Ao 2	DC	xã Đề Thám	H. Tràng Định							F-48-45-B
thôn Nà Căm	DC	xã Đề Thám	H. Tràng Định	22° 13' 39"	106° 25' 35"					F-48-45-D
thôn Nà Lầu	DC	xã Đề Thám	H. Tràng Định	22° 15' 48"	106° 27' 21"					F-48-45-B
thôn Nà Pài	DC	xã Đề Thám	H. Tràng Định	22° 14' 46"	106° 27' 52"					F-48-45-D
khuổi Nhùng	TV	xã Đề Thám	H. Tràng Định			22° 13' 28"	106° 24' 14"	22° 13' 43"	106° 24' 49"	F-48-45-D
thôn Pác Luồng	DC	xã Đề Thám	H. Tràng Định	22° 15' 05"	106° 28' 20"					F-48-45-B
bản Pò Có	DC	xã Đề Thám	H. Tràng Định	22° 12' 53"	106° 26' 09"					F-48-45-D
bản Quyền	DC	xã Đề Thám	H. Tràng Định	22° 13' 55"	106° 26' 38"					F-48-45-D
núi Sam Sao	SV	xã Đề Thám	H. Tràng Định	22° 11' 07"	106° 26' 13"					F-48-45-D
thôn Bản Ắng	DC	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 25' 37"	106° 15' 14"					F-48-45-B-a
thôn Bản Niềng	DC	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 24' 51"	106° 13' 22"					F-48-45-A-b
khuổi Bon	TV	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định			22° 21' 45"	106° 14' 56"	22° 21' 45"	106° 16' 05"	F-48-45-B-c
khau Bon	SV	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 22' 02"	106° 15' 00"					F-48-45-B-c
khau Chả	SV	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 24' 02"	106° 14' 29"					F-48-45-A-b
suối Đoàn Kết	TV	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định			22° 26' 07"	106° 12' 41"	22° 22' 43"	106° 16' 18"	F-48-45-A-b
khuổi Đông	TV	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định			22° 23' 11"	106° 14' 20"	22° 23' 51"	106° 14' 59"	F-48-45-A-b
khuổi Háo	TV	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định			22° 25' 48"	106° 15' 27"	22° 25' 35"	106° 15' 14"	F-48-45-B-a
khau Khiếc	SV	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 25' 09"	106° 12' 27"					F-48-45-A-b
khau Khín	SV	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 23' 21"	106° 16' 33"					F-48-45-B-a
khuổi Khín	TV	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định			22° 23' 53"	106° 15' 42"	22° 23' 29"	106° 15' 25"	F-48-45-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khau Khít	SV	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 22' 07"	106° 16' 52"					F-48-45-B-c
thôn Nà Bắc	DC	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 21' 24"	106° 16' 33"					F-48-45-B-c
bản Nà Cải	DC	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 23' 31"	106° 15' 18"					F-48-45-B-a
bản Nà Cạm	DC	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 22' 36"	106° 16' 12"					F-48-45-B-a
thôn Nà Coóc	DC	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 25' 21"	106° 13' 08"					F-48-45-A-b
bản Nà Cuổi	DC	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 21' 47"	106° 16' 10"					F-48-45-B-c
bản Nà Hên	DC	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 24' 04"	106° 13' 24"					F-48-45-A-b
bản Nà Nhằn	DC	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 24' 40"	106° 14' 55"					F-48-45-A-b
thôn Nà Phặt	DC	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 22' 03"	106° 15' 55"					F-48-45-B-c
thôn Nà Slản	DC	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 23' 56"	106° 14' 58"					F-48-45-A-b
bản Nà Slèo	DC	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 22' 08"	106° 15' 42"					F-48-45-B-c
bản Nà SLin	DC	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 21' 20"	106° 16' 10"					F-48-45-B-c
bản Nà Sluồng	DC	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 24' 07"	106° 14' 06"					F-48-45-A-b
thôn Nà Ún	DC	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 22' 37"	106° 15' 14"					F-48-45-B-a
bản Nà Vàng	DC	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 20' 58"	106° 16' 50"					F-48-45-B-c
suối Nặm Chẳng	TV	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định			22° 23' 16"	106° 12' 57"	22° 24' 56"	106° 13' 30"	F-48-45-A-b
thôn Nặn Chẳng	DC	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 23' 42"	106° 13' 29"					F-48-45-A-b
khuổi Nuồng	TV	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định			22° 22' 05"	106° 14' 42"	22° 22' 04"	106° 15' 46"	F-48-45-B-c
cầu Pác Heng	KX	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 22' 08"	106° 15' 46"					F-48-45-B-c
bản Pác Khín	DC	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 23' 05"	106° 15' 45"					F-48-45-B-a
bản Pác Lạ	DC	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 25' 55"	106° 12' 19"					F-48-45-A-b
khuổi Phụ	TV	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định			22° 22' 39"	106° 16' 47"	22° 22' 43"	106° 16' 18"	F-48-45-B-a
khuổi Sấy	TV	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định			22° 25' 50"	106° 13' 35"	22° 25' 16"	106° 13' 43"	F-48-45-A-b
khuổi SLuồng	TV	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định			22° 22' 59"	106° 13' 57"	22° 24' 54"	106° 14' 18"	F-48-45-A-b
khuổi Vàng	TV	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định			22° 21' 01"	106° 16' 57"	22° 20' 48"	106° 16' 30"	F-48-45-B-c
thôn Bản Chang	DC	xã Đội Cấn	H. Tràng Định	22° 17' 23"	106° 32' 29"					F-48-46-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đồi Cải	SV	xã Đội Cấn	H. Tràng Định	22° 19' 30"	106° 31' 21"					F-48-46-A
nậm Chà	TV	xã Đội Cấn	H. Tràng Định			22° 20' 22"	106° 34' 04"	22° 19' 39"	106° 32' 31"	F-48-46-A
núi Co Lùng Lìn	SV	xã Đội Cấn	H. Tràng Định	22° 20' 23"	106° 36' 34"					F-48-46-A
núi Đồn Cao Môn	SV	xã Đội Cấn	H. Tràng Định	22° 19' 40"	106° 36' 56"					F-48-46-A
suối Đuốc Quang	TV	xã Đội Cấn	H. Tràng Định			22° 20' 11"	106° 36' 53"	22° 19' 55"	106° 36' 08"	F-48-46-A
suối Khau Sâm	TV	xã Đội Cấn	H. Tràng Định			22° 19' 55"	106° 36' 08"	22° 18' 54"	106° 32' 22"	F-48-46-A
bản Khuổi Nọi	DC	xã Đội Cấn	H. Tràng Định	22° 19' 46"	106° 35' 29"					F-48-46-A
thôn Kim Ly	DC	xã Đội Cấn	H. Tràng Định	22° 17' 52"	106° 32' 37"					F-48-46-A
suối Ky Nà	TV	xã Đội Cấn	H. Tràng Định			22° 20' 45"	106° 31' 55"	22° 18' 54"	106° 32' 30"	F-48-46-A
khau Mười	SV	xã Đội Cấn	H. Tràng Định	22° 20' 57"	106° 33' 12"					F-48-46-A
thôn Nà Đon	DC	xã Đội Cấn	H. Tràng Định	22° 16' 55"	106° 32' 29"					F-48-46-A
núi Nà Ké	SV	xã Đội Cấn	H. Tràng Định	22° 19' 36"	106° 36' 14"					F-48-46-A
bản Nà Kẻ	DC	xã Đội Cấn	H. Tràng Định	22° 18' 57"	106° 33' 24"					F-48-46-A
thôn Nà Lẹng	DC	xã Đội Cấn	H. Tràng Định	22° 19' 00"	106° 33' 44"					F-48-46-A
suối Nặm Ăn	TV	xã Đội Cấn	H. Tràng Định			22° 18' 54"	106° 32' 22"	22° 16' 41"	106° 31' 52"	F-48-46-A
bản Nậm Chà	DC	xã Đội Cấn	H. Tràng Định	22° 20' 26"	106° 33' 55"					F-48-46-A
thôn Nặm Khoang	DC	xã Đội Cấn	H. Tràng Định	22° 19' 36"	106° 32' 25"					F-48-46-A
sông Bắc Khê	TV	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định			22° 14' 28"	106° 28' 42"	22° 13' 52"	106° 29' 24"	F-48-45-D
thôn Bản Coong	DC	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định	22° 12' 19"	106° 29' 23"					F-48-45-D
thôn Bản Piềng	DC	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định	22° 13' 11"	106° 28' 47"					F-48-45-D
thôn Bản Pioòng	DC	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định	22° 10' 26"	106° 28' 38"					F-48-45-D
bản Báu	DC	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định	22° 13' 09"	106° 29' 25"					F-48-45-D
bản Chu	DC	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định	22° 13' 37"	106° 29' 04"					F-48-45-D
thôn Cốc Càng	DC	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định	22° 12' 36"	106° 28' 29"					F-48-45-D
khau Deng	SV	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định	22° 11' 21"	106° 27' 53"					F-48-45-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Đông Ba	SV	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định	22° 13' 07"	106° 27' 23"					F-48-45-D
thôn Đông Mẩn	DC	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định	22° 12' 42"	106° 29' 30"					F-48-45-D
núi Hua Vài	SV	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định	22° 11' 40"	106° 28' 40"					F-48-45-D
sông Kỳ Cùng	TV	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định			22° 13' 52"	106° 29' 24"	22° 12' 02"	106° 30' 24"	F-48-45-D
núi Mạ Quỳnh	SV	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định	22° 13' 28"	106° 27' 25"					F-48-45-D
thôn Nà Cà	DC	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định	22° 14' 12"	106° 28' 21"					F-48-45-D
thôn Nà Chùa	DC	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định	22° 14' 11"	106° 28' 40"					F-48-45-D
thôn Nà Khoang	DC	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định	22° 12' 41"	106° 30' 03"					F-48-46-C
khau Nam	SV	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định	22° 11' 34"	106° 27' 35"					F-48-45-D
núi Píc Khát	SV	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định	22° 12' 34"	106° 26' 25"					F-48-45-D
khuổi Piềng	TV	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định			22° 12' 35"	106° 26' 58"	22° 12' 42"	106° 29' 09"	F-48-45-D
khuổi Pioòng	TV	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định			22° 11' 44"	106° 27' 53"	22° 10' 46"	106° 29' 30"	F-48-45-D
khuổi Sắng	TV	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định			22° 10' 48"	106° 28' 24"	22° 09' 49"	106° 29' 19"	F-48-45-D
thôn Thà Tò	DC	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định	22° 13' 19"	106° 29' 25"					F-48-45-D
thôn Thâm Luông	DC	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định	22° 14' 33"	106° 28' 07"					F-48-45-D
hồ Thâm Luông	TV	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định	22° 14' 20"	106° 27' 53"					F-48-45-D
thôn Vài Pải	DC	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định	22° 12' 22"	106° 29' 51"					F-48-45-D
khau Khách	SV	xã Hùng Việt	H. Tràng Định	22° 11' 53"	106° 31' 44"					F-48-46-C
quốc lộ 4A	KX	xã Hùng Việt	H. Tràng Định			22° 12' 57"	106° 30' 56"	22° 10' 25"	106° 32' 23"	F-48-46-C
sông Bắc Giang	TV	xã Hùng Việt	H. Tràng Định			22° 08' 39"	106° 30' 14"	22° 11' 44"	106° 30' 34"	F-48-45-D
thôn Bản Nhàn	DC	xã Hùng Việt	H. Tràng Định	22° 11' 41"	106° 31' 05"					F-48-46-C
thôn Bản Tét	DC	xã Hùng Việt	H. Tràng Định	22° 10' 50"	106° 30' 40"					F-48-46-C
suối Đoỏng Đeng	TV	xã Hùng Việt	H. Tràng Định			22° 12' 09"	106° 31' 42"	22° 12' 00"	106° 30' 41"	F-48-46-C
thôn Hát Khòn	DC	xã Hùng Việt	H. Tràng Định	22° 10' 42"	106° 31' 50"					F-48-46-C
đèo Khách	SV	xã Hùng Việt	H. Tràng Định	22° 11' 11"	106° 31' 21"					F-48-46-C
khuổi Khách	TV	xã Hùng Việt	H. Tràng Định			22° 11' 35"	106° 31' 59"	22° 11' 10"	106° 31' 14"	F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khau Khòn	SV	xã Hùng Việt	H. Tràng Định	22° 10' 14"	106° 31' 37"					F-48-46-C
thôn Khuổi Khòn	DC	xã Hùng Việt	H. Tràng Định	22° 10' 06"	106° 31' 22"					F-48-46-C
sông Kỳ Cùng	TV	xã Hùng Việt	H. Tràng Định			22° 12' 02"	106° 30' 24"	22° 10' 24"	106° 32' 11"	F-48-46-C
suối Pác Mạ	TV	xã Hùng Việt	H. Tràng Định			22° 10' 38"	106° 33' 00"	22° 10' 43"	106° 32' 11"	F-48-46-C
thôn Phạc Giàng	DC	xã Hùng Việt	H. Tràng Định	22° 11' 29"	106° 30' 41"					F-48-46-C
thôn Phiêng Chuông	DC	xã Hùng Việt	H. Tràng Định	22° 10' 48"	106° 29' 44"					F-48-45-D
thôn Pò Ca	DC	xã Hùng Việt	H. Tràng Định	22° 12' 26"	106° 31' 02"					F-48-46-C
khuổi Sắng	TV	xã Hùng Việt	H. Tràng Định			22° 09' 49"	106° 29' 19"	22° 09' 52"	106° 29' 33"	F-48-45-D
khau Tét	SV	xã Hùng Việt	H. Tràng Định	22° 09' 42"	106° 30' 24"					F-48-46-C
đường tỉnh 228C	KX	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định			22° 12' 28"	106° 33' 04"	22° 13' 13"	106° 30' 57"	F-48-46-C
quốc lộ 4A	KX	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định			22° 14' 14"	106° 30' 02"	22° 12' 57"	106° 30' 56"	F-48-46-C
thôn Bản Đuốc	DC	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định	22° 14' 24"	106° 30' 23"					F-48-46-C
thôn Bản Nằm	DC	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định	22° 13' 20"	106° 31' 10"					F-48-46-C
thôn Bản Phiàng	DC	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định	22° 13' 48"	106° 32' 20"					F-48-46-C
thôn Bản Slàn	DC	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định	22° 14' 05"	106° 31' 36"					F-48-46-C
thôn Bản Slùng	DC	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định	22° 14' 13"	106° 31' 05"					F-48-46-C
thôn Bản Tấp	DC	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định	22° 12' 30"	106° 33' 18"					F-48-46-C
thôn Bản Trại	DC	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định	22° 14' 06"	106° 29' 48"					F-48-45-D
cầu Bản Trại	KX	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định	22° 14' 14"	106° 30' 11"					F-48-46-C
bản Bon	DC	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định	22° 13' 07"	106° 32' 42"					F-48-46-C
khuổi Boóc	TV	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định			22° 15' 13"	106° 31' 32"	22° 14' 10"	106° 32' 03"	F-48-46-C
núi Cước Đeng	SV	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định	22° 13' 32"	106° 31' 41"					F-48-46-C
suối Hang Chà	TV	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định			22° 15' 05"	106° 31' 06"	22° 14' 28"	106° 31' 14"	F-48-46-C
đèo Kéo Đẩy	SV	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định	22° 12' 57"	106° 30' 56"					F-48-46-C
núi Khòn Kéo	SV	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định	22° 13' 28"	106° 30' 12"					F-48-46-C
thôn Khuổi Boóc	DC	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định	22° 14' 13"	106° 32' 04"					F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Kỳ Cùng	TV	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định			22° 13' 52"	106° 29' 24"	22° 12' 00"	106° 33' 32"	F-48-46-C
suối Nà Bó	TV	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định			22° 15' 13"	106° 32' 19"	22° 14' 13"	106° 32' 22"	F-48-46-C
thôn Nà Kéo	DC	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định	22° 13' 60"	106° 31' 57"					F-48-46-C
thôn Nà Sẩn	DC	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định	22° 12' 27"	106° 33' 01"					F-48-46-C
bản Nà Trà	DC	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định	22° 14' 35"	106° 30' 58"					F-48-46-C
suối Nậm Đảng	TV	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định			22° 15' 14"	106° 32' 33"	22° 14' 29"	106° 32' 41"	F-48-46-C
bản Pác Pán	DC	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định	22° 13' 22"	106° 32' 23"					F-48-46-C
thôn Pò Loi	DC	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định	22° 14' 21"	106° 32' 27"					F-48-46-C
khuổi Bây	TV	xã Khánh Long	H. Tràng Định			22° 25' 03"	106° 16' 03"	22° 24' 47"	106° 15' 16"	F-48-45-B-a
khuổi Cao	TV	xã Khánh Long	H. Tràng Định			22° 24' 13"	106° 16' 52"	22° 22' 56"	106° 17' 05"	F-48-45-B-a
núi Chông Mu	SV	xã Khánh Long	H. Tràng Định	22° 27' 45"	106° 14' 15"					F-48-45-A-b
khuổi Háo	TV	xã Khánh Long	H. Tràng Định			22° 26' 33"	106° 16' 23"	22° 25' 55"	106° 15' 56"	F-48-45-B-a
thôn Khuổi Bây A	DC	xã Khánh Long	H. Tràng Định							
thôn Khuổi Bây B	DC	xã Khánh Long	H. Tràng Định							
thôn Khuổi Háo	DC	xã Khánh Long	H. Tràng Định	22° 25' 57"	106° 15' 37"					F-48-45-B-a
thôn Khuổi Phụ A	DC	xã Khánh Long	H. Tràng Định							
thôn Khuổi Phụ B	DC	xã Khánh Long	H. Tràng Định							
thôn Khuổi Sấy	DC	xã Khánh Long	H. Tràng Định	22° 26' 31"	106° 13' 32"					F-48-45-A-b
bản Khuổi Slàng	DC	xã Khánh Long	H. Tràng Định	22° 26' 27"	106° 14' 38"					F-48-45-A-b
bản Mạ Thai	DC	xã Khánh Long	H. Tràng Định	22° 24' 52"	106° 17' 57"					F-48-45-B-a
suối Mạ Thai	TV	xã Khánh Long	H. Tràng Định			22° 24' 32"	106° 18' 07"	22° 24' 07"	106° 18' 17"	F-48-45-B-a
bản Nà Cà	DC	xã Khánh Long	H. Tràng Định	22° 24' 58"	106° 16' 11"					F-48-45-B-a
bản Nà Đầm	DC	xã Khánh Long	H. Tràng Định	22° 25' 15"	106° 17' 53"					F-48-45-B-a
khuổi Nuồng	TV	xã Khánh Long	H. Tràng Định			22° 26' 32"	106° 13' 58"	22° 25' 07"	106° 14' 09"	F-48-45-A-b
bản Phân Mẫn	DC	xã Khánh Long	H. Tràng Định	22° 23' 54"	106° 18' 06"					F-48-45-B-a
núi Phân Mẫn	SV	xã Khánh Long	H. Tràng Định	22° 24' 31"	106° 19' 01"					F-48-45-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Phụ	TV	xã Khánh Long	H. Tràng Định			22° 24' 22"	106° 18' 37"	22° 22' 39"	106° 16' 47"	F-48-45-B-a
suối Phụ Nọi	TV	xã Khánh Long	H. Tràng Định			22° 23' 50"	106° 17' 15"	22° 23' 20"	106° 17' 43"	F-48-45-B-a
khuổi Sả	TV	xã Khánh Long	H. Tràng Định			22° 27' 07"	106° 14' 25"	22° 25' 55"	106° 14' 56"	F-48-45-A-b
khuổi Sấy	TV	xã Khánh Long	H. Tràng Định			22° 27' 07"	106° 13' 44"	22° 25' 50"	106° 13' 35"	F-48-45-A-b
núi Slam Coóc	SV	xã Khánh Long	H. Tràng Định	22° 25' 18"	106° 16' 29"					F-48-45-B-a
suối Tát Lóng	TV	xã Khánh Long	H. Tràng Định			22° 24' 10"	106° 17' 54"	22° 24' 06"	106° 18' 02"	F-48-45-B-a
khau Tèo	SV	xã Khánh Long	H. Tràng Định	22° 24' 12"	106° 16' 58"					F-48-45-B-a
núi Bó Nộc	SV	xã Kim Đồng	H. Tràng Định	22° 18' 58"	106° 22' 21"					F-48-45-B-c
khau Cà	SV	xã Kim Đồng	H. Tràng Định	22° 15' 20"	106° 24' 26"					F-48-45-B
núi Chỏn Nộc	SV	xã Kim Đồng	H. Tràng Định	22° 15' 60"	106° 23' 36"					F-48-45-B
thôn Co Vài	DC	xã Kim Đồng	H. Tràng Định	22° 15' 48"	106° 21' 28"					F-48-45-B-c
khuổi Cò Vài	TV	xã Kim Đồng	H. Tràng Định			22° 13' 52"	106° 22' 14"	22° 15' 11"	106° 21' 24"	F-48-45-D
bản Kéo Bẻng	DC	xã Kim Đồng	H. Tràng Định	22° 16' 55"	106° 23' 03"					F-48-45-B
thôn Kéo Vèng	DC	xã Kim Đồng	H. Tràng Định	22° 13' 19"	106° 22' 16"					F-48-45-D-a
thôn Khuổi Kệt	DC	xã Kim Đồng	H. Tràng Định	22° 16' 24"	106° 23' 13"					F-48-45-B
thôn Khuổi Só	DC	xã Kim Đồng	H. Tràng Định	22° 15' 54"	106° 25' 15"					F-48-45-B
thôn Khuổi Sợi	DC	xã Kim Đồng	H. Tràng Định	22° 15' 39"	106° 23' 30"					F-48-45-B
khuổi Mài	TV	xã Kim Đồng	H. Tràng Định			22° 15' 48"	106° 21' 37"	22° 16' 15"	106° 22' 31"	F-48-45-B
nà Múc	TV	xã Kim Đồng	H. Tràng Định			22° 15' 26"	106° 22' 53"	22° 16' 15"	106° 22' 31"	F-48-45-B
khau Mười	SV	xã Kim Đồng	H. Tràng Định	22° 17' 24"	106° 24' 33"					F-48-45-B
thôn Nà Múc	DC	xã Kim Đồng	H. Tràng Định	22° 14' 39"	106° 22' 58"					F-48-45-D
thôn Nà Sliềng	DC	xã Kim Đồng	H. Tràng Định	22° 16' 49"	106° 23' 38"					F-48-45-B
thôn Nà Soong	DC	xã Kim Đồng	H. Tràng Định	22° 16' 32"	106° 24' 39"					F-48-45-B
bản Nà Tấng	DC	xã Kim Đồng	H. Tràng Định	22° 16' 58"	106° 23' 40"					F-48-45-B
thôn Nà Thà	DC	xã Kim Đồng	H. Tràng Định	22° 16' 49"	106° 22' 35"					F-48-45-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Pác Đông	DC	xã Kim Đồng	H. Tràng Định	22° 16' 50"	106° 24' 25"					F-48-45-B
thôn Pàn Dào	DC	xã Kim Đồng	H. Tràng Định	22° 16' 20"	106° 22' 35"					F-48-45-B
núi Pản Van	SV	xã Kim Đồng	H. Tràng Định	22° 17' 24"	106° 23' 07"					F-48-45-B
khuổi Só	TV	xã Kim Đồng	H. Tràng Định			22° 15' 04"	106° 24' 17"	22° 15' 41"	106° 24' 58"	F-48-45-B
thôn Vằng Chạo	DC	xã Kim Đồng	H. Tràng Định	22° 17' 46"	106° 22' 22"					F-48-45-B
thôn Ven Đin	DC	xã Kim Đồng	H. Tràng Định	22° 16' 51"	106° 25' 10"					F-48-45-B
đường tỉnh 228	KX	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định			22° 21' 19"	106° 31' 15"	22° 22' 29"	106° 34' 47"	F-48-46-A
thôn Bản Dảo	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 23' 56"	106° 33' 28"					F-48-46-A
thôn Bản Dỉ	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 24' 48"	106° 33' 06"					F-48-46-A
thôn Bản Pệt	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 21' 45"	106° 32' 06"					F-48-46-A
thôn Bản Phạc	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 22' 25"	106° 32' 43"					F-48-46-A
thôn Bản Sái	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 21' 47"	106° 31' 14"					F-48-46-A
suối Bản Sảng	TV	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định			22° 23' 32"	106° 32' 39"	22° 22' 33"	106° 33' 06"	F-48-46-A
suối Bản Slàn	TV	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định			22° 20' 19"	106° 28' 25"	22° 21' 21"	106° 28' 55"	F-48-45-B
thôn Bản Tồn	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 21' 43"	106° 30' 02"					F-48-46-A
thôn Bó Luông	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 22' 48"	106° 32' 56"					F-48-46-A
hồ Cao Lan	TV	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 21' 30"	106° 29' 01"					F-48-45-B
máng Cao Lan	TV	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 21' 59"	106° 30' 30"					F-48-46-A
núi Cẩu Nóc	SV	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 24' 20"	106° 31' 33"					F-48-46-A
thôn Cô Slin	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 22' 21"	106° 31' 33"					F-48-46-A
thôn Cốc Phia	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 22' 06"	106° 32' 04"					F-48-46-A
núi Đán Đeng	SV	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 24' 58"	106° 32' 19"					F-48-46-A
khau Đang	SV	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 22' 44"	106° 33' 29"					F-48-46-A
thôn Hang Đoỏng	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 21' 56"	106° 32' 50"					F-48-46-A
đập Hua Khao	KX	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 21' 52"	106° 32' 58"					F-48-46-A
đèo Keng Pèn	SV	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 25' 17"	106° 33' 02"					F-48-46-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đèo Keng Va	SV	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 22' 27"	106° 34' 49"					F-48-46-A
núi Kéo Cởm	SV	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 22' 19"	106° 29' 32"					F-48-45-B
phia Khao	SV	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 24' 14"	106° 32' 36"					F-48-46-A
phia Khoang	SV	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 22' 19"	106° 34' 02"					F-48-46-A
thôn Long Thịnh	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 21' 32"	106° 31' 29"					F-48-46-A
núi Lùng Cừ	SV	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 23' 56"	106° 32' 53"					F-48-46-A
núi Lùng Hin	SV	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 23' 17"	106° 35' 03"					F-48-46-A
núi Lùng Lìn	SV	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 23' 14"	106° 34' 25"					F-48-46-A
núi Lùng Nọt	SV	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 24' 02"	106° 34' 09"					F-48-46-A
núi Lùng Pán	SV	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 23' 32"	106° 29' 11"					F-48-45-B
thôn Lùng Toòng	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 22' 48"	106° 32' 08"					F-48-46-A
thôn Lũng Xá	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 23' 40"	106° 30' 10"					F-48-46-A
núi Lùng Xác	SV	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 24' 44"	106° 33' 34"					F-48-46-A
phia Mi	SV	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 23' 37"	106° 33' 01"					F-48-46-A
thôn Nà Bang	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 21' 43"	106° 31' 34"					F-48-46-A
thôn Nà Nưa	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 22' 37"	106° 34' 26"					F-48-46-A
thôn Nà Pàn	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 22' 03"	106° 31' 21"					F-48-46-A
thôn Pác Bó	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 21' 38"	106° 32' 36"					F-48-46-A
thôn Phia Sliếc	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 23' 30"	106° 33' 38"					F-48-46-A
suối Phia Sliếc	TV	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định			22° 25' 06"	106° 33' 16"	22° 23' 08"	106° 33' 57"	F-48-46-A
bản Pò Chà	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 23' 02"	106° 33' 55"					F-48-46-A
thôn Pò Chả	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 21' 34"	106° 30' 40"					F-48-46-A
thôn Pò Chạng	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 22' 01"	106° 31' 33"					F-48-46-A
thôn Pò Cheng	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 22' 10"	106° 30' 58"					F-48-46-A
thôn Pò Háng	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 21' 45"	106° 30' 58"					F-48-46-A
phia Pú Ni	SV	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 23' 09"	106° 32' 31"					F-48-46-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Slàn	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 21' 46"	106° 29' 18"					F-48-45-B
khau Sliểm	SV	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 22' 05"	106° 33' 39"					F-48-46-A
thôn Thâm Ho	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 21' 28"	106° 30' 47"					F-48-46-A
núi Toòng	SV	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 23' 19"	106° 31' 43"					F-48-46-A
núi Ba Xã	SV	xã Quốc Việt	H. Tràng Định	22° 10' 49"	106° 33' 16"					F-48-46-C
thôn Bản Slào	DC	xã Quốc Việt	H. Tràng Định	22° 11' 06"	106° 34' 45"					F-48-46-C
thôn Bản Xỏm	TV	xã Quốc Việt	H. Tràng Định			22° 13' 33"	106° 36' 28"	22° 13' 01"	106° 34' 51"	F-48-46-C
khuổi Cắm	TV	xã Quốc Việt	H. Tràng Định			22° 10' 21"	106° 33' 50"	22° 11' 07"	106° 34' 59"	F-48-46-C
bản Háng Cáu	DC	xã Quốc Việt	H. Tràng Định	22° 11' 16"	106° 36' 26"					F-48-46-C
thôn Kéo Phấy	DC	xã Quốc Việt	H. Tràng Định	22° 13' 19"	106° 34' 45"					F-48-46-C
sông Kỳ Cùng	TV	xã Quốc Việt	H. Tràng Định			22° 12' 00"	106° 33' 32"	22° 11' 06"	106° 38' 04"	F-48-46-C
bản Nà Ca	DC	xã Quốc Việt	H. Tràng Định	22° 13' 01"	106° 34' 39"					F-48-46-C
thôn Nà Dài	DC	xã Quốc Việt	H. Tràng Định	22° 12' 27"	106° 34' 46"					F-48-46-C
thôn Nà Deng	DC	xã Quốc Việt	H. Tràng Định	22° 11' 24"	106° 34' 12"					F-48-46-C
bản Nà Làng	DC	xã Quốc Việt	H. Tràng Định	22° 10' 54"	106° 35' 02"					F-48-46-C
thôn Nà Lình	DC	xã Quốc Việt	H. Tràng Định	22° 11' 01"	106° 35' 44"					F-48-46-C
thôn Nà Nạ	DC	xã Quốc Việt	H. Tràng Định	22° 11' 36"	106° 36' 14"					F-48-46-C
bản Nà Nhừ	DC	xã Quốc Việt	H. Tràng Định	22° 13' 29"	106° 35' 16"					F-48-46-C
bản Nà Pò	DC	xã Quốc Việt	H. Tràng Định	22° 12' 02"	106° 35' 57"					F-48-46-C
thôn Nà Sáng	DC	xã Quốc Việt	H. Tràng Định	22° 12' 59"	106° 35' 19"					F-48-46-C
thôn Nà Slưa	DC	xã Quốc Việt	H. Tràng Định	22° 10' 56"	106° 35' 14"					F-48-46-C
thôn Pác Nặm	DC	xã Quốc Việt	H. Tràng Định	22° 12' 14"	106° 35' 15"					F-48-46-C
thôn Phạc Phùa	DC	xã Quốc Việt	H. Tràng Định	22° 11' 56"	106° 35' 31"					F-48-46-C
thôn Phiêng Lẹng	DC	xã Quốc Việt	H. Tràng Định	22° 12' 06"	106° 35' 27"					F-48-46-C
thôn Phiêng Mân	DC	xã Quốc Việt	H. Tràng Định	22° 10' 58"	106° 36' 40"					F-48-46-C
thôn Phiêng Mò	DC	xã Quốc Việt	H. Tràng Định	22° 10' 35"	106° 37' 11"					F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Piạc	TV	xã Quốc Việt	H. Tràng Định			22° 09' 49"	106° 35' 22"	22° 10' 29"	106° 36' 20"	F-48-46-C
thôn Pò Chả	DC	xã Quốc Việt	H. Tràng Định	22° 12' 10"	106° 34' 11"					F-48-46-C
bản Pò Lạn	DC	xã Quốc Việt	H. Tràng Định	22° 11' 40"	106° 35' 34"					F-48-46-C
thôn Pò Mặn	DC	xã Quốc Việt	H. Tràng Định	22° 10' 48"	106° 35' 35"					F-48-46-C
suối Trung Thành	TV	xã Quốc Việt	H. Tràng Định			22° 13' 32"	106° 34' 53"	22° 11' 49"	106° 36' 04"	F-48-46-C
thôn Bản Chang	DC	xã Tân Minh	H. Tràng Định	22° 17' 59"	106° 36' 57"					F-48-46-A
thôn Bản Cọ	DC	xã Tân Minh	H. Tràng Định	22° 17' 33"	106° 39' 18"					F-48-46-A
suối Bản Cọ	TV	xã Tân Minh	H. Tràng Định			22° 17' 50"	106° 39' 25"	22° 15' 50"	106° 38' 40"	F-48-46-A
thôn Bản Khén	DC	xã Tân Minh	H. Tràng Định	22° 17' 38"	106° 36' 32"					F-48-46-A
thôn Bản Kiêng	DC	xã Tân Minh	H. Tràng Định	22° 18' 03"	106° 36' 06"					F-48-46-A
thôn Bản Slẳng	DC	xã Tân Minh	H. Tràng Định	22° 16' 11"	106° 37' 39"					F-48-46-A
suối Chủng Slan	TV	xã Tân Minh	H. Tràng Định			22° 19' 06"	106° 36' 53"	22° 19' 35"	106° 36' 23"	F-48-46-A
bản Đon Chang	DC	xã Tân Minh	H. Tràng Định	22° 16' 43"	106° 36' 19"					F-48-46-A
bản Khuổi Nhàn	DC	xã Tân Minh	H. Tràng Định	22° 16' 32"	106° 36' 47"					F-48-46-A
thôn Nà Cuổi	DC	xã Tân Minh	H. Tràng Định	22° 15' 44"	106° 38' 00"					F-48-46-A
thôn Nà Lẹng	DC	xã Tân Minh	H. Tràng Định	22° 17' 14"	106° 38' 31"					F-48-46-A
bản Nà Ngòa	DC	xã Tân Minh	H. Tràng Định	22° 18' 59"	106° 37' 47"					F-48-46-A
thôn Nà Pùng	DC	xã Tân Minh	H. Tràng Định	22° 18' 47"	106° 37' 52"					F-48-46-A
suối Nà Pùng	TV	xã Tân Minh	H. Tràng Định			22° 19' 10"	106° 38' 04"	22° 16' 20"	106° 36' 35"	F-48-46-A
thôn Pò Khảo	DC	xã Tân Minh	H. Tràng Định	22° 16' 21"	106° 38' 25"					F-48-46-A
bản Pò Lạ	DC	xã Tân Minh	H. Tràng Định	22° 18' 44"	106° 35' 51"					F-48-46-A
núi Pò Lạ	SV	xã Tân Minh	H. Tràng Định	22° 19' 30"	106° 37' 02"					F-48-46-A
bản Pò Seo	DC	xã Tân Minh	H. Tràng Định	22° 17' 24"	106° 38' 59"					F-48-46-A
thôn Thâm Cỏng	DC	xã Tân Minh	H. Tràng Định	22° 16' 33"	106° 39' 26"					F-48-46-A
suối Thâm Coỏng	TV	xã Tân Minh	H. Tràng Định			22° 17' 07"	106° 39' 60"	22° 15' 50"	106° 38' 40"	F-48-46-A
khuổi Bi Ắp (Biắp)	TV	xã Tân Tiến	H. Tràng Định			22° 16' 51"	106° 19' 52"	22° 17' 07"	106° 20' 08"	F-48-45-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Áng Mò	DC	xã Tân Tiến	H. Tràng Định	22° 18' 33"	106° 19' 13"					F-48-45-B-c
sông Bắc Khê	TV	xã Tân Tiến	H. Tràng Định			22° 20' 17"	106° 16' 45"	22° 17' 36"	106° 21' 53"	F-48-45-B-c
bản Cạm Piẹt	DC	xã Tân Tiến	H. Tràng Định	22° 20' 47"	106° 20' 52"					F-48-45-B-c
bản Châu	DC	xã Tân Tiến	H. Tràng Định	22° 19' 05"	106° 18' 14"					F-48-45-B-c
khuổi Cù	TV	xã Tân Tiến	H. Tràng Định			22° 20' 38"	106° 20' 42"	22° 20' 06"	106° 19' 58"	F-48-45-B-c
khuổi Khoay	TV	xã Tân Tiến	H. Tràng Định			22° 16' 14"	106° 18' 13"	22° 18' 02"	106° 18' 42"	F-48-45-B-c
thôn Khuổi Bắp	DC	xã Tân Tiến	H. Tràng Định	22° 16' 02"	106° 19' 20"					F-48-45-B-c
cầu Khuổi Cù	KX	xã Tân Tiến	H. Tràng Định	22° 18' 27"	106° 19' 30"					F-48-45-B-c
thôn Khuổi Kiền	DC	xã Tân Tiến	H. Tràng Định	22° 18' 44"	106° 21' 14"					F-48-45-B-c
thôn Khuổi Slì	DC	xã Tân Tiến	H. Tràng Định	22° 19' 30"	106° 18' 27"					F-48-45-B-c
cầu Khuổi Sliêng	KX	xã Tân Tiến	H. Tràng Định	22° 18' 17"	106° 19' 52"					F-48-45-B-c
khau Khuổi Sluồn	SV	xã Tân Tiến	H. Tràng Định	22° 19' 42"	106° 19' 31"					F-48-45-B-c
khuổi Kiền	TV	xã Tân Tiến	H. Tràng Định			22° 19' 08"	106° 21' 28"	22° 17' 52"	106° 20' 51"	F-48-45-B-c
khau Ná Háo	SV	xã Tân Tiến	H. Tràng Định	22° 19' 11"	106° 19' 41"					F-48-45-B-c
thôn Nà Háo	DC	xã Tân Tiến	H. Tràng Định	22° 18' 18"	106° 19' 51"					F-48-45-B-c
suối Nà Màn	TV	xã Tân Tiến	H. Tràng Định			22° 15' 59"	106° 19' 21"	22° 16' 51"	106° 19' 52"	F-48-45-B-c
bản Nà Thia	DC	xã Tân Tiến	H. Tràng Định	22° 20' 27"	106° 20' 16"					F-48-45-B-c
bản Pác Dào	DC	xã Tân Tiến	H. Tràng Định	22° 20' 10"	106° 16' 54"					F-48-45-B-c
khau Phạ	SV	xã Tân Tiến	H. Tràng Định	22° 19' 09"	106° 21' 04"					F-48-45-B-c
bản Phiêng Kim	DC	xã Tân Tiến	H. Tràng Định	22° 18' 45"	106° 19' 05"					F-48-45-B-c
thôn Pò Cại	DC	xã Tân Tiến	H. Tràng Định	22° 19' 59"	106° 17' 41"					F-48-45-B-c
khau Pò Kiền	SV	xã Tân Tiến	H. Tràng Định	22° 19' 37"	106° 20' 15"					F-48-45-B-c
bản Pò Nộc	DC	xã Tân Tiến	H. Tràng Định	22° 17' 58"	106° 20' 44"					F-48-45-B-c
bản Pò Ỏm	DC	xã Tân Tiến	H. Tràng Định	22° 20' 09"	106° 19' 42"					F-48-45-B-c
khuổi Rào	TV	xã Tân Tiến	H. Tràng Định			22° 19' 05"	106° 16' 40"	22° 20' 12"	106° 16' 44"	F-48-45-B-c
khau SLiểm	SV	xã Tân Tiến	H. Tràng Định	22° 20' 51"	106° 17' 33"					F-48-45-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Sliêng	TV	xã Tân Tiến	H. Tràng Định			22° 19' 10"	106° 20' 36"	22° 18' 12"	106° 19' 53"	F-48-45-B-c
khuổi Sluồn	TV	xã Tân Tiến	H. Tràng Định			22° 20' 42"	106° 19' 06"	22° 18' 25"	106° 19' 31"	F-48-45-B-c
khuổi Slỳ	TV	xã Tân Tiến	H. Tràng Định			22° 20' 58"	106° 18' 17"	22° 18' 44"	106° 18' 56"	F-48-45-B-c
thôn Tà Chang	DC	xã Tân Tiến	H. Tràng Định	22° 17' 36"	106° 20' 51"					F-48-45-B-c
khau Táng	SV	xã Tân Tiến	H. Tràng Định	22° 20' 10"	106° 17' 14"					F-48-45-B-c
cầu Thà Chang	KX	xã Tân Tiến	H. Tràng Định	22° 17' 31"	106° 21' 40"					F-48-45-B-c
sông Bắc Khê	TV	xã Tân Yên	H. Tràng Định			22° 20' 23"	106° 16' 32"	22° 20' 17"	106° 16' 45"	F-48-45-B-c
nặm Cắt	TV	xã Tân Yên	H. Tràng Định			22° 17' 15"	106° 16' 55"	22° 18' 42"	106° 16' 17"	F-48-45-B-c
núi Chón Quyn	SV	xã Tân Yên	H. Tràng Định	22° 17' 59"	106° 16' 10"					F-48-45-B-c
khuổi Chửn	TV	xã Tân Yên	H. Tràng Định			22° 19' 46"	106° 13' 48"	22° 19' 38"	106° 14' 27"	F-48-45-A-d
thôn Cốc Tàn	DC	xã Tân Yên	H. Tràng Định	22° 15' 45"	106° 15' 01"					F-48-45-A-c
bản Hin Théc	DC	xã Tân Yên	H. Tràng Định	22° 19' 11"	106° 15' 09"					F-48-45-B-c
thôn Kéo Cà	DC	xã Tân Yên	H. Tràng Định	22° 17' 18"	106° 15' 47"					F-48-45-B-c
núi Kéo Cà	SV	xã Tân Yên	H. Tràng Định	22° 18' 46"	106° 15' 40"					F-48-45-B-c
bản Kéo Tấy	DC	xã Tân Yên	H. Tràng Định	22° 16' 25"	106° 15' 17"					F-48-45-B-c
thôn Khau Mò	TV	xã Tân Yên	H. Tràng Định			22° 16' 22"	106° 16' 45"	22° 17' 08"	106° 16' 60"	F-48-45-B-c
khau Khem	SV	xã Tân Yên	H. Tràng Định	22° 17' 22"	106° 13' 20"					F-48-45-A-d
thôn Khuổi Chửn	DC	xã Tân Yên	H. Tràng Định	22° 18' 44"	106° 13' 55"					F-48-45-A-d
bản Khuổi Khuyết	DC	xã Tân Yên	H. Tràng Định	22° 19' 44"	106° 13' 34"					F-48-45-A-d
bản Khuổi Mán	DC	xã Tân Yên	H. Tràng Định	22° 18' 21"	106° 15' 09"					F-48-45-B-c
bản Khuổi Pèn	DC	xã Tân Yên	H. Tràng Định	22° 20' 02"	106° 13' 46"					F-48-45-A-d
núi Khuổi Vài	SV	xã Tân Yên	H. Tràng Định	22° 19' 15"	106° 15' 57"					F-48-45-B-c
khau Luông	SV	xã Tân Yên	H. Tràng Định	22° 16' 52"	106° 16' 28"					F-48-45-B-c
khuổi Mán	TV	xã Tân Yên	H. Tràng Định			22° 17' 15"	106° 13' 34"	22° 18' 12"	106° 15' 18"	F-48-45-A-d
khuổi Mần	TV	xã Tân Yên	H. Tràng Định			22° 18' 12"	106° 15' 18"	22° 18' 42"	106° 16' 17"	F-48-45-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khau Mào	SV	xã Tân Yên	H. Tràng Định	22° 17' 45"	106° 17' 13"					F-48-45-B-c
thôn Nà Luông	DC	xã Tân Yên	H. Tràng Định	22° 19' 52"	106° 14' 25"					F-48-45-A-d
khuổi Pác Chửn	TV	xã Tân Yên	H. Tràng Định			22° 18' 29"	106° 13' 28"	22° 18' 35"	106° 14' 22"	F-48-45-A-d
bản Pác Dạ	DC	xã Tân Yên	H. Tràng Định	22° 17' 00"	106° 16' 58"					F-48-45-B-c
thôn Pác Đeng	DC	xã Tân Yên	H. Tràng Định	22° 18' 27"	106° 16' 24"					F-48-45-B-c
bản Pác Đin	DC	xã Tân Yên	H. Tràng Định	22° 18' 46"	106° 16' 17"					F-48-45-B-c
thôn Pác Mười	DC	xã Tân Yên	H. Tràng Định	22° 18' 09"	106° 15' 15"					F-48-45-B-c
suối Pác Mười	TV	xã Tân Yên	H. Tràng Định			22° 16' 48"	106° 15' 23"	22° 18' 01"	106° 15' 14"	F-48-45-B-c
khau Phác	SV	xã Tân Yên	H. Tràng Định	22° 15' 51"	106° 15' 56"					F-48-45-B-c
thôn Phia Khao	DC	xã Tân Yên	H. Tràng Định	22° 17' 30"	106° 16' 51"					F-48-45-B-c
đường tỉnh 228	KX	xã Tri Phương	H. Tràng Định			22° 17' 19"	106° 28' 35"	22° 21' 19"	106° 31' 15"	F-48-45-B
bản Kỵ	DC	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 19' 39"	106° 30' 44"					F-48-46-A
suối Bản Bó	TV	xã Tri Phương	H. Tràng Định			22° 20' 05"	106° 27' 06"	22° 18' 47"	106° 27' 44"	F-48-45-B
bản Bó	DC	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 18' 60"	106° 27' 35"					F-48-45-B
núi Cốc Phia	SV	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 19' 00"	106° 29' 28"					F-48-45-B
suối Cốc Phia	TV	xã Tri Phương	H. Tràng Định			22° 19' 25"	106° 28' 45"	22° 18' 35"	106° 28' 06"	F-48-45-B
bản Cốc Slồm	DC	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 18' 25"	106° 28' 27"					F-48-45-B
bản Đoỏng	DC	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 19' 52"	106° 30' 53"					F-48-46-A
núi Đuốc Đeng	SV	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 20' 08"	106° 28' 18"					F-48-45-B
khuổi Giàng	TV	xã Tri Phương	H. Tràng Định			22° 18' 31"	106° 29' 46"	22° 17' 17"	106° 28' 32"	F-48-45-B
bản Háng Deng	DC	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 20' 45"	106° 30' 54"					F-48-46-A
thôn Kéo Quân	DC	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 19' 12"	106° 29' 53"					F-48-45-B
bản Kéo Tàu	DC	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 18' 13"	106° 29' 47"					F-48-45-B
núi Khau Coóng	SV	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 19' 26"	106° 27' 34"					F-48-45-B
thôn Lũng Slàng	DC	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 20' 27"	106° 27' 50"					F-48-45-B
khuổi Nà Chào	TV	xã Tri Phương	H. Tràng Định			22° 17' 31"	106° 30' 18"	22° 17' 24"	106° 29' 49"	F-48-46-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Han	DC	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 18' 47"	106° 30' 02"					F-48-46-A
thôn Nà Mè	DC	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 18' 07"	106° 29' 02"					F-48-45-B
bản Nà Pài	DC	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 19' 49"	106° 30' 32"					F-48-46-A
thôn Nà Phấy	DC	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 18' 51"	106° 28' 50"					F-48-45-B
bản Nà Tốn	DC	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 20' 31"	106° 30' 43"					F-48-46-A
thôn Nà Vản	DC	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 18' 31"	106° 28' 53"					F-48-45-B
bản Ne	DC	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 18' 52"	106° 29' 50"					F-48-45-B
bản Pá Lầu	DC	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 18' 36"	106° 30' 21"					F-48-46-A
bản Phạc	DC	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 18' 22"	106° 28' 41"					F-48-45-B
bản Phai Sào	DC	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 20' 53"	106° 30' 50"					F-48-46-A
bản Pò Chiêm	DC	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 20' 52"	106° 31' 13"					F-48-46-A
thôn Rộc Mạ	DC	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 18' 15"	106° 29' 23"					F-48-45-B
khuổi Sao	TV	xã Tri Phương	H. Tràng Định			22° 18' 47"	106° 27' 44"	22° 18' 08"	106° 27' 41"	F-48-45-B
núi Sảo Vài	SV	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 18' 32"	106° 31' 22"					F-48-46-A
bản Sloọc	DC	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 20' 03"	106° 30' 36"					F-48-46-A
thôn Tàng Chang	DC	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 18' 26"	106° 30' 08"					F-48-46-A
suối Thì Nằng	TV	xã Tri Phương	H. Tràng Định			22° 19' 58"	106° 28' 16"	22° 18' 47"	106° 27' 44"	F-48-45-B
đường tỉnh 229	KX	xã Trung Thành	H. Tràng Định			22° 13' 35"	106° 35' 04"	22° 14' 51"	106° 36' 04"	F-48-46-C
thôn Bản Sliển	DC	xã Trung Thành	H. Tràng Định	22° 15' 11"	106° 35' 02"					F-48-46-A
suối Bản Vải	TV	xã Trung Thành	H. Tràng Định			22° 14' 52"	106° 34' 07"	22° 13' 25"	106° 33' 52"	F-48-46-C
thôn Bản Vèn	DC	xã Trung Thành	H. Tràng Định	22° 14' 40"	106° 35' 59"					F-48-46-C
bản Coóc	DC	xã Trung Thành	H. Tràng Định	22° 14' 45"	106° 36' 15"					F-48-46-C
bản Đông Pinh	DC	xã Trung Thành	H. Tràng Định	22° 14' 56"	106° 36' 39"					F-48-46-C
thôn Khuổi Khìn	DC	xã Trung Thành	H. Tràng Định	22° 15' 25"	106° 33' 19"					F-48-46-A
bản Khuổi Mi	DC	xã Trung Thành	H. Tràng Định	22° 16' 26"	106° 34' 17"					F-48-46-A
bản Nà Lạn	DC	xã Trung Thành	H. Tràng Định	22° 17' 28"	106° 34' 26"					F-48-46-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Lý	DC	xã Trung Thành	H. Tràng Định	22° 13' 59"	106° 34' 22"					F-48-46-C
thôn Nà Pục	DC	xã Trung Thành	H. Tràng Định	22° 14' 48"	106° 35' 08"					F-48-46-C
thôn Pác Pàu	DC	xã Trung Thành	H. Tràng Định	22° 14' 51"	106° 36' 04"					F-48-46-C
bản Piếng	DC	xã Trung Thành	H. Tràng Định	22° 15' 53"	106° 36' 26"					F-48-46-A
suối Trung Thành	TV	xã Trung Thành	H. Tràng Định			22° 15' 48"	106° 36' 26"	22° 13' 32"	106° 34' 57"	F-48-46-C
khau Bắc	SV	xã Vĩnh Tiến	H. Tràng Định	22° 21' 47"	106° 17' 17"					F-48-45-B-c
khuổi Cạ	TV	xã Vĩnh Tiến	H. Tràng Định			22° 22' 11"	106° 18' 05"	22° 21' 60"	106° 18' 50"	F-48-45-B-c
thôn Đông Sào	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Tràng Định	22° 24' 40"	106° 19' 39"					F-48-45-B-a
suối Đông Sào	TV	xã Vĩnh Tiến	H. Tràng Định			22° 24' 46"	106° 19' 38"	22° 23' 10"	106° 19' 13"	F-48-45-B-a
khuổi Hai	TV	xã Vĩnh Tiến	H. Tràng Định			22° 24' 05"	106° 19' 59"	22° 22' 48"	106° 19' 26"	F-48-45-B-a
thôn Khuổi Chang	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Tràng Định	22° 23' 55"	106° 19' 01"					F-48-45-B-a
thôn Khuổi Hai	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Tràng Định	22° 23' 19"	106° 20' 17"					F-48-45-B-a
bản Khuổi Sỏm	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Tràng Định	22° 21' 38"	106° 19' 33"					F-48-45-B-c
thôn Khuổi Suồn	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Tràng Định	22° 21' 15"	106° 19' 34"					F-48-45-B-c
núi Khuổi Sướng	SV	xã Vĩnh Tiến	H. Tràng Định	22° 23' 03"	106° 18' 29"					F-48-45-B-a
thôn Pác Đáp	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Tràng Định	22° 22' 03"	106° 19' 57"					F-48-45-B-c
bản Pác Piêng	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Tràng Định	22° 21' 15"	106° 18' 22"					F-48-45-B-c
thôn Pác Quang	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Tràng Định	22° 22' 09"	106° 19' 12"					F-48-45-B-c
khau Phạ	SV	xã Vĩnh Tiến	H. Tràng Định	22° 22' 11"	106° 20' 53"					F-48-45-B-a
thôn Phiêng Han	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Tràng Định	22° 22' 39"	106° 19' 22"					F-48-45-B-a
thôn Phiêng Sâu	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Tràng Định	22° 21' 47"	106° 18' 49"					F-48-45-B-c
khuổi Piêng	TV	xã Vĩnh Tiến	H. Tràng Định			22° 22' 05"	106° 17' 29"	22° 21' 48"	106° 17' 53"	F-48-45-B-c
thôn Pò Lầu	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Tràng Định	22° 21' 33"	106° 18' 37"					F-48-45-B-c
khuổi Sluồn	TV	xã Vĩnh Tiến	H. Tràng Định			22° 21' 56"	106° 19' 42"	22° 20' 42"	106° 19' 09"	F-48-45-B-c
khu 1	DC	TT. Na Sầm	H. Văn Lãng	22° 03' 15"	106° 36' 47"					F-48-46-C
khu 2	DC	TT. Na Sầm	H. Văn Lãng	22° 03' 25"	106° 36' 49"					F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 3	DC	TT. Na Sầm	H. Văn Lãng	22° 03' 05"	106° 36' 52"					F-48-46-C
khu 4	DC	TT. Na Sầm	H. Văn Lãng	22° 03' 33"	106° 36' 59"					F-48-46-C
quốc lộ 4A	KX	TT. Na Sầm	H. Văn Lãng			22° 03' 41"	106° 36' 31"	22° 02' 50"	106° 37' 02"	F-48-46-C
thôn Bản Tích	DC	TT. Na Sầm	H. Văn Lãng	22° 03' 38"	106° 36' 54"					F-48-46-C
suối Bản Dùa	TV	xã An Hùng	H. Văn Lãng			22° 04' 09"	106° 38' 09"	22° 05' 32"	106° 37' 53"	F-48-46-C
thôn Bản Gia	DC	xã An Hùng	H. Văn Lãng	22° 06' 10"	106° 38' 18"					F-48-46-C
thôn Bản Lếch	DC	xã An Hùng	H. Văn Lãng	22° 05' 29"	106° 35' 58"					F-48-46-C
thôn Bản Rùa	DC	xã An Hùng	H. Văn Lãng	22° 05' 31"	106° 37' 48"					F-48-46-C
thôn Hu Ngoài	DC	xã An Hùng	H. Văn Lãng	22° 04' 15"	106° 36' 51"					F-48-46-C
thôn Hu Trong	DC	xã An Hùng	H. Văn Lãng	22° 04' 57"	106° 36' 36"					F-48-46-C
suối Khun Hu	TV	xã An Hùng	H. Văn Lãng			22° 05' 58"	106° 37' 15"	22° 04' 43"	106° 36' 41"	F-48-46-C
suối Khuổi Khẻ	TV	xã An Hùng	H. Văn Lãng			22° 05' 59"	106° 36' 23"	22° 05' 30"	106° 35' 49"	F-48-46-C
suối Khuổi Luông	TV	xã An Hùng	H. Văn Lãng			22° 05' 49"	106° 36' 40"	22° 05' 27"	106° 35' 25"	F-48-46-C
núi Khuôn Cheng	SV	xã An Hùng	H. Văn Lãng	22° 05' 21"	106° 38' 30"					F-48-46-C
núi Liên Hang	SV	xã An Hùng	H. Văn Lãng	22° 03' 49"	106° 38' 16"					F-48-46-C
núi Yên Mạ	SV	xã An Hùng	H. Văn Lãng	22° 05' 57"	106° 36' 55"					F-48-46-C
núi Béo	SV	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 06' 28"	106° 32' 31"					F-48-46-C
thôn Co Liền	DC	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 06' 51"	106° 31' 18"					F-48-46-C
thôn Cốc Hắt	DC	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 07' 22"	106° 29' 18"					F-48-45-D-d
thôn Cốc Pục	DC	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 05' 49"	106° 31' 08"					F-48-46-C
suối Cốc Pục	TV	xã Bắc La	H. Văn Lãng			22° 04' 07"	106° 30' 39"	22° 06' 09"	106° 30' 25"	F-48-46-C
thôn Còn Slù	DC	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 06' 58"	106° 30' 45"					F-48-46-C
suối Còn Sù	TV	xã Bắc La	H. Văn Lãng			22° 05' 07"	106° 31' 18"	22° 06' 56"	106° 31' 14"	F-48-46-C
núi Kéo Ái	SV	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 08' 38"	106° 31' 54"					F-48-46-C
thôn Khuổi Hoi	DC	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 08' 04"	106° 31' 36"					F-48-46-C
núi Kim Kang	SV	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 07' 02"	106° 28' 16"					F-48-45-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Nà Hin	TV	xã Bắc La	H. Văn Lãng			22° 08' 12"	106° 31' 03"	22° 08' 36"	106° 30' 09"	F-48-46-C
thôn Nà Sòm	DC	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 08' 08"	106° 29' 43"					F-48-45-D
thôn Nặm Slù	DC	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 07' 13"	106° 30' 41"					F-48-46-C
núi Pai Luông	SV	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 08' 07"	106° 28' 43"					F-48-45-D
thôn Phiêng Luông	DC	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 06' 07"	106° 28' 46"					F-48-45-D-d
suối Phiêng Luông	TV	xã Bắc La	H. Văn Lãng			22° 06' 15"	106° 29' 42"	22° 05' 41"	106° 28' 59"	F-48-45-D-d
núi Pò Mốc Chiếp	SV	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 05' 20"	106° 30' 37"					F-48-46-C
núi Pò Sơ Hàn (Pò Shàn)	SV	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 09' 02"	106° 29' 26"					F-48-45-D
thôn Và Quang	DC	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 06' 27"	106° 30' 29"					F-48-46-C
khuổi Van	TV	xã Bắc La	H. Văn Lãng			22° 06' 28"	106° 29' 35"	22° 07' 39"	106° 29' 35"	F-48-45-D-d
khuổi Xá	TV	xã Bắc La	H. Văn Lãng			22° 06' 11"	106° 28' 34"	22° 07' 10"	106° 28' 44"	F-48-45-D-d
đường tỉnh 231	KX	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng			22° 02' 24"	106° 28' 52"	22° 02' 05"	106° 29' 55"	F-48-45-D-d
suối Bản Án	TV	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng			22° 01' 58"	106° 31' 36"	22° 02' 45"	106° 31' 50"	F-48-46-C
thôn Bản Cáp	DC	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	22° 01' 59"	106° 30' 35"					F-48-46-C
thôn Bản Pục	DC	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	22° 01' 23"	106° 31' 30"					F-48-46-C
thôn Bình Lập	DC	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	22° 02' 56"	106° 30' 32"					F-48-46-C
núi Bô Diêm	SV	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	21° 58' 55"	106° 30' 21"					F-48-58-A-a
thôn Cốc Nhảng	DC	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	21° 59' 41"	106° 30' 17"					F-48-58-A-a
suối Còn Pheng (Kòn Pheng)	TV	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng			21° 58' 48"	106° 28' 31"	21° 59' 30"	106° 29' 30"	F-48-57-B-b
thôn Cương Quyết	DC	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	22° 00' 18"	106° 29' 52"					F-48-45-D-d
bản Hu Kiều	DC	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	21° 58' 57"	106° 29' 32"					F-48-57-B-b
suối Hua Kiều	TV	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng			21° 58' 33"	106° 28' 29"	21° 59' 30"	106° 29' 30"	F-48-57-B-b
núi Khôn Chả	SV	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	22° 02' 01"	106° 31' 55"					F-48-46-C
bản Khôn Mắng	DC	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	22° 02' 03"	106° 31' 10"					F-48-46-C
núi Khuôn Đắng	SV	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	22° 01' 01"	106° 32' 06"					F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Khuôn Loỏng	TV	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng			21° 59' 07"	106° 31' 51"	21° 59' 58"	106° 31' 12"	F-48-58-A-a
thôn Kòn Pheng	DC	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	21° 59' 12"	10629'02					F-48-57-B-b
thôn Mạy Sao	DC	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	22° 02' 42"	106° 31' 40"					F-48-46-C
suối Nà Giảo	TV	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng			22° 02' 38"	106° 30' 21"	22° 02' 16"	106° 29' 33"	F-48-45-D-d
cầu Nà Giảo	KX	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	22° 02' 04"	106° 30' 38"					F-48-46-C
thôn Nặm Bao	DC	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	22° 02' 01"	106° 29' 05"					F-48-45-D-d
suối Nặm Bao	TV	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng			22° 02' 16"	106° 29' 33"	22° 02' 35"	106° 29' 33"	F-48-45-D-d
cầu Nặm Bao	KX	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	22° 02' 02"	106° 29' 27"					F-48-45-D-d
thôn Phai Nà	DC	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	22° 01' 02"	106° 30' 06"					F-48-46-C
bản Pò Danh	DC	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	21° 59' 57"	106° 29' 39"					F-48-57-B-b
thôn Pò Mánh	DC	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	22° 01' 37"	106° 32' 09"					F-48-46-C
thôn Quảng Sơn	DC	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	22° 00' 13"	106° 30' 40"					F-48-46-C
núi Sì Chu	SV	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	22° 02' 19"	106° 28' 37"					F-48-45-D-d
suối Tà Phảng	TV	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng			22° 00' 11"	106° 30' 39"	22° 01' 21"	106° 31' 33"	F-48-46-C
bản Tát Dằm	DC	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	21° 59' 22"	106° 29' 30"					F-48-57-B-b
bản Thâm Phia	DC	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	21° 58' 48"	106° 28' 55"					F-48-57-B-b
suối Bắc Chầu	TV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng			21° 55' 48"	106° 36' 58"	21° 56' 59"	106° 37' 31"	F-48-58-A
bản Bản Đác	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 42"	106° 37' 54"					F-48-58-A
thôn Bó Chầu	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 49"	106° 37' 24"					F-48-58-A-a
bản Bó Lào	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 57' 02"	106° 37' 23"					F-48-58-A
bản Cằn Nong	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 33"	106° 37' 43"					F-48-58-A
núi Càng Nộc	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 57' 35"	106° 37' 19"					F-48-58-A-a
bản Còn Lạn	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 57' 17"	106° 37' 54"					F-48-58-A
bản Hang Lệ	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 57' 53"	106° 37' 34"					F-48-58-A
núi Hang Nơ	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 58' 07"	106° 37' 51"					F-48-58-A
bản Kéo Cà	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 19"	106° 37' 10"					F-48-58-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khâu Pạ	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 55' 13"	106° 38' 29"					F-48-58-A
núi Khau Tăng	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 55' 27"	106° 38' 31"					F-48-58-A
núi Lằng Ca	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 55' 40"	106° 39' 27"					F-48-58-A
thôn Nà Lùng	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 28"	106° 37' 48"					F-48-58-A
thôn Nà Pàn	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 13"	106° 38' 02"					F-48-58-A
đập Nà Pàn	KX	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 05"	106° 37' 59"					F-48-58-A
bản Pác Háy	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 57' 41"	106° 37' 44"					F-48-58-A
bản Phặc Lạng	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 57' 08"	106° 38' 01"					F-48-58-A
bản Phú Lầu	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 57' 12"	106° 37' 47"					F-48-58-A
bản Pò Bâm	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 07"	106° 37' 52"					F-48-58-A
núi Quan Viên	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 11"	106° 38' 18"					F-48-58-A
núi Soong Phày	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 37"	106° 38' 43"					F-48-58-A
khuổi Slân	TV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng			22° 01' 17"	106° 38' 49"	22° 01' 29"	106° 37' 54"	F-48-46-C
thôn Bản Lè	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 34"	106° 36' 30"					F-48-46-C
thôn Bản Ỏ	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	21° 59' 55"	106° 36' 43"					F-48-58-A-a
suối Bản Tích	TV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng			22° 03' 55"	106° 38' 01"	22° 03' 33"	106° 36' 44"	F-48-46-C
bản Cắp Kẻ	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 02' 26"	106° 37' 32"					F-48-46-C
thôn Cốc Hắt	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 00' 20"	106° 37' 39"					F-48-46-C
suối Cốc Hắt	TV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng			22° 00' 17"	106° 37' 09"	22° 01' 13"	106° 37' 19"	F-48-46-C
bản Còn Noọc	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 25"	106° 37' 44"					F-48-46-C
suối Hoàng Việt	TV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng			22° 01' 29"	106° 37' 54"	22° 02' 27"	106° 36' 01"	F-48-46-C
núi Kéo Nà Cà	SV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 38"	106° 38' 36"					F-48-46-C
bản Khơi Đa	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 49"	106° 38' 18"					F-48-46-C
thôn Khun Pinh	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 02' 20"	106° 36' 36"					F-48-46-C
thôn Khun Slam	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 02' 41"	106° 37' 14"					F-48-46-C
bản Khuôn Chu	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 53"	106° 37' 40"					F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Khuôn Liền	TV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng			22° 00' 42"	106° 37' 32"	22° 01' 13"	106° 37' 19"	F-48-46-C
sông Kỳ Cùng	TV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng			21° 59' 13"	106° 35' 45"	22° 03' 04"	106° 36' 31"	F-48-46-C
bản Lùng Cáu	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	21° 59' 14"	106° 39' 45"					F-48-58-A
suối Lũng Cùng	TV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng			22° 03' 30"	106° 38' 42"	22° 02' 15"	106° 37' 09"	F-48-46-C
thôn Nà Áng	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 02' 42"	106° 36' 50"					F-48-46-C
bản Nà Cộng	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 35"	106° 38' 01"					F-48-46-C
thôn Nà Khách	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 03' 32"	106° 38' 07"					F-48-46-C
đập Nà Khách	TV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 03' 14"	106° 38' 00"					F-48-46-C
thôn Nà Mạt	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 53"	106° 37' 19"					F-48-46-C
thôn Nà Phai	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 02' 10"	106° 36' 27"					F-48-46-C
thôn Nà Quynh	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 00' 26"	106° 35' 46"					F-48-46-C
bản Pác Đón	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 18"	106° 36' 18"					F-48-46-C
núi Pò Lằm Chắp	SV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 03' 04"	106° 38' 33"					F-48-46-C
thôn Pò Pheo	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 31"	106° 37' 22"					F-48-46-C
thôn Tà Piạc	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 00' 37"	106° 35' 02"					F-48-46-C
bản Tềnh Đồn	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 02' 28"	106° 36' 24"					F-48-46-C
bản Tổng Chào	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 06"	106° 38' 14"					F-48-46-C
thôn Bản Bẻng	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 04' 07"	106° 28' 43"					F-48-45-D-d
thôn Bản Kìa	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 03' 01"	106° 28' 58"					F-48-45-D-d
thôn Bản Miằng	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 03' 29"	106° 28' 49"					F-48-45-D-d
thôn Bình Dân	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 02' 40"	106° 27' 55"					F-48-45-D-d
nặm Bú	TV	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng			22° 03' 55"	106° 27' 27"	22° 05' 17"	106° 28' 55"	F-48-45-D-d
thôn Co Tào	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 05' 24"	106° 27' 41"					F-48-45-D-d
thôn Cốc Mặn	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 03' 58"	106° 26' 52"					F-48-45-D-d
núi Cốc Mặn	SV	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 04' 38"	106° 26' 56"					F-48-45-D-d
thôn Đông Chang	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 04' 31"	106° 29' 42"					F-48-45-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Háng Van	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 02' 49"	106° 28' 43"					F-48-45-D-d
suối Hội Hoan	TV	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng			22° 03' 08"	106° 29' 07"	22° 05' 41"	106° 28' 59"	F-48-45-D-d
bản Khau Quan	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 05' 15"	106° 27' 35"					F-48-45-D-d
khuổi Khem	TV	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng			22° 03' 50"	106° 26' 51"	22° 05' 58"	106° 26' 45"	F-48-45-D-d
khuổi Khem	TV	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng			22° 03' 50"	106° 26' 51"	22° 03' 17"	106° 27' 20"	F-48-45-D-d
thôn Khuổi Rào	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 05' 23"	106° 26' 44"					F-48-45-D-d
suối Khuôn Nghiều	TV	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng			22° 03' 39"	106° 29' 33"	22° 04' 08"	106° 29' 20"	F-48-45-D-d
thôn Phiêng Liệt	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 04' 54"	106° 29' 42"					F-48-45-D-d
bản Thẳm Bẻ	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 03' 31"	106° 28' 04"					F-48-45-D-d
suối Thẳm Bẻ	TV	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng			22° 03' 26"	106° 27' 48"	22° 03' 48"	106° 28' 25"	F-48-45-D-d
khuổi Toọc	TV	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng			22° 04' 38"	106° 27' 03"	22° 06' 11"	106° 28' 34"	F-48-45-D-d
thôn Bản Nhùng	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng	21° 57' 46"	106° 36' 27"					F-48-58-A-a
bản Cốc Hắt	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng	21° 59' 35"	106° 37' 19"					F-48-58-A-a
bản Keng Vài	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng	21° 57' 14"	106° 36' 23"					F-48-58-A-a
sông Kỳ Cùng	TV	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng			21° 55' 00"	106° 35' 58"	21° 59' 13"	106° 35' 45"	F-48-58-A-a
suối Lậu Cáy	TV	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng			21° 58' 02"	106° 37' 09"	21° 58' 55"	106° 37' 01"	F-48-58-A-a
thôn Lùng Đúc	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng	21° 56' 59"	106° 35' 52"					F-48-58-A-a
thôn Lùng Mười	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng	21° 58' 34"	106° 36' 53"					F-48-58-A-a
bản Lùng Vài	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng	21° 58' 20"	106° 36' 15"					F-48-58-A-a
thôn Nà Tao	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng	21° 56' 12"	106° 36' 18"					F-48-58-A-a
thôn Pác Bó	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng	21° 56' 22"	106° 36' 09"					F-48-58-A-a
thôn Pác Sàng	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng	21° 56' 43"	106° 36' 09"					F-48-58-A-a
bản Quang Pải	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng	21° 58' 59"	106° 37' 03"					F-48-58-A-a
thôn Bản Van	DC	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng	22° 02' 21"	106° 28' 02"					F-48-45-D-d
thôn Bình Độ	DC	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng	22° 00' 21"	106° 27' 37"					F-48-45-D-d
thôn Đồng Tâm	DC	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng	22° 01' 50"	106° 28' 05"					F-48-45-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Hin Ngùm	TV	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng			22° 00' 35"	106° 28' 35"	22° 01' 18"	106° 28' 09"	F-48-45-D-d
thôn Hòa Lạc	DC	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng	22° 01' 22"	106° 27' 45"					F-48-45-D-d
núi Mảy Van	SV	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng	22° 02' 21"	106° 27' 14"					F-48-45-D-d
thôn Năm Hép	DC	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng	22° 02' 11"	106° 27' 04"					F-48-45-D-d
núi Sam Choi	SV	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng	22° 01' 37"	106° 26' 06"					F-48-45-D-d
khau SLin	SV	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng	22° 00' 49"	106° 26' 49"					F-48-45-D-d
thôn Tác Chiến	DC	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng	21° 59' 48"	106° 27' 42"					F-48-57-B-b
suối Tát Đeng	TV	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng			22° 00' 43"	106° 27' 55"	22° 02' 29"	106° 28' 02"	F-48-45-D-d
thôn Còn Luông	DC	xã Nhạc Kỳ	H. Văn Lãng	21° 54' 56"	106° 37' 05"					F-48-58-A
thôn Còn Tẩu Ư (Còn Tẩu)	DC	xã Nhạc Kỳ	H. Văn Lãng	21° 54' 44"	106° 36' 48"					F-48-58-A
núi Kéo Cà	SV	xã Nhạc Kỳ	H. Văn Lãng	21° 55' 28"	106° 36' 46"					F-48-58-A
núi Kéo Hua Cầu	SV	xã Nhạc Kỳ	H. Văn Lãng	21° 55' 20"	106° 37' 44"					F-48-58-A
thôn Khun Phung	DC	xã Nhạc Kỳ	H. Văn Lãng	21° 54' 49"	106° 37' 44"					F-48-58-A
sông Kỳ Cùng	TV	xã Nhạc Kỳ	H. Văn Lãng			21° 53' 03"	106° 37' 27"	21° 53' 00"	106° 37' 23"	F-48-58-A
suối Lọ Cải	TV	xã Nhạc Kỳ	H. Văn Lãng			21° 55' 02"	106° 37' 05"	21° 54' 42"	106° 36' 28"	F-48-58-A
thôn Lương Thác	DC	xã Nhạc Kỳ	H. Văn Lãng	21° 54' 15"	106° 36' 25"					F-48-58-A
núi Nà Hốc	SV	xã Nhạc Kỳ	H. Văn Lãng	21° 54' 59"	106° 36' 12"					F-48-58-A
đường tỉnh 232	KX	xã Tân Lang	H. Văn Lãng			220° 03' 25"	106° 36' 37"	220° 02' 08"	106° 34' 44"	F-48-46-C
quốc lộ 4A	KX	xã Tân Lang	H. Văn Lãng			220° 05' 18"	106° 35' 21"	220° 03' 39"	106° 36' 31"	F-48-46-C
thôn Bản Làng	DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 04' 37"	106° 35' 07"					F-48-46-C
thôn Bó Củng	DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 05' 13"	106° 35' 23"					F-48-46-C
suối Cầu Tăm	TV	xã Tân Lang	H. Văn Lãng			22° 03' 13"	106° 34' 33"	22° 04' 03"	106° 35' 01"	F-48-46-C
suối Kéo An	TV	xã Tân Lang	H. Văn Lãng			22° 02' 10"	106° 34' 37"	22° 03' 21"	106° 35' 02"	F-48-46-C
thôn Kéo Van	DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 03' 22"	106° 35' 11"					F-48-46-C
thôn Khuôn Roọc	DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 04' 08"	106° 34' 47"					F-48-46-C
suối Khuôn Roọc	TV	xã Tân Lang	H. Văn Lãng			22° 04' 00"	106° 34' 07"	22° 04' 03"	106° 35' 01"	F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Kỳ Cùng	TV	xã Tân Lang	H. Văn Lãng			22° 02' 27"	106° 35' 59"	22° 05' 10"	106° 35' 07"	F-48-46-C
thôn Nà Chà	DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 03' 14"	106° 36' 19"					F-48-46-C
suối Nà Chà	TV	xã Tân Lang	H. Văn Lãng			22° 02' 50"	106° 35' 23"	22° 03' 17"	106° 36' 24"	F-48-46-C
bản Nà Chuông	DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 02' 16"	106° 34' 41"					F-48-46-C
thôn Nà Cưởm	DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 03' 35"	106° 36' 24"					F-48-46-C
cầu Na Sầm	KX	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	220° 03' 25"	106° 36' 37"					F-48-46-C
thôn Phiêng Khoang	DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 03' 43"	106° 35' 39"					F-48-46-C
thôn Pò Lầu	DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 03' 35"	106° 35' 27"					F-48-46-C
cầu Tăm	KX	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	220° 04' 03"	106° 35' 03"					F-48-46-C
thôn Thanh Hảo	DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 04' 34"	106° 35' 36"					F-48-46-C
đường tỉnh 233	KX	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			21° 57' 08"	106° 41' 01"	21° 58' 38"	106° 40' 27"	F-48-58-A
quốc lộ 4A	KX	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			22° 01' 01"	106° 38' 15"	21° 57' 14"	106° 41' 30"	F-48-46-C
núi Cắc Cào	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 16"	106° 40' 03"					F-48-58-A
lũng Canh Phòng	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 02"	106° 40' 50"					F-48-58-A
núi Cẩu Tập	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 49"	106° 40' 43"					F-48-58-A
bản Chang	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 42"	106° 39' 16"					F-48-58-A
suối Cốc Lính	TV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			21° 58' 29"	106° 38' 37"	21° 59' 21"	106° 39' 18"	F-48-58-A
thôn Cốc Lĩnh	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 00"	106° 38' 56"					F-48-58-A
bản Cốc Mặn	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 56' 11"	106° 38' 60"					F-48-58-A
thôn Cốc Nam	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 32"	106° 41' 20"					F-48-58-A
núi Đài 05	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 10"	106° 41' 02"					F-48-58-A
bản Háng Mới	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 58"	106° 39' 23"					F-48-58-A
suối Háng Pài	TV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			21° 57' 43"	106° 40' 38"	21° 58' 50"	106° 39' 56"	F-48-58-A
núi Hang Soòng	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 56' 30"	106° 40' 19"					F-48-58-A
núi Hin Còn	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 13"	106° 40' 52"					F-48-58-A
núi Kéo Cước	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 27"	106° 40' 19"					F-48-58-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Khau Chặm	TV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			21° 57' 21"	106° 39' 04"	21° 58' 17"	106° 39' 45"	F-48-58-A
lũng Khơ Đa	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 34"	106° 41' 07"					F-48-58-A
đồi Khôn Lùng	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 31"	106° 38' 31"					F-48-58-A
bản Khưa Đa	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 15"	106° 41' 12"					F-48-58-A
thôn Khun Chặm	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 52"	106° 38' 47"					F-48-58-A
thôn Khun Lùng	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 59"	106° 38' 12"					F-48-58-A
thôn Khun Lỳ	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 38"	106° 39' 36"					F-48-58-A
suối Khun Lỳ	TV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			21° 57' 48"	106° 39' 53"	21° 58' 17"	106° 39' 45"	F-48-58-A
núi Lủng Cáu	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 35"	106° 39' 58"					F-48-58-A
núi Lũng Chang	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 55"	106° 39' 41"					F-48-58-A
núi Lủng Lừa	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 39"	106° 39' 40"					F-48-58-A
núi Lũng Vài	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 18"	106° 41' 24"					F-48-58-A
bản Ma Mèo	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 38"	106° 40' 25"					F-48-58-A
bản Nà Chò	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	22° 00' 32"	106° 38' 05"					F-48-46-C
thôn Nà Dẩn	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 25"	106° 40' 19"					F-48-58-A
bản Nà Đeng	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 22"	106° 39' 57"					F-48-58-A
thôn Nà Kéo	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	22° 00' 51"	106° 38' 23"					F-48-46-C
suối Nà Leng	TV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			22° 00' 00"	106° 38' 25"	22° 00' 59"	106° 38' 14"	F-48-46-C
thôn Nà Lẹng	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 55"	106° 38' 43"					F-48-58-A
bản Nà Loòng	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 10"	106° 40' 28"					F-48-58-A
thôn Nà Mò	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 06"	106° 40' 19"					F-48-58-A
bản Nà Nọi	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 28"	106° 39' 09"					F-48-58-A
bản Nà Pò	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 56' 30"	106° 40' 06"					F-48-58-A
bản Nà Pục	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 11"	106° 39' 33"					F-48-58-A
bản Nà Sả	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	22° 00' 13"	106° 38' 49"					F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Tó	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 36"	106° 40' 16"					F-48-58-A
bản Nà Ún	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	22° 00' 15"	106° 38' 14"					F-48-46-C
bản Nghiều Ngọa	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 56' 48"	106° 39' 56"					F-48-58-A
suối Pá Phiêng	TV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			21° 57' 14"	106° 40' 48"	21° 57' 43"	106° 40' 38"	F-48-58-A
núi Pá Thang	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 43"	106° 40' 13"					F-48-58-A
suối Pác Kẹt	TV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			21° 59' 40"	106° 38' 10"	22° 00' 00"	106° 38' 25"	F-48-58-A
núi Pác Lính	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 56' 58"	106° 38' 34"					F-48-58-A
suối Pác Lùng	TV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			21° 58' 50"	106° 39' 56"	21° 59' 21"	106° 39' 18"	F-48-58-A
bản Pác Luống	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	22° 00' 05"	106° 38' 57"					F-48-46-C
thôn Pò Cại	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 03"	106° 39' 12"					F-48-58-A
thôn Pò Chài	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 01"	106° 40' 07"					F-48-58-A
suối Pò Chài	TV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			21° 56' 30"	106° 40' 04"	21° 58' 07"	106° 40' 14"	F-48-58-A
bản Pò Lầy	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 21"	106° 39' 43"					F-48-58-A
núi Pò Luông	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 51"	106° 40' 34"					F-48-58-A
bản Pò Phằn	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 09"	106° 39' 17"					F-48-58-A
thôn Tà Lài	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 48"	106° 40' 17"					F-48-58-A
đài tưởng niệm LS Tân Mỹ	KX	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 57"	106° 41' 41"					F-48-58-A
bản Thâm Chạng	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	22° 00' 09"	106° 37' 46"					F-48-46-C
lũng Tì Bản	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 22"	106° 40' 12"					F-48-58-A
núi Toong Chinh	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	22° 00' 37"	106° 39' 19"					F-48-46-C
đồi Vằng Kéng	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 53"	106° 39' 19"					F-48-58-A
suối Khuôn Khẻ	TV	xã Tân Tác	H. Văn Lãng			22° 04' 31"	106° 31' 11"	22° 04' 48"	106° 31' 54"	F-48-46-C
thôn Bản Cấn	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 04' 25"	106° 33' 18"					F-48-46-C
suối Bản Cấn	TV	xã Tân Tác	H. Văn Lãng			22° 04' 20"	106° 32' 57"	22° 03' 57"	106° 33' 37"	F-48-46-C
thôn Bản Đang	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 04' 49"	106° 31' 53"					F-48-46-C
thôn Bản Gioòng	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 04' 48"	106° 33' 41"					F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Bản Giooòng	TV	xã Tân Tác	H. Văn Lãng			22° 05' 03"	106° 33' 24"	22° 04' 01"	106° 33' 58"	F-48-46-C
suối Bản Sao	TV	xã Tân Tác	H. Văn Lãng			22° 03' 41"	106° 33' 14"	22° 03' 57"	106° 33' 37"	F-48-46-C
núi Cáy Thứn	SV	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 05' 57"	106° 31' 42"					F-48-46-C
bản Giả Đa	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 04' 25"	106° 33' 34"					F-48-46-C
núi Hang Mạy Sao	SV	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 03' 56"	106° 31' 00"					F-48-46-C
bản Kéo Phải	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 04' 56"	106° 33' 10"					F-48-46-C
núi Khuổi Xá	SV	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 03' 40"	106° 33' 28"					F-48-46-C
bản Khuôn Dương	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 03' 50"	106° 32' 03"					F-48-46-C
bản Khuôn Sâu	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 05' 30"	106° 33' 21"					F-48-46-C
suối Khuôn Su	TV	xã Tân Tác	H. Văn Lãng			22° 05' 58"	106° 32' 19"	22° 04' 24"	106° 32' 38"	F-48-46-C
thôn Nà Luông	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 03' 51"	106° 34' 02"					F-48-46-C
thôn Nà Mần	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 05' 21"	106° 32' 20"					F-48-46-C
bản Nà Quật	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 04' 26"	106° 32' 49"					F-48-46-C
thôn Nà Slảng	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 05' 58"	106° 32' 38"					F-48-46-C
bản Pác Sao	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 04' 04"	106° 33' 60"					F-48-46-C
suối Pác Sao	TV	xã Tân Tác	H. Văn Lãng			22° 03' 38"	106° 31' 14"	22° 03' 44"	106° 32' 05"	F-48-46-C
bản Phạ	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 03' 22"	106° 33' 37"					F-48-46-C
bản Tăm	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 13' 17"	106° 32' 20"					F-48-46-C
thôn Bản Đuốc	DC	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 01' 46"	106° 39' 30"					F-48-46-C
suối Bản Đuốc	TV	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng			22° 02' 03"	106° 40' 00"	22° 01' 46"	106° 39' 07"	F-48-46-C
thôn Bản Thẩu	DC	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 00' 40"	106° 39' 52"					F-48-46-C
lũng Cầu Tập	SV	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	21° 59' 59"	106° 40' 33"					F-48-58-A
núi Chắp Chíu	SV	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 00' 45"	106° 37' 46"					F-48-46-C
núi Dình Pùn	SV	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 01' 28"	106° 42' 17"					F-48-46-C
suối Đăng Puông	TV	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng			22° 01' 52"	106° 40' 06"	22° 01' 18"	106° 39' 15"	F-48-46-C
núi Khau Khú	SV	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 02' 45"	106° 39' 36"					F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đồi Khàu Ngầu	SV	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 03' 17"	106° 41' 43"					F-48-46-C
đồi Khau Phước	SV	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 01' 50"	106° 42' 20"					F-48-46-C
khuổi Lầy	TV	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng			22° 02' 20"	106° 38' 56"	22° 01' 37"	106° 38' 52"	F-48-46-C
suối Nà Cuổi	TV	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng			22° 02' 41"	106° 39' 53"	22° 01' 46"	106° 39' 07"	F-48-46-C
thôn Nà Han	DC	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 01' 12"	106° 40' 51"					F-48-46-C
thôn Nà Lầu	DC	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 00' 33"	106° 40' 40"					F-48-46-C
suối Nà Ngòa	TV	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng			22° 01' 35"	106° 41' 00"	22° 01' 18"	106° 39' 15"	F-48-46-C
thôn Nà Tồng	DC	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 01' 19"	106° 40' 11"					F-48-46-C
núi Phia Cằn Séc	SV	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 00' 23"	106° 41' 05"					F-48-46-C
cửa khẩu Tân Thanh	KX	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 00' 14"	106° 40' 51"					F-48-46-C
Khu KT Tân Thanh	KX	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 00' 20"	106° 40' 33"					F-48-46-C
khuổi Cạu	TV	xã Tân Việt	H. Văn Lãng			22° 09' 24"	106° 33' 48"	22° 09' 36"	106° 33' 17"	F-48-46-C
quốc lộ 4A	KX	xã Tân Việt	H. Văn Lãng			22° 10' 25"	106° 32' 23"	22° 07' 57"	106° 34' 53"	F-48-46-C
thôn Bản Quan	DC	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 09' 57"	106° 32' 28"					F-48-46-C
cầu Bản Quan	KX	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 09' 31"	106° 33' 01"					F-48-46-C
thôn Bó Mịn	DC	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 08' 51"	106° 34' 50"					F-48-46-C
khuổi Chàng	TV	xã Tân Việt	H. Văn Lãng			22° 08' 15"	106° 32' 23"	22° 09' 15"	106° 33' 01"	F-48-46-C
thôn Khòn Búm	DC	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 09' 24"	106° 33' 58"					F-48-46-C
sông Kỳ Cùng	TV	xã Tân Việt	H. Văn Lãng			22° 07' 42"	106° 33' 54"	22° 10' 25"	106° 32' 19"	F-48-46-C
khau Lếch	SV	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 10' 20"	106° 33' 12"					F-48-46-C
thôn Nà Cạn	DC	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 09' 24"	106° 33' 06"					F-48-46-C
cầu Nà Cạn	KX	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 09' 38"	106° 32' 52"					F-48-46-C
thôn Nà Là	DC	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 07' 60"	106° 33' 47"					F-48-46-C
thôn Nà Lẹng	DC	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 08' 49"	106° 33' 16"					F-48-46-C
bản Nà Pia (Nà Pjia)	DC	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 08' 22"	106° 34' 57"					F-48-46-C
bản Nà Tèo	DC	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 08' 32"	106° 34' 12"					F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Pá Bây	TV	xã Tân Việt	H. Văn Lãng			22° 08' 38"	106° 35' 23"	22° 08' 17"	106° 34' 08"	F-48-46-C
thôn Pá My	DC	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 07' 47"	106° 33' 36"					F-48-46-C
suối Phai Ne	TV	xã Tân Việt	H. Văn Lãng			22° 08' 52"	106° 32' 17"	22° 09' 49"	106° 32' 42"	F-48-46-C
đường tỉnh 232	KX	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng			22° 02' 08"	106° 34' 44"	22° 00' 35"	106° 34' 36"	F-48-46-C
thôn Bản Đon	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 02' 25"	106° 33' 15"					F-48-46-C
thôn Bản Mìn	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 02' 28"	106° 33' 47"					F-48-46-C
suối Bản Nam	TV	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng			22° 00' 04"	106° 32' 56"	22° 00' 58"	106° 35' 02"	F-48-46-C
thôn Cốc Pàu	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 03' 24"	106° 33' 02"					F-48-46-C
núi Đông Slấn	SV	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 02' 60"	106° 34' 46"					F-48-46-C
đèo Hang Phạ	SV	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 03' 10"	106° 33' 31"					F-48-46-C
suối Kéo An	TV	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng			22° 01' 32"	106° 34' 04"	22° 03' 06"	106° 34' 32"	F-48-46-C
đèo Khoang Tồng	SV	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 02' 13"	106° 34' 25"					F-48-46-C
thôn Khun Bủng	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 01' 26"	106° 33' 46"					F-48-46-C
suối Khuôn Bủng	TV	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng			22° 01' 33"	106° 33' 51"	22° 00' 23"	106° 33' 37"	F-48-46-C
sông Kỳ Cùng	TV	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng			22° 00' 58"	106° 35' 02"	22° 02' 27"	106° 35' 59"	F-48-46-C
bản Nà Mèng	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 02' 38"	106° 32' 27"					F-48-46-C
thôn Nặm Tấu	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 02' 58"	106° 34' 27"					F-48-46-C
cầu Nặm Tấu	KX	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 03' 08"	106° 34' 33"					F-48-46-C
thôn Pác Ca	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 01' 45"	106° 35' 33"					F-48-46-C
núi Phia Sli	SV	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 01' 11"	106° 34' 19"					F-48-46-C
bản Pò Cuổi	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 00' 26"	106° 33' 38"					F-48-46-C
suối Tà Phảng	TV	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng			22° 01' 30"	106° 32' 29"	22° 03' 06"	106° 34' 32"	F-48-46-C
thôn Tả Phang	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 01' 49"	106° 33' 03"					F-48-46-C
thôn Tình Bó	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 02' 58"	106° 32' 18"					F-48-46-C
thôn Bản Cáu	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 04' 59"	106° 41' 31"					F-48-46-C
bản Bản Tát	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 06' 15"	106° 39' 59"					F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Còn Phia	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 17"	106° 41' 47"					F-48-46-C
bản Còn Slung	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 03' 55"	106° 40' 06"					F-48-46-C
thôn Đâng Van	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 04' 56"	106° 39' 41"					F-48-46-C
thôn Đon Trang	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 13"	106° 41' 15"					F-48-46-C
thôn Khau Khú	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 03' 44"	106° 40' 01"					F-48-46-C
núi Khôn Nâm	SV	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 06' 28"	106° 39' 45"					F-48-46-C
suối Khuổi Chạt	TV	xã Thanh Long	H. Văn Lãng			22° 04' 01"	106° 38' 41"	22° 04' 28"	106° 39' 35"	F-48-46-C
núi Lũng Luông	SV	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 43"	106° 41' 31"					F-48-46-C
bản Mầm Mèng	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 03' 35"	106° 41' 03"					F-48-46-C
thôn Nà Cà	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 03' 56"	106° 38' 51"					F-48-46-C
thôn Nà Han	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 04' 57"	106° 40' 02"					F-48-46-C
thôn Nà Liền	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 04' 28"	106° 38' 52"					F-48-46-C
thôn Nà Phân	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 04' 22"	106° 41' 08"					F-48-46-C
bản Nà Phường	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 36"	106° 42' 04"					F-48-46-C
bản Nà Po	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 13"	106° 39' 57"					F-48-46-C
đập Nà Sường	KX	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 18"	106° 40' 54"					F-48-46-C
cầu Nà Va	KX	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 20"	106° 40' 02"					F-48-46-C
thôn Nà Vạc	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 03' 25"	106° 40' 53"					F-48-46-C
bản Nà Xỏm	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 04' 33"	106° 38' 55"					F-48-46-C
suối Nặm Niếng	TV	xã Thanh Long	H. Văn Lãng			22° 02' 50"	106° 40' 42"	22° 04' 50"	106° 41' 20"	F-48-46-C
thôn Pá Chí	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 53"	106° 41' 57"					F-48-46-C
thôn Pác Cú	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 32"	106° 40' 40"					F-48-46-C
thôn Pàn Phước	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 04' 37"	106° 41' 15"					F-48-46-C
thôn Pó Bửn	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 37"	106° 41' 50"					F-48-46-C
núi Pò Ngầm	SV	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 01"	106° 42' 06"					F-48-46-C
núi Pò Soong	SV	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 04' 53"	106° 40' 35"					F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Slam Kha	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 04' 17"	106° 38' 57"					F-48-46-C
thôn Tẳng Cạo	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 35"	106° 39' 27"					F-48-46-C
thôn Bản Pịa	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 14"	106° 37' 07"					F-48-46-C
thôn Bản Tả	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 15"	106° 40' 05"					F-48-46-C
suối Bản Tát	TV	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng			22° 06' 26"	106° 40' 08"	22° 07' 01"	106° 39' 56"	F-48-46-C
bản Co Luồng	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 08' 07"	106° 40' 07"					F-48-46-C
núi Cốc Lăng	SV	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 28"	106° 37' 12"					F-48-46-C
thôn Còn Ngòa	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 16"	106° 40' 52"					F-48-46-C
suối Khuổi Sáng	TV	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng			22° 08' 10"	106° 40' 49"	22° 08' 22"	106° 40' 30"	F-48-46-C
thôn Khuổi Thâm	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 00"	106° 37' 44"					F-48-46-C
bản Nà Chanh	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 16"	106° 38' 19"					F-48-46-C
thôn Na Hình	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 08' 07"	106° 41' 10"					F-48-46-C
thôn Nà Luông	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 06' 44"	106° 41' 07"					F-48-46-C
suối Nà Luông	TV	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng			22° 06' 10"	106° 40' 27"	22° 08' 10"	106° 40' 49"	F-48-46-C
thôn Nà Mới	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 06' 30"	106° 37' 29"					F-48-46-C
thôn Nà So	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 06' 24"	106° 40' 59"					F-48-46-C
đập Nà Van	TV	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 06' 20"	106° 40' 43"					F-48-46-C
suối Pá Cáy	TV	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng			22° 07' 43"	106° 39' 13"	22° 07' 38"	106° 39' 30"	F-48-46-C
thôn Pác Cáy	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 35"	106° 39' 29"					F-48-46-C
suối Pác Chanh	TV	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng			22° 06' 28"	106° 38' 35"	22° 07' 17"	106° 39' 00"	F-48-46-C
bản Pò Mu	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 49"	106° 40' 60"					F-48-46-C
thôn Pò Pheo	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 24"	106° 38' 36"					F-48-46-C
suối Thâm Pàng	TV	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng			22° 06' 12"	106° 37' 08"	22° 07' 18"	106° 38' 27"	F-48-46-C
thôn Thâm Pằng	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 15"	106° 37' 28"					F-48-46-C
thôn Thâm Slầm	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 34"	106° 39' 08"					F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh 229	KX	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng			22° 07' 40"	106° 35' 45"	22° 09' 58"	106° 36' 53"	F-48-46-C
thôn Bản Cháu	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 08' 24"	106° 36' 38"					F-48-46-C
suối Bản Manh	TV	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng			22° 09' 05"	106° 39' 10"	22° 10' 09"	106° 39' 37"	F-48-46-C
thôn Bản Pẻn	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 09' 32"	106° 37' 10"					F-48-46-C
bản Đông Báu	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 10' 08"	106° 39' 34"					F-48-46-C
bản Đông Slấn	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 08' 20"	106° 37' 51"					F-48-46-C
thôn Khuổi Chang	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 09' 25"	106° 37' 28"					F-48-46-C
suối Khuôi Sáng	TV	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng			22° 08' 22"	106° 40' 30"	22° 09' 54"	106° 40' 12"	F-48-46-C
khau Luông	SV	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 09' 15"	106° 41' 09"					F-48-46-C
bản Manh Nưa	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 08' 54"	106° 38' 25"					F-48-46-C
bản Manh Tẩu Ư (Manh Tẩu)	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 09' 00"	106° 38' 42"					F-48-46-C
bản Nà Lẹng	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 09' 18"	106° 38' 46"					F-48-46-C
bản Nà Sla	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 09' 51"	106° 37' 12"					F-48-46-C
bản Nà Tồng	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 09' 46"	106° 40' 14"					F-48-46-C
thôn Pá Tặp	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 07' 42"	106° 35' 51"					F-48-46-C
núi Pò Cuốc	SV	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 08' 40"	106° 39' 24"					F-48-46-C
thôn Pò Hà	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 07' 58"	106° 36' 41"					F-48-46-C
bản Pò Lo	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 09' 07"	106° 40' 27"					F-48-46-C
bản Pò Mặt	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 08' 35"	106° 40' 22"					F-48-46-C
quốc lộ 4A	KX	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng			22° 07' 57"	106° 34' 53"	22° 05' 19"	106° 35' 21"	F-48-46-C
thôn Bản Gioong	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 06' 38"	106° 34' 10"					F-48-46-C
thôn Bản Vạc	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 07' 05"	106° 35' 34"					F-48-46-C
cầu Bó Củng	KX	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 05' 19"	106° 35' 21"					F-48-46-C
đèo Kéo Pia	SV	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 07' 12"	106° 36' 44"					F-48-46-C
khuổi Khẻ	TV	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng			22° 05' 59"	106° 36' 24"	22° 05' 50"	106° 35' 58"	F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Khòn Sâu	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 05' 28"	106° 34' 24"					F-48-46-C
bản Khun Cùng	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 05' 15"	106° 34' 58"					F-48-46-C
thôn Khun Gioong	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 06' 55"	106° 33' 22"					F-48-46-C
sông Kỳ Cùng	TV	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng			22° 05' 10"	106° 35' 09"	22° 07' 40"	106° 33' 54"	F-48-46-C
thôn Liệt Đâu Ư (Liệt Đâư)	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 06' 07"	106° 35' 16"					F-48-46-C
thôn Liệt Nooc	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 05' 55"	106° 35' 18"					F-48-46-C
suối Lọ Lải	TV	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng			22° 06' 24"	106° 36' 47"	22° 06' 21"	106° 35' 24"	F-48-46-C
thôn Lũng Thuống	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 06' 57"	106° 34' 58"					F-48-46-C
thôn Lũng Vài	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 07' 42"	106° 35' 24"					F-48-46-C
hồ Lũng Vài	TV	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 07' 49"	106° 35' 23"					F-48-46-C
núi Mè Măng	SV	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 07' 27"	106° 36' 50"					F-48-46-C
núi Mỏ Toòng	SV	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 07' 44"	106° 32' 21"					F-48-46-C
thôn Nà Chi	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 07' 20"	106° 34' 02"					F-48-46-C
thôn Nà Chồng	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 06' 00"	106° 34' 38"					F-48-46-C
suối Nà Liệt	TV	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng			22° 07' 11"	106° 36' 25"	22° 06' 21"	106° 35' 24"	F-48-46-C
thôn Nà Lừa	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 06' 58"	106° 32' 38"					F-48-46-C
suối Nà Lừa	TV	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng			22° 07' 15"	106° 32' 37"	22° 06' 54"	106° 34' 00"	F-48-46-C
thôn Nà Mèng	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 07' 06"	106° 34' 11"					F-48-46-C
thôn Nà Phai	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 05' 33"	106° 34' 59"					F-48-46-C
thôn Pá Danh	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 06' 25"	106° 34' 22"					F-48-46-C
thôn Pàn Khinh	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 05' 49"	106° 34' 26"					F-48-46-C
thôn Phai Poóng	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 07' 51"	106° 34' 50"					F-48-46-C
thôn Tổng Kịt	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 06' 28"	106° 34' 35"					F-48-46-C
quốc lộ 1B	KX	TT. Văn Quan	H. Văn Quan			21° 51' 08"	106° 30' 42"	21° 52' 44"	106° 33' 12"	F-48-58-A-c
sông Bó Pia (Bó Pya)	TV	TT. Văn Quan	H. Văn Quan			21° 51' 10"	106° 30' 42"	21° 52' 45"	106° 33' 12"	F-48-58-A-c
sông Bó Xuất	TV	TT. Văn Quan	H. Văn Quan			21° 51' 20"	106° 31' 39"	21° 51' 52"	106° 32' 01"	F-48-58-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Đức Hinh	KX	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 51' 46"	106° 32' 01"					F-48-58-A-c
phố Đức Hinh 1	DC	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 51' 59"	106° 31' 41"					F-48-58-A-c
phố Đức Hinh 2	DC	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 51' 46"	106° 31' 49"					F-48-58-A-c
phố Đức Tâm 1	DC	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 51' 48"	106° 32' 07"					F-48-58-A-c
phố Đức Thịnh	DC	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 51' 24"	106° 31' 51"					F-48-58-A-c
bản Khun Tát	DC	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 52' 37"	106° 32' 58"					F-48-58-A-a
sông Lù Lộc	TV	TT. Văn Quan	H. Văn Quan			21° 52' 07"	106° 30' 30"	21° 51' 53"	106° 30' 57"	F-48-58-A-c
núi Pò Lsung	SV	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 52' 17"	106° 31' 32"					F-48-58-A-c
phố Tân An	DC	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 51' 52"	106° 32' 28"					F-48-58-A-c
phố Tân Long	DC	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 51' 38"	106° 30' 59"					F-48-58-A-c
phố Tân Minh	DC	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 52' 20"	106° 32' 40"					F-48-58-A-c
phố Tân Thanh 1	DC	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 51' 54"	106° 31' 10"					F-48-58-A-c
phố Tân Thanh 2	DC	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 52' 05"	106° 31' 19"					F-48-58-A-c
phố Tân Xuân	DC	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 51' 45"	106° 31' 10"					F-48-58-A-c
thôn Bản Sầm	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 49' 10"	106° 31' 56"					F-48-58-A-c
cầu Bản Sầm	KX	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 48' 51"	106° 31' 46"					F-48-58-A-c
núi Chá Căng	SV	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 49' 16"	106° 31' 04"					F-48-58-A-c
bản Cốc Lọ	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 33"	106° 31' 31"					F-48-58-A-c
bản Còn Mon	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 23"	106° 31' 51"					F-48-58-A-c
bản Đông Bẻng	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 07"	106° 31' 16"					F-48-58-A-c
bản Khòn Khoang	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 04"	106° 31' 37"					F-48-58-A-c
bản Khòn Làng	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 50"	106° 31' 24"					F-48-58-A-c
thôn Khòn Mới	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 06"	106° 31' 50"					F-48-58-A-c
thôn Khòn Nhừ	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 45"	106° 31' 07"					F-48-58-A-c
bản Khum Nặm	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 26"	106° 31' 29"					F-48-58-A-c
bản Lù Hút	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 32"	106° 31' 02"					F-48-58-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Lũng Lặng	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 40"	106° 30' 25"					F-48-58-A-c
thôn Lũng Thước	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 48"	106° 30' 28"					F-48-58-A-c
suối Mơ	TV	xã Bình Phúc	H. Văn Quan			21° 46' 37"	106° 31' 19"	21° 49' 26"	106° 31' 41"	F-48-58-A-c
bản Nà Chè	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 40"	106° 31' 53"					F-48-58-A-c
thôn Nà Dài	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 28"	106° 32' 04"					F-48-58-A-c
thôn Nà Hấy	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 54"	106° 32' 11"					F-48-58-A-c
bản Nà Lèo	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 32"	106° 31' 17"					F-48-58-A-c
bản Nà Lò	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 48' 11"	106° 31' 42"					F-48-58-A-c
thôn Pắc Cắm	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 48' 20"	106° 31' 43"					F-48-58-A-c
đường tỉnh 239	KX	xã Chu Túc	H. Văn Quan			21° 52' 39"	106° 35' 53"	21° 49' 47"	106° 35' 49"	F-48-58-A-c
thôn bản Nooc	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 52' 09"	106° 36' 52"					F-48-58-A-c
núi Cốc Ngòa	SV	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 51' 26"	106° 37' 38"					F-48-58-A-d
bản Cốc Phát	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 52' 14"	106° 36' 03"					F-48-58-A-c
sông Cốc Phát	TV	xã Chu Túc	H. Văn Quan			21° 52' 20"	106° 35' 49"	21° 50' 53"	106° 36' 08"	F-48-58-A-c
thôn Cốc Phường	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 51' 49"	106° 36' 02"					F-48-58-A-c
bản Cốc Pục	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 51' 29"	106° 37' 33"					F-48-58-A-d
thôn Đoỏng Đeng	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 50' 25"	106° 35' 49"					F-48-58-A-c
khuổi Mương	TV	xã Chu Túc	H. Văn Quan			21° 51' 27"	106° 37' 24"	21° 51' 29"	106° 36' 46"	F-48-58-A-c
thôn Nà Chỏn	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 50' 55"	106° 36' 23"					F-48-58-A-c
bản Nà Choóc	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 51' 13"	106° 37' 15"					F-48-58-A-c
thôn Nà Pài	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 52' 35"	106° 35' 56"					F-48-58-A-a
thôn Nà Tèn	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 51' 43"	106° 36' 17"					F-48-58-A-c
thôn Nà Thòa	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 50' 41"	106° 36' 00"					F-48-58-A-c
núi Phai Ngạn	SV	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 51' 55"	106° 38' 01"					F-48-58-A-d
suối Phai Pản	TV	xã Chu Túc	H. Văn Quan			21° 52' 41"	106° 36' 46"	21° 51' 52"	106° 36' 44"	F-48-58-A-c
thôn Phai Xả	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 52' 24"	106° 36' 53"					F-48-58-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 1B	KX	xã Đại An	H. Văn Quan			21° 53' 01"	106° 34' 12"	21° 52' 45"	106° 34' 43"	F-48-58-A-a
thôn Bình Đăng B	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 51' 55"	106° 33' 49"					F-48-58-A-c
thôn Còn Mìn	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 51' 02"	106° 34' 25"					F-48-58-A-c
núi Đông Đăm	SV	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 52' 43"	106° 33' 50"					F-48-58-A-a
núi Đông Dưới	SV	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 51' 59"	106° 33' 12"					F-48-58-A-c
thôn Ích Hữu	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 50' 52"	106° 33' 29"					F-48-58-A-c
bản Khòn Nưa	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 50' 21"	106° 35' 13"					F-48-58-A-c
núi Lũng Ngần	SV	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 51' 15"	106° 32' 54"					F-48-58-A-c
bản Lùng Pa	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 52' 59"	106° 34' 24"					F-48-58-A-a
bản Nà Áng	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 51' 27"	106° 33' 40"					F-48-58-A-c
khau Ngọ	SV	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 51' 32"	106° 34' 56"					F-48-58-A-c
thôn Pá Tuồng	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 52' 20"	106° 34' 04"					F-48-58-A-c
thôn Pác Lùng	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 52' 09"	106° 34' 39"					F-48-58-A-c
bản Pò Điểm	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 50' 58"	106° 35' 02"					F-48-58-A-c
núi Xa Khao	SV	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 52' 15"	106° 35' 12"					F-48-58-A-c
núi Xa Mật	SV	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 51' 51"	106° 35' 05"					F-48-58-A-c
thôn Xuân Quang	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 50' 21"	106° 35' 00"					F-48-58-A-c
thôn Bắc Nam	DC	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 51' 44"	106° 41' 23"					F-48-58-A-d
thôn Bản Chạp	DC	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 51' 35"	106° 40' 14"					F-48-58-A-d
thôn Cốc Sáng	DC	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 50' 42"	106° 41' 11"					F-48-58-A-d
núi Khau Puồng	SV	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 50' 19"	106° 42' 34"					F-48-58-A-d
thôn Khuổi Nọi	DC	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 51' 29"	106° 42' 03"					F-48-58-A-d
núi Khuổi Phin	SV	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 51' 08"	106° 42' 33"					F-48-58-A-d
sông Kỳ Cùng	TV	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan			21° 52' 15"	106° 42' 00"	21° 52' 14"	106° 40' 14"	F-48-58-A-d
thôn Lùng Cúng	DC	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 50' 53"	106° 42' 29"					F-48-58-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Nà Bản	TV	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan			21° 50' 16"	106° 41' 18"	21° 51' 46"	106° 41' 37"	F-48-58-A-d
thôn Nà Bản	DC	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 50' 54"	106° 41' 28"					F-48-58-A-d
thôn Nà Dảo	DC	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 51' 02"	106° 40' 28"					F-48-58-A-d
thôn Pá Tuồng	DC	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 51' 05"	106° 40' 15"					F-48-58-A-d
thôn Phai Lừa	DC	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 50' 48"	106° 39' 31"					F-48-58-A-d
núi Boong Luông	SV	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 52' 46"	106° 30' 30"					F-48-58-A-a
thôn Còn Hẩu	DC	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 53' 34"	106° 31' 53"					F-48-58-A-a
bản Hạ Hao	DC	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 53' 20"	106° 30' 45"					F-48-58-A-a
thôn Hà Quảng	DC	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 53' 58"	106° 32' 43"					F-48-58-A-a
núi Kéo Đông	SV	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 53' 55"	106° 30' 36"					F-48-58-A-a
thôn Lùng Rằng	DC	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 54' 58"	106° 32' 16"					F-48-58-A-a
núi Nà Bon	SV	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 55' 17"	106° 32' 13"					F-48-58-A-a
thôn Nà Văng	DC	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 54' 33"	106° 31' 06"					F-48-58-A-a
suối Pá Náp	TV	xã Hòa Bình	H. Văn Quan			21° 54' 02"	106° 30' 14"	21° 52' 43"	106° 31' 12"	F-48-58-A-a
núi SLẩu Lường	SV	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 54' 29"	106° 30' 31"					F-48-58-A-a
bản Thượng Hao	DC	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 54' 41"	106° 29' 51"					F-48-57-B-b
thôn Trung Thượng	DC	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 54' 06"	106° 30' 23"					F-48-58-A-a
suối Trung Thượng	TV	xã Hòa Bình	H. Văn Quan			21° 55' 04"	106° 30' 23"	21° 54' 02"	106° 30' 14"	F-48-58-A-a
núi Ăng Ngoặn	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 43' 58"	106° 26' 25"					F-48-57-D-b
thôn Bản Chặng	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 44' 52"	106° 26' 01"					F-48-57-D-b
thôn Bản Rượi	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 44' 48"	106° 25' 21"					F-48-57-D-b
thôn Bản Xó	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 43' 54"	106° 25' 30"					F-48-57-D-b
núi Bó Bang	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 43' 53"	106° 24' 02"					F-48-57-D-b
bản Bó Duốc	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 43' 52"	106° 25' 08"					F-48-57-D-b
đèo Cáng	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 43' 17"	106° 23' 15"					F-48-57-D-b
bản Cốc Trò	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 44' 00"	106° 25' 24"					F-48-57-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đon Chợ	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 44' 37"	106° 24' 39"					F-48-57-D-b
đèo Hản	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 43' 40"	106° 26' 12"					F-48-57-D-b
núi Hin Ngằn	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 42' 55"	106° 25' 06"					F-48-57-D-b
đèo Kéo Hin	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 45' 23"	106° 26' 52"					F-48-57-B-d
bản Khòn Hù	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 44' 00"	106° 25' 52"					F-48-57-D-b
núi Khuôn Chiếng	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 44' 15"	106° 24' 54"					F-48-57-D-b
bản Lân Bó	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 41' 39"	106° 25' 57"					F-48-57-D-b
núi Lùng Luông	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 44' 15"	106° 25' 34"					F-48-57-D-b
núi Lũng Văn	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 42' 57"	106° 25' 57"					F-48-57-D-b
thôn Nà Ne	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 45' 30"	106° 25' 29"					F-48-57-B-d
núi Nà Nhum	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 45' 21"	106° 26' 30"					F-48-57-B-d
đèo Nghiến	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 42' 38"	106° 26' 20"					F-48-57-D-b
núi Pá Nứa	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 44' 14"	106° 26' 27"					F-48-57-D-b
bản Pá Ta	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 43' 46"	106° 25' 43"					F-48-57-D-b
núi Pá Ta	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 43' 26"	106° 25' 38"					F-48-57-D-b
núi Phiêng Vầy	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 44' 50"	106° 26' 36"					F-48-57-D-b
bản Tấn Nùng	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 42' 14"	106° 27' 26"					F-48-57-D-b
quốc lộ 1B	KX	xã Khánh Khê	H. Văn Quan			21° 52' 58"	106° 37' 30"	21° 52' 43"	106° 39' 18"	F-48-58-A
thôn Bản Khính	DC	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 39"	106° 39' 13"					F-48-58-A
bản Chất Ngụt	DC	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 06"	106° 39' 07"					F-48-58-A-d
thôn Cốc Ca	DC	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 25"	106° 39' 18"					F-48-58-A-d
thôn Còn Khiển	DC	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 44"	106° 37' 46"					F-48-58-A
thôn Đồng Chuông	DC	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 39"	106° 37' 55"					F-48-58-A
cầu Khánh Khê	KX	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 52"	106° 39' 10"					F-48-58-A
bản Khung Phya	DC	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 48"	106° 38' 24"					F-48-58-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Khuổi Rượi	DC	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 51' 44"	106° 39' 07"					F-48-58-A-d
suối Khuôn Pán	TV	xã Khánh Khê	H. Văn Quan			21° 51' 45"	106° 38' 31"	21° 52' 49"	106° 38' 43"	F-48-58-A
sông Kỳ Cùng	TV	xã Khánh Khê	H. Văn Quan			21° 52' 13"	106° 40' 14"	21° 53' 03"	106° 37' 27"	F-48-58-A
suối Lọ Vạt	TV	xã Khánh Khê	H. Văn Quan			21° 52' 05"	106° 37' 33"	21° 52' 57"	106° 37' 48"	F-48-58-A
thôn Nà Khau	DC	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 33"	106° 38' 43"					F-48-58-A
thôn Nà Lốc	DC	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 48"	106° 38' 09"					F-48-58-A
đập Thủy Luân	KX	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 43"	106° 39' 18"					F-48-58-A
quốc lộ 1B	KX	xã Lương Năng	H. Văn Quan			21° 52' 17"	106° 26' 13"	21° 50' 05"	106° 28' 09"	F-48-57-B-d
thôn Bản Chầu	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 49' 20"	106° 26' 44"					F-48-57-B-d
suối Bản Chầu	TV	xã Lương Năng	H. Văn Quan			21° 49' 33"	106° 26' 43"	21° 50' 10"	106° 27' 50"	F-48-57-B-d
thôn Bản Đú	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 52' 05"	106° 26' 14"					F-48-57-B-d
thôn Bản Kình	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 50' 27"	106° 25' 30"					F-48-57-B-d
bản Bản Sơ Han (Bản Shan)	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 50' 37"	106° 26' 44"					F-48-57-B-d
suối Bản Sơ Han (Bản Shan)	TV	xã Lương Năng	H. Văn Quan			21° 49' 42"	106° 25' 47"	21° 50' 40"	106° 26' 59"	F-48-57-B-d
thôn Bản Téng	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 51' 15"	106° 26' 55"					F-48-57-B-d
núi Khuôn Da	SV	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 50' 20"	106° 27' 22"					F-48-57-B-d
bản Lùng Còn	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 51' 38"	106° 26' 13"					F-48-57-B-d
núi Lũng Lì	SV	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 51' 24"	106° 25' 13"					F-48-57-B-d
núi Lùng Toòng	SV	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 50' 08"	106° 25' 39"					F-48-57-B-d
sông Lương Năng	TV	xã Lương Năng	H. Văn Quan			21° 50' 40"	106° 26' 59"	21° 50' 04"	106° 28' 09"	F-48-57-B-d
thôn Nà Lượt	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 50' 02"	106° 25' 49"					F-48-57-B-d
bản Nà Mè	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 50' 23"	106° 27' 41"					F-48-57-B-d
thôn Nà Thang	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 50' 48"	106° 26' 59"					F-48-57-B-d
núi Nàng Sơ Hiên (Nàng Shiên)	SV	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 51' 12"	106° 26' 31"					F-48-57-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Pá Hà	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 48' 37"	106° 25' 20"					F-48-57-B-d
núi Pá Hà	SV	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 48' 53"	106° 24' 35"					F-48-57-B-d
suối Pá Hà	TV	xã Lương Năng	H. Văn Quan			21° 48' 25"	106° 24' 50"	21° 50' 03"	106° 25' 42"	F-48-57-B-d
bản Phai Quan	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 51' 45"	106° 26' 56"					F-48-57-B-d
núi Pò Nà Sạng	SV	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 52' 07"	106° 26' 58"					F-48-57-B-d
bản Soong Bai	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 50' 42"	106° 27' 23"					F-48-57-B-d
bản Tùng Dày	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 49' 01"	106° 25' 23"					F-48-57-B-d
thôn Bản Nhang	DC	xã Phú Mỹ	H. Văn Quan	21° 57' 18"	106° 30' 24"					F-48-58-A-a
thôn Giang Nưa	DC	xã Phú Mỹ	H. Văn Quan	21° 57' 49"	106° 30' 35"					F-48-58-A-a
thôn Giang Tẩu Ư (Giang Tâư)	DC	xã Phú Mỹ	H. Văn Quan	21° 57' 26"	106° 30' 05"					F-48-58-A-a
núi Khôn Nọc	SV	xã Phú Mỹ	H. Văn Quan	21° 58' 19"	106° 30' 15"					F-48-58-A-a
bản Khuôn Sá	DC	xã Phú Mỹ	H. Văn Quan	21° 57' 54"	106° 32' 24"					F-48-58-A-a
núi Nà Luông	SV	xã Phú Mỹ	H. Văn Quan	21° 57' 53"	106° 31' 43"					F-48-58-A-a
suối Phai Slảo	TV	xã Phú Mỹ	H. Văn Quan			21° 57' 55"	106° 32' 05"	21° 58' 22"	106° 32' 31"	F-48-58-A-a
bản Tăm Đông	DC	xã Phú Mỹ	H. Văn Quan	21° 57' 05"	106° 31' 34"					F-48-58-A-a
bản Tăm Tẩu Ư (Tăm Tẩư)	DC	xã Phú Mỹ	H. Văn Quan	21° 58' 15"	106° 32' 14"					F-48-58-A-a
thôn An Mạ	DC	xã Song Giang	H. Văn Quan	21° 55' 13"	106° 34' 41"					F-48-58-A-a
thôn Bản Đin	DC	xã Song Giang	H. Văn Quan	21° 56' 04"	106° 35' 45"					F-48-58-A-a
thôn Bản Thẳm	DC	xã Song Giang	H. Văn Quan	21° 57' 23"	106° 35' 52"					F-48-58-A-a
núi Khum Quốc	SV	xã Song Giang	H. Văn Quan	21° 55' 33"	106° 35' 01"					F-48-58-A-a
thôn Khun Pàu	DC	xã Song Giang	H. Văn Quan	21° 56' 03"	106° 35' 11"					F-48-58-A-a
sông Kỳ Cùng	TV	xã Song Giang	H. Văn Quan			21° 54' 30"	106° 35' 44"	21° 58' 16"	106° 36' 06"	F-48-58-A-a
núi Lùng Riềng	SV	xã Song Giang	H. Văn Quan	21° 55' 41"	106° 34' 33"					F-48-58-A-a
sông Mô Pia	TV	xã Song Giang	H. Văn Quan			21° 55' 12"	106° 34' 39"	21° 55' 40"	106° 36' 00"	F-48-58-A-a
thôn Nà Lọ	DC	xã Song Giang	H. Văn Quan	21° 55' 06"	106° 35' 49"					F-48-58-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Lược	DC	xã Song Giang	H. Văn Quan	21° 58' 03"	106° 36' 19"					F-48-58-A-a
thôn Pác Làng	DC	xã Song Giang	H. Văn Quan	21° 55' 34"	106° 35' 55"					F-48-58-A-a
đường tỉnh 239	KX	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan			21° 49' 46"	106° 35' 49"	21° 47' 48"	106° 36' 26"	F-48-58-A-c
chợ Ba Xã	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 47' 57"	106° 36' 21"					F-48-58-A-c
thôn Bản Nằng	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 48"	106° 37' 10"					F-48-58-A-c
hồ Bản Nằng	TV	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 45"	106° 36' 57"					F-48-58-A-c
bản Bó Quất	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 04"	106° 36' 55"					F-48-58-A-c
khau Chông Mu	SV	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 57"	106° 35' 18"					F-48-58-A-c
bản Kéo Kít	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 55"	106° 36' 27"					F-48-58-A-c
núi Kéo Rào	SV	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 47' 29"	106° 35' 16"					F-48-58-A-c
thôn Khòn Cải	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 28"	106° 36' 17"					F-48-58-A-c
thôn Khòn Ngòa	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 47' 52"	106° 36' 15"					F-48-58-A-c
thôn Khòn Pá	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 23"	106° 36' 39"					F-48-58-A-c
bản Khòn Sào	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 39"	106° 36' 07"					F-48-58-A-c
thôn Khòn Sày	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 31"	106° 35' 46"					F-48-58-A-c
bản Khòn Xừa	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 45"	106° 35' 42"					F-48-58-A-c
bản Khưa Thúm	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 02"	106° 36' 38"					F-48-58-A-c
bản Khun Xóm	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 30"	106° 36' 00"					F-48-58-A-c
bản Lùng Cuổi	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 40"	106° 36' 19"					F-48-58-A-c
thôn Lùng Mán	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 11"	106° 34' 40"					F-48-58-A-c
thôn Lùng Pá	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 03"	106° 37' 18"					F-48-58-A-c
hang Lùng Yên	SV	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 47' 39"	106° 35' 08"					F-48-58-A-c
bản Nà Bó	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 42"	106° 36' 00"					F-48-58-A-c
bản Nà Lìn	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 15"	106° 36' 04"					F-48-58-A-c
bản Nặm Bó	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 14"	106° 37' 13"					F-48-58-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nặm Dạt	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 10"	106° 35' 47"					F-48-58-A-c
thôn Năm Lạt	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 20"	106° 35' 53"					F-48-58-A-c
núi Phai Mật	SV	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 47' 28"	106° 35' 53"					F-48-58-A-c
thôn Phai Rọ	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 13"	106° 35' 51"					F-48-58-A-c
khau Pì	SV	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 19"	106° 37' 06"					F-48-58-A-c
bản Pò Mặn	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 19"	106° 36' 44"					F-48-58-A-c
thôn Pò Xè	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 50"	106° 36' 06"					F-48-58-A-c
khau Thán	SV	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 31"	106° 35' 03"					F-48-58-A-c
đường tỉnh 232	KX	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan			22° 00' 35"	106° 34' 36"	21° 56' 59"	106° 33' 59"	F-48-46-C
thôn Bản Cháo	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 59' 29"	106° 34' 31"					F-48-58-A-a
thôn Bản Hẻo	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 58' 34"	106° 34' 16"					F-48-58-A-a
bản Bó Danh	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 57' 54"	106° 34' 22"					F-48-58-A-a
núi Cốc Phung	SV	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	22° 00' 28"	106° 32' 36"					F-48-46-C
thôn Còn Pù	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 57' 38"	106° 33' 23"					F-48-58-A-a
bản Còn Sát	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 56' 31"	106° 34' 18"					F-48-58-A-a
núi Khau Lỳ	SV	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 56' 09"	106° 33' 40"					F-48-58-A-a
thôn Khun Thẳm	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 58' 36"	106° 32' 38"					F-48-58-A-a
sông Kỳ Cùng	TV	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan			21° 58' 16"	106° 36' 06"	22° 00' 58"	106° 35' 02"	F-48-58-A-a
bản Lùng Đin	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	22° 00' 11"	106° 34' 11"					F-48-46-C
bản Mò Khưa	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 58' 02"	106° 34' 48"					F-48-58-A-a
bản Nà Ho	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 59' 20"	106° 33' 30"					F-48-58-A-a
thôn Nà Lắc	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 58' 58"	106° 34' 44"					F-48-58-A-a
núi Nà Mu	TV	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 58' 33"	106° 33' 14"					F-48-58-A-a
suối Phai Slảo	TV	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan			22° 00' 23"	106° 33' 37"	22° 00' 58"	106° 35' 02"	F-48-46-C
bản Phiêng Khắc	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	22° 00' 11"	106° 35' 11"					F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Cóc Loi	DC	xã Tràng Các	H. Văn Quan	21° 49' 21"	106° 38' 31"					F-48-58-A-d
thôn Khau Đắng	DC	xã Tràng Các	H. Văn Quan	21° 48' 46"	106° 38' 17"					F-48-58-A-d
bản Khau Muồn	DC	xã Tràng Các	H. Văn Quan	21° 48' 58"	106° 38' 36"					F-48-58-A-d
thôn Khau Ràng	DC	xã Tràng Các	H. Văn Quan	21° 49' 42"	106° 40' 00"					F-48-58-A-d
bản Khòn Cáu	DC	xã Tràng Các	H. Văn Quan	21° 49' 49"	106° 38' 08"					F-48-58-A-d
thôn Khòn Luộc	DC	xã Tràng Các	H. Văn Quan	21° 49' 47"	106° 38' 20"					F-48-58-A-d
suối Lùng Thương	TV	xã Tràng Các	H. Văn Quan			21° 50' 54"	106° 38' 49"	21° 49' 40"	106° 39' 33"	F-48-58-A-d
khau Moòng	SV	xã Tràng Các	H. Văn Quan	21° 51' 11"	106° 38' 16"					F-48-58-A-d
thôn Nà Ái	DC	xã Tràng Các	H. Văn Quan	21° 49' 10"	106° 38' 47"					F-48-58-A-d
thôn Nà Khàn	DC	xã Tràng Các	H. Văn Quan	21° 50' 05"	106° 38' 07"					F-48-58-A-d
thôn Nà Lẹ	DC	xã Tràng Các	H. Văn Quan	21° 50' 56"	106° 37' 33"					F-48-58-A-d
suối Nà Lìn	TV	xã Tràng Các	H. Văn Quan			21° 49' 40"	106° 39' 33"	21° 49' 46"	106° 40' 17"	F-48-58-A-d
thôn Nà Phắt	DC	xã Tràng Các	H. Văn Quan	21° 50' 22"	106° 38' 07"					F-48-58-A-d
thôn Nà Tao	DC	xã Tràng Các	H. Văn Quan	21° 50' 16"	106° 39' 12"					F-48-58-A-d
thôn Nà Thườm	DC	xã Tràng Các	H. Văn Quan	21° 49' 22"	106° 39' 12"					F-48-58-A-d
suối Nà Thườm	TV	xã Tràng Các	H. Văn Quan			21° 48' 27"	106° 38' 01"	21° 49' 40"	106° 39' 33"	F-48-58-A-d
đường tỉnh 239	KX	xã Tràng Phái	H. Văn Quan			21° 47' 48"	106° 36' 26"	21° 45' 57"	106° 38' 31"	F-48-58-A-c
thôn Bản Háu	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 20"	106° 37' 25"					F-48-58-A-c
thôn Còn Chuông	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 03"	106° 36' 24"					F-48-58-A-c
làng Dưới	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 01"	106° 37' 07"					F-48-58-A-c
bản Đông Ké	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 31"	106° 36' 41"					F-48-58-A-c
bản Đồng Lâu	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 49"	106° 36' 09"					F-48-58-A-c
bản Khòn Đon	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 09"	106° 36' 42"					F-48-58-A-c
bản Khòn Mắn	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 29"	106° 37' 60"					F-48-58-A-d
bản Khòn Ngòa	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 07"	106° 37' 13"					F-48-58-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khòn Riềng	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 42"	106° 36' 38"					F-48-58-A-c
bản Khòn Sáng	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 12"	106° 37' 32"					F-48-58-A-d
bản Khòn Vạc	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 29"	106° 37' 04"					F-48-58-A-c
bản Khòn Yên	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 45' 52"	106° 37' 35"					F-48-58-A-d
bản Lũng Hủ	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 30"	106° 34' 15"					F-48-58-A-c
bản Lùng Ly	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 37"	106° 37' 17"					F-48-58-A-c
thôn Lùng Thúm	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 12"	106° 35' 11"					F-48-58-A-c
bản Mò Pài	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 17"	106° 36' 42"					F-48-58-A-c
thôn Nà Chanh	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 45' 40"	106° 37' 40"					F-48-58-A-d
bản Nà Khưa	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 28"	106° 36' 36"					F-48-58-A-c
bản Na Lẹng	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 38"	106° 35' 09"					F-48-58-A-c
bản Nà Lùm	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 45' 59"	106° 35' 21"					F-48-58-A-c
bản Nà Pài	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 52"	106° 36' 25"					F-48-58-A-c
bản Nà Pò	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 07"	106° 38' 04"					F-48-58-A-d
hang Ngườm Nặm	SV	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 45' 36"	106° 35' 03"					F-48-58-A-c
bản Pắc Đẩy	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 35"	106° 36' 26"					F-48-58-A-c
thôn Phai Làng	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 09"	106° 36' 51"					F-48-58-A-c
hang Phia Lộng (Phya Lộng)	SV	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 45' 39"	106° 37' 06"					F-48-58-A-c
bản Pò Ỏi	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 02"	106° 35' 37"					F-48-58-A-c
bản Pò Riềng	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 38"	106° 36' 51"					F-48-58-A-c
bản Sanh Chài	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 55"	106° 35' 12"					F-48-58-A-c
khau Sen	SV	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 33"	106° 37' 39"					F-48-58-A-d
bản Thâm Duốc	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 45' 54"	106° 38' 10"					F-48-58-A-d
thôn Túng Nọi	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 48' 55"	106° 34' 03"					F-48-58-A-c
thôn Tùng Tày	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 23"	106° 36' 59"					F-48-58-A-c
đường tỉnh 239	KX	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan							

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bản Pảng	DC	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 50' 00"	106° 33' 41"					F-48-58-A-c
bản Bó Phan	DC	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 48' 51"	106° 33' 40"					F-48-58-A-c
núi Cốc Tàu Phồi	SV	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 15"	106° 34' 06"					F-48-58-A-c
thôn Kéo Còi	DC	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 50' 24"	106° 33' 43"					F-48-58-A-c
núi Kéo Xốp	SV	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 48' 37"	106° 34' 46"					F-48-58-A-c
thôn Khau Thán	DC	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 20"	106° 34' 52"					F-48-58-A-c
thôn Khòn Cát	DC	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 50' 24"	106° 35' 10"					F-48-58-A-c
thôn Khòn Làng	DC	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 31"	106° 35' 07"					F-48-58-A-c
bản Khòn Thon	DC	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 26"	106° 34' 12"					F-48-58-A-c
bản Lũng Hà	DC	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 38"	106° 33' 05"					F-48-58-A-c
thôn Lùng Tàu - Lùng Pha	DC	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 48' 37"	106° 34' 26"					F-48-58-A-c
bản Nà Hấy	DC	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 41"	106° 33' 57"					F-48-58-A-c
thôn Nà Mu - Nà Lá	DC	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 56"	106° 34' 16"					F-48-58-A-c
bản Phiền Mậu	DC	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 29"	106° 34' 24"					F-48-58-A-c
núi Say Khau	SV	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 50' 38"	106° 33' 06"					F-48-58-A-c
bản Thàng Tắm	DC	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 38"	106° 34' 52"					F-48-58-A-c
bản Thí	DC	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 41"	106° 35' 22"					F-48-58-A-c
thôn Bản Bang	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 31"	106° 25' 54"					F-48-57-B-d
suối Bản Bang	TV	xã Tri Lễ	H. Văn Quan			21° 47' 58"	106° 25' 47"	21° 47' 08"	106° 26' 34"	F-48-57-B-d
thôn Bản Châu	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 48"	106° 27' 44"					F-48-57-B-d
suối Bản Châu 1	TV	xã Tri Lễ	H. Văn Quan			21° 46' 28"	106° 25' 36"	21° 47' 08"	106° 26' 34"	F-48-57-B-d
suối Bản Châu 2	TV	xã Tri Lễ	H. Văn Quan			21° 45' 34"	106° 27' 53"	21° 47' 17"	106° 27' 23"	F-48-57-B-d
bản Bó Vú	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 45' 54"	106° 25' 37"					F-48-57-B-d
bản Ca Hướng	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 32"	106° 25' 54"					F-48-57-B-d
đèo Canh Khuyết	SV	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 40"	106° 27' 20"					F-48-57-B-d
núi Chọc Cổi	SV	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 14"	106° 28' 25"					F-48-57-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Co Cam	SV	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 06"	106° 28' 23"					F-48-57-B-d
bản Cốc Sa	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 08"	106° 25' 08"					F-48-57-B-d
đèo Cướm	SV	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 45' 06"	106° 28' 31"					F-48-57-B-d
thôn Đèo Luông	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 45' 28"	106° 28' 19"					F-48-57-B-d
núi Keng Hán	SV	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 33"	106° 28' 34"					F-48-57-B-d
núi Keng Lân	SV	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 49"	106° 24' 23"					F-48-57-B-d
bản Kéo Chài	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 40"	106° 26' 55"					F-48-57-B-d
bản Khau Phai	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 07"	106° 27' 26"					F-48-57-B-d
núi Khòn Dăm	SV	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 49' 03"	106° 26' 55"					F-48-57-B-d
thôn Khòn Vả	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 27"	106° 27' 44"					F-48-57-B-d
bản Khum Mằn	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 14"	106° 26' 47"					F-48-57-B-d
núi Khum Mằn	SV	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 49"	106° 26' 38"					F-48-57-B-d
đèo Lân	SV	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 06"	106° 25' 03"					F-48-57-B-d
bản Lọ Phải	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 42"	106° 25' 24"					F-48-57-B-d
đèo Lùng Chiếu	SV	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 20"	106° 29' 22"					F-48-57-B-d
bản Lũng Phòn	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 43"	106° 24' 48"					F-48-57-B-d
thôn Lũng Phúc	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 31"	106° 26' 54"					F-48-57-B-d
bản Lũng Vàn	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 52"	106° 26' 28"					F-48-57-B-d
bản Lũng Ví	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 39"	106° 28' 04"					F-48-57-B-d
thôn Nà Bó	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 06"	106° 25' 29"					F-48-57-B-d
thôn Nà Chàu	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 20"	106° 25' 48"					F-48-57-B-d
thôn Nà Chuông	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 58"	106° 27' 56"					F-48-57-B-d
suối Nà Chuông	TV	xã Tri Lễ	H. Văn Quan			21° 47' 17"	106° 27' 23"	21° 48' 40"	106° 27' 57"	F-48-57-B-d
núi Nà Hà	SV	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 49"	106° 27' 08"					F-48-57-B-d
đèo Nà Khảo	SV	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 52"	106° 26' 13"					F-48-57-B-d
bản Nà Lạt	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 10"	106° 26' 10"					F-48-57-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Lày	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 19"	106° 27' 28"					F-48-57-B-d
bản Nà Lìn	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 14"	106° 27' 39"					F-48-57-B-d
bản Nà Loóc	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 14"	106° 27' 52"					F-48-57-B-d
bản Nà Mu	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 49"	106° 27' 57"					F-48-57-B-d
bản Nà Mục	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 21"	106° 27' 16"					F-48-57-B-d
bản Nà Pất	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 53"	106° 27' 27"					F-48-57-B-d
bản Phai Tềnh	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 30"	106° 28' 14"					F-48-57-B-d
bản Phấn	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 28"	106° 25' 19"					F-48-57-B-d
đèo Pò Chài	SV	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 27"	106° 26' 23"					F-48-57-B-d
bản Quan Tài	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 45' 47"	106° 27' 18"					F-48-57-B-d
núi Sa Thần	SV	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 09"	106° 28' 00"					F-48-57-B-d
bản Tát Lùng	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 27"	106° 26' 58"					F-48-57-B-d
thôn Thuồng Duống	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 59"	106° 27' 12"					F-48-57-B-d
quốc lộ 1B	KX	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan			21° 50' 05"	106° 28' 09"	21° 51' 08"	106° 30' 42"	F-48-57-B-d
cầu Bản Giềng	KX	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 49' 58"	106° 28' 28"					F-48-57-B-d
thôn Bản Mù	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 51' 42"	106° 28' 44"					F-48-57-B-d
khe Bản Mù	TV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan			21° 52' 04"	106° 28' 51"	21° 51' 32"	106° 28' 44"	F-48-57-B-d
thôn Bó Cáng	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 48' 54"	106° 28' 30"					F-48-57-B-d
cầu Bó Pia (Bó Pya)	KX	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 51' 03"	106° 30' 26"					F-48-58-A-c
núi Cốc Càng	SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 52' 46"	106° 27' 55"					F-48-57-B-b
bản Giềng	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 04"	106° 28' 47"					F-48-57-B-d
sông Hang	TV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan			21° 50' 01"	106° 28' 24"	21° 50' 44"	106° 29' 49"	F-48-57-B-d
thôn Hang Nà	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 24"	106° 29' 18"					F-48-57-B-d
núi Hin Phéc	SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 52' 15"	106° 29' 39"					F-48-57-B-d
núi Khau Phai	SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 49' 03"	106° 27' 16"					F-48-57-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Khau Quan	SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 52' 48"	106° 27' 23"					F-48-57-B-b
bản Khòn Khoang	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 04"	106° 29' 11"					F-48-57-B-d
bản Khum Khinh	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 51' 28"	106° 27' 49"					F-48-57-B-d
bản Khum Nhù	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 52' 07"	106° 27' 46"					F-48-57-B-d
bản Khuổi Loỏng	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 49' 30"	106° 27' 40"					F-48-57-B-d
suối Khuổi Loỏng	TV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan			21° 49' 36"	106° 27' 48"	21° 49' 58"	106° 28' 24"	F-48-57-B-d
núi Lằng Ca	SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 51' 21"	106° 27' 26"					F-48-57-B-d
núi Lăng Đình	SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 52' 24"	106° 27' 56"					F-48-57-B-d
thôn Lũng Cải	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 17"	106° 30' 13"					F-48-58-A-c
núi Lũng Chiếu	SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 48' 49"	106° 29' 19"					F-48-57-B-d
bản Lùng Noong	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 49' 32"	106° 29' 11"					F-48-57-B-d
bản Lũng Phúc	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 49' 25"	106° 30' 25"					F-48-58-A-c
núi Lùng Sláy	SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 55"	106° 30' 38"					F-48-58-A-c
núi Mạ Tiếu Kha	SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 05"	106° 30' 49"					F-48-58-A-c
sông Mô Pia	TV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan			21° 50' 44"	106° 29' 49"	21° 51' 10"	106° 30' 42"	F-48-58-A-c
bản Mù Trên	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 52' 09"	106° 28' 46"					F-48-57-B-d
bản Nà Chèng	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 49' 20"	106° 28' 32"					F-48-57-B-d
suối Nà Chèng	TV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan			21° 48' 40"	106° 27' 57"	21° 49' 58"	106° 28' 24"	F-48-57-B-d
thôn Nà Đông	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 53' 13"	106° 29' 09"					F-48-57-B-b
thôn Nà Lốc	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 52' 46"	106° 29' 43"					F-48-57-B-b
sông Nà Lốc	TV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan			21° 53' 53"	106° 29' 07"	21° 52' 15"	106° 29' 58"	F-48-57-B-d
núi Nà Ngần	SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 53' 26"	106° 27' 20"					F-48-57-B-b
bản Nà Phường	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 11"	106° 28' 35"					F-48-57-B-d
bản Nà Quạng	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 24"	106° 28' 57"					F-48-57-B-d
bản Pá Phấy	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 48' 54"	106° 28' 09"					F-48-57-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Pắc Kéo	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 16"	106° 29' 11"					F-48-57-B-d
suối Phi Pha	TV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan			21° 54' 05"	106° 28' 44"	21° 53' 53"	106° 29' 07"	F-48-57-B-b
bản Phiêng Niếng	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 46"	106° 29' 57"					F-48-57-B-d
bản Sào Thông	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 52' 57"	106° 28' 20"					F-48-57-B-b
thôn Thanh Lạng	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 53' 45"	106° 29' 11"					F-48-57-B-b
quốc lộ 1B	KX	xã Văn An	H. Văn Quan			21° 52' 46"	106° 34' 43"	21° 52' 58"	106° 37' 27"	F-48-58-A-a
thôn Bản Làn	DC	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 53' 10"	106° 36' 33"					F-48-58-A-a
thôn Bản Nhuần	DC	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 53' 28"	106° 35' 14"					F-48-58-A-a
núi Cốc Ngàn	SV	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 54' 26"	106° 35' 18"					F-48-58-A-a
khối Điểm He 1	DC	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 53' 40"	106° 35' 51"					F-48-58-A-a
thôn Đông Pha	DC	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 52' 38"	106° 36' 58"					F-48-58-A-a
thôn Khòn Háo	DC	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 53' 21"	106° 35' 35"					F-48-58-A-a
sông Kỳ Cùng	TV	xã Văn An	H. Văn Quan			21° 53' 03"	106° 37' 27"	21° 54' 30"	106° 35' 44"	F-48-58-A-a
đèo Lùng Pa	SV	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 52' 46"	106° 34' 43"					F-48-58-A-a
thôn Nà Pàn	DC	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 53' 02"	106° 36' 36"					F-48-58-A-a
thôn Phai Cam	DC	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 54' 02"	106° 35' 14"					F-48-58-A-a
núi Phai Và	SV	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 54' 04"	106° 35' 35"					F-48-58-A-a
đường tỉnh 232	KX	xã Vân Mộng	H. Văn Quan			21° 56' 26"	106° 33' 03"	21° 54' 42"	106° 33' 52"	F-48-58-A-a
đèo Cầu Tập	SV	xã Vân Mộng	H. Văn Quan	21° 54' 53"	106° 33' 46"					F-48-58-A-a
núi Cốc Mìn	SV	xã Vân Mộng	H. Văn Quan	21° 56' 17"	106° 32' 02"					F-48-58-A-a
thôn Khòn Cải	DC	xã Vân Mộng	H. Văn Quan	21° 55' 06"	106° 33' 44"					F-48-58-A-a
thôn Khòn Duông	DC	xã Vân Mộng	H. Văn Quan	21° 55' 29"	106° 33' 06"					F-48-58-A-a
thôn Khòn Lạn	DC	xã Vân Mộng	H. Văn Quan	21° 56' 04"	106° 33' 17"					F-48-58-A-a
thôn Khòn Tẩu Ư (Khòn Tẩư)	DC	xã Vân Mộng	H. Văn Quan	21° 55' 52"	106° 33' 15"					F-48-58-A-a
núi Lăng Khuyên	SV	xã Vân Mộng	H. Văn Quan	21° 56' 16"	106° 32' 29"					F-48-58-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Lũng Lìu	DC	xã Vân Mộng	H. Văn Quan	21° 55' 39"	106° 32' 29"					F-48-58-A-a
thôn Nà Pua	DC	xã Vân Mộng	H. Văn Quan	21° 56' 00"	106° 32' 02"					F-48-58-A-a
núi Phai Lỷ	SV	xã Vân Mộng	H. Văn Quan	21° 55' 13"	106° 32' 57"					F-48-58-A-a
núi Tềnh Bó	SV	xã Vân Mộng	H. Văn Quan	21° 56' 32"	106° 33' 20"					F-48-58-A-a
đường tỉnh 232	KX	xã Việt Yên	H. Văn Quan			21° 56' 59"	106° 33' 59"	21° 56' 26"	106° 33' 03"	F-48-58-A-a
đèo Cốc Quân	SV	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 56' 45"	106° 32' 48"					F-48-58-A-a
đèo Đá	SV	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 57' 02"	106° 33' 52"					F-48-58-A-a
thôn Khòn Bó	DC	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 57' 37"	106° 33' 07"					F-48-58-A-a
thôn Khòn Coọng	DC	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 57' 10"	106° 32' 36"					F-48-58-A-a
núi Lùng Pán	SV	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 57' 16"	106° 33' 52"					F-48-58-A-a
núi Lùng Tàn	SV	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 56' 34"	106° 32' 14"					F-48-58-A-a
bản Nà Lài	DC	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 56' 37"	106° 32' 49"					F-48-58-A-a
thôn Nà Lùng	DC	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 57' 13"	106° 33' 37"					F-48-58-A-a
thôn Nà Me	DC	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 57' 50"	106° 33' 26"					F-48-58-A-a
thôn Nà Rằng	DC	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 56' 57"	106° 33' 06"					F-48-58-A-a
suối Phả Lạn	TV	xã Việt Yên	H. Văn Quan			21° 56' 38"	106° 33' 15"	21° 58' 24"	106° 32' 59"	F-48-58-A-a
quốc lộ 1B	KX	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan			21° 52' 44"	106° 33' 12"	21° 53' 01"	106° 34' 12"	F-48-58-A-a
thôn Bản Bác	DC	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 52' 58"	106° 33' 14"					F-48-58-A-a
thôn Bản Lải	DC	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 54' 02"	106° 33' 36"					F-48-58-A-a
núi Bó Nộc	SV	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 53' 17"	106° 34' 29"					F-48-58-A-a
cầu Hát Bon	KX	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 54' 14"	106° 34' 00"					F-48-58-A-a
sông Mô Pia	TV	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan			21° 52' 46"	106° 32' 57"	21° 55' 12"	106° 34' 39"	F-48-58-A-a
thôn Nà Bung	DC	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 54' 22"	106° 34' 06"					F-48-58-A-a
thôn Nà Lộc	DC	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 53' 09"	106° 33' 35"					F-48-58-A-a
thôn Nà Pò	DC	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 54' 42"	106° 34' 47"					F-48-58-A-a
thôn Nà Súng	DC	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 53' 45"	106° 33' 44"					F-48-58-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Tềnh	DC	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 53' 29"	106° 33' 55"					F-48-58-A-a
núi Phai SLuông	SV	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 54' 33"	106° 33' 22"					F-48-58-A-a
núi Tùng Lầy	SV	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 53' 52"	106° 33' 56"					F-48-58-A-a
thôn Bản Coóng 1	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 51' 22"	106° 31' 20"					F-48-58-A-c
thôn Bản Coóng 2	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 51' 34"	106° 31' 19"					F-48-58-A-c
thôn Bản Dạ	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 49' 36"	106° 31' 50"					F-48-58-A-c
núi Bó Phi	SV	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 48' 32"	106° 33' 18"					F-48-58-A-c
sông Bó Xuất	TV	xã Xuân Mai	H. Văn Quan			21° 49' 26"	106° 31' 41"	21° 51' 20"	106° 31' 39"	F-48-58-A-c
bản Cóc Loi	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 48' 55"	106° 33' 07"					F-48-58-A-c
thôn Cưởm Dưới	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 48' 55"	106° 32' 56"					F-48-58-A-c
thôn Cưởm Trên	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 48' 16"	106° 33' 05"					F-48-58-A-c
núi Kéo Nòn	SV	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 50' 28"	106° 32' 34"					F-48-58-A-c
thôn Khòn Khẻ	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 49' 55"	106° 31' 37"					F-48-58-A-c
bản Lùng Khoang	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 49' 42"	106° 32' 18"					F-48-58-A-c
khau Muồng	SV	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 47' 49"	106° 33' 01"					F-48-58-A-c
thôn Nà Bảnh	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 50' 10"	106° 31' 23"					F-48-58-A-c
bản Nà Đa	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 49' 13"	106° 32' 53"					F-48-58-A-c
núi Nặm Tấu	SV	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 49' 51"	106° 32' 39"					F-48-58-A-c
núi Pha Lầy Về	SV	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 50' 54"	106° 32' 11"					F-48-58-A-c
quốc lộ 279	KX	xã Yên Phúc	H. Văn Quan			21° 47' 28"	106° 32' 12"	21° 45' 06"	106° 32' 33"	F-48-58-A-c
thôn Bắc	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 19"	106° 33' 09"					F-48-58-A-c
khau Cang	SV	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 58"	106° 33' 09"					F-48-58-A-c
thôn Chợ Bãi	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 18"	106° 32' 17"					F-48-58-A-c
bản Cốc Mìn	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 49"	106° 32' 08"					F-48-58-A-c
bản Cốc Mỹ	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 03"	106° 32' 10"					F-48-58-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Hùng Phác	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 04"	106° 32' 28"					F-48-58-A-c
bản Kéo Đẩy	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 22"	106° 32' 19"					F-48-58-A-c
bản Khau Kít	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 08"	106° 30' 33"					F-48-58-A-c
bản Khòn Am	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 27"	106° 31' 34"					F-48-58-A-c
bản Khòn Cạng	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 44"	106° 31' 47"					F-48-58-A-c
bản Khòn Choòng	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 33"	106° 32' 13"					F-48-58-A-c
bản Khòn Chùa	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 26"	106° 31' 54"					F-48-58-A-c
bản Khòn Kéo	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 11"	106° 30' 45"					F-48-58-A-c
bản Khòn Linh	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 23"	106° 32' 16"					F-48-58-A-c
bản Khòn Quặc	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 57"	106° 32' 28"					F-48-58-A-c
bản Khòn Săn	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 58"	106° 30' 47"					F-48-58-A-c
bản Khòn Sào	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 24"	106° 31' 10"					F-48-58-A-c
bản Khòn Sày	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 18"	106° 31' 53"					F-48-58-A-c
bản Khum Khẩu	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 49"	106° 32' 31"					F-48-58-A-c
bản Khum Lùng	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 07"	106° 31' 24"					F-48-58-A-c
đèo Lũng Cất	SV	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 16"	106° 28' 57"					F-48-57-B-d
bản Lùng Quân	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 39"	106° 30' 11"					F-48-58-A-c
suối Mơ	TV	xã Yên Phúc	H. Văn Quan			21° 46' 37"	106° 31' 19"	21° 47' 05"	106° 32' 09"	F-48-58-A-c
bản Moòng Luông	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 13"	106° 30' 14"					F-48-58-A-c
bản Nà Bon	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 16"	106° 33' 15"					F-48-58-A-c
bản Nà Khau	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 34"	106° 32' 33"					F-48-58-A-c
bản Nà Lẹng	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 15"	106° 32' 52"					F-48-58-A-c
bản Nà Mèo	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 06"	106° 32' 12"					F-48-58-A-c
bản Nà Om	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 07"	106° 32' 04"					F-48-58-A-c
bản Nà Thẳm	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 36"	106° 31' 34"					F-48-58-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Thướn	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 38"	106° 32' 26"					F-48-58-A-c
bản Nhà Trung	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 44"	106° 32' 12"					F-48-58-A-c
bản Pác Lùng	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 59"	106° 31' 15"					F-48-58-A-c
bản Pắc Tặng	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 57"	106° 32' 32"					F-48-58-A-c
bản Phai Ca	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 51"	106° 32' 14"					F-48-58-A-c
bản Phai Mới	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 15"	106° 32' 16"					F-48-58-A-c
núi Phai Tàn	SV	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 39"	106° 33' 24"					F-48-58-A-c
bản Sa Bó	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 52"	106° 31' 48"					F-48-58-A-c
bản Sào Mạ	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 39"	106° 32' 51"					F-48-58-A-c
thôn Tây A	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 33"	106° 31' 59"					F-48-58-A-c
bản Thiên Tảng	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 39"	106° 31' 30"					F-48-58-A-c
núi Xa Khế	SV	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 32"	106° 29' 28"					F-48-57-B-d

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Linh Ngọc